

Giải phẩm văn-nghệ

tân phong

bảo sơn
chủ trương

nguyễn thị vinh
linh bảo
duy lam
tường hùng
nhật tiến
đỗ phương khanh
tô hoàng
trúc lâm
thạch ăn
vũ hoàng chương
bàng bá lân
phan lạc tuyên
linh vũ
kim liên
cung trầm tường
cao hoàng nhân
liêu dương

Mục lục

TRANG

Kinh dị, thơ của Sa-Giang Trần-tuấn-Kiệt.. ..	2
Phái Hiện Thực trong thi ca, của Phan-lạc-Tuyên ..	3
Một nửa vàng trắng, thơ của Thạch-Ẩn	9
Dở dang, thơ của Trọng-Bình.	10
Hồ hện, thơ của Lưu-Lý	10
Con chó hoang, truyện dịch của Phạm-lệ-Oanh ..	11
Mộng cổ đô, thơ của Trúc-Lâm	18
Vui cười.	20
Tim trẻ và cuộc đời, truyện ngắn của Duy-Lam. ..	21
Tiếng Việt miền Nam, thơ của Bằng-bá-Lân	29
Thiếu niên hành, thơ của Vương-Duy.. ..	30
Vui cười.. ..	32
Chuyến xe nổi loạn, truyện dịch của Bảo-Sơn.. ..	33
Củ mới, truyện phiếm của Linh-Vũ	37
Nhớ thương, thơ của Tô-trần-Nguyễn.. ..	40
Làm cao, truyện ngắn của Doãn-Dân	41
Nói đi em, thơ của Thầm-thoàn-Kiều	50
Vui cười.	52
Liều-tôn-Nguyên thi thoại.	53
Cái lưới, truyện dài của Duy-Lam.	55
Mưa đêm bên sông, thơ của Phan-lạc-Tuyên.. ..	60
Hát trống quân, của Vũ-huy-Chấn.	61
Chiều, thơ của Cung-trầm-Tưởng.. ..	67
Sưu tầm	68
Những vì sao lạc, truyện dài của Nhật-Tiến.	69
Yêu khổ, thơ của H. Tú-Huyền	74
Căn nhà bí mật, của Tô-Hoàng dịch.. ..	75
Gửi độc-giả xa gần.. ..	79

BRILLIANTINE

PASTEURISÉ 390/NA 16-6-12



Xét thấy hàng người quốc sách nhất Việt Nam

ẤN LOÁT — XUẤT BẢN

IN ĐỦ CÁC ĐỒ VĂN-PHÒNG
SÁCH - BÁO

BA ĐẶC ĐIỂM :

- ★ Nhanh chóng
- ★ Cần thận
- ★ Đúng hẹn

✻ CỎ IN THIẾP CHỮ NỒI ✻

Các thứ thiệp mời, thiệp cưới

57, Nguyễn-Du — Saigon

Điện-thoại : 20 364

Giải phẩm văn-nghệ

tân phong

bảo sơn
chủ trương

nguyễn thị vinh
linh bảo
duy lam
tường hùng
nhật tiến
đỗ phương khanh
tô hoàng
trúc lâm
thạch ăn
vũ hoàng chương
bàng bá lân
phan lạc tuyên
linh vũ
kim liên
cung trầm tường
cao hoàng nhân
liêu dương



KINH DI

Thơ của Sa-Giang Trần-tuấn-Kiệt

Lũ hung thần một đêm gào vũ trụ
Đã băng qua xóm nhà lá nghèo nàn
Thành xác xơ như thuở đất trời hoang
Làm sụp đổ không còn đôi cột nhỏ.
Tôi về đây và đứng buồn trước ngõ
Vài mái tranh ai dựng đứng nghiêng chiều
Một bóng người trơ mắt lạnh đăm chiêu
Mồm chai cứng tay gầy đưa vẫy đón.
Tôi im lặng rồi ngả đầu cắt nón :
— Kinh chào người, còn ai sống cùng chăng ?
Người mặc nhiên lòng giá rét như băng
Không lên tiếng trả lời; tôi sợ hãi.
— Trời! ác mộng hay chính trong thực tại
Đờ thân cây, hồn phách ở đâu rồi ?
Người lạnh lùng sẽ tiến đến bên tôi
Lấy tay chỉ lên đầu mồm ú-ớ.
Ô! ghê sợ! nửa mảng đầu nước-nở
Sợ ban hai màu óc xám đen sì
Thở phập-phồng rịn nước sắc vàng hoe
Tôi sợ quá quay nhìn về nơi khác.
Tôi ghét quá, lũ hung thần quái ác !
Sa-Giang Trần-tuấn Kiệt.

tân phong

do BẢO-SƠN chủ trương

với sự cộng tác của :

— Nguyễn-thị-Vinh — Đỗ-Phương-Khanh — Vũ-hoàng-Chương — Thạch-Ân
— Linh-Đào — Nhật-Tiến — Bàng-bá-Lân — Trúc-Lâm
— Duy-Lam — Tô-Hoàng — Doãn-quốc-Sỹ — Hư-Chu
— Tường-Hùng — Cung-trần-Tường — Phan-lạc-Tuyên — Vũ-huy-Chấn

Tô-Hoàng trình bày

Địa-chỉ Tòa soạn : 217, Lê-văn-Duyệt nổi dài — SAIGON

trước vui thích sau ích lợi

BÀN VỀ MỘT VÀI PHÁI VĂN-NGHỆ

phái hiện thực trong thi-ca của Phan-lạc-Tuyên

Trong phạm vi văn nghệ, sự phản ứng đối với phái Lãng Mạn đã được thể hiện bằng phái Hiện-Thực mà phái Tự-Nhiên được kể như một giai đoạn muộn nhất (1). Phái Hiện-Thực oằn được coi như không khác biệt với Tự-Nhiên và Ấn-Tượng (về họa) (2).

Tuy bài tiểu luận này không nhằm việc phân tách về hội họa thuộc phái

Ấn-Tượng nhưng sự nhận xét qua một vài đặc tính của phái Ấn-Tượng sẽ giúp chúng ta quan niệm rõ ràng hơn về Hiện-Thực trong thi-ca.

Các họa sĩ phái Ấn-Tượng (hay Tự-Nhiên) xây dựng bức họa theo

(1) Histoire des Littératures của R. Quénecau.

(2) The New World Family Encyclopedia, 1955.

đúng với hình dáng ngoại cảnh, trung thành với màu sắc tự nhiên của nó. Chiều sâu bức tranh được mô tả rõ rệt, với những ánh sáng và bối cảnh làm bức tranh nổi bật hẳn lên. Người ta có thể nghĩ đến bức họa *Oarsmen at Chatou* (những người chèo thuyền ở Chatou) (3). Renoir chú trọng đến việc thể hiện những luật « viễn cảnh » (perspective), những kích thước đúng đắn, những màu sắc trung thành với sự vật, gây sự gợi cảm, bắt người xem phải chú ý. Màu đỏ tươi của con thuyền nổi bật trên bóng đen mờ và đỏ sẫm của bóng nước. Xa xa trong chiều sâu của bức tranh, đường chân trời được cân xứng nhờ ở màu sắc của nhà ở, mây và mặt nước; tất cả làm cho bức họa có một chiều sâu thực tại. Thần tượng của phái Ấn-Tượng như : Manet, Monet, Degas, thường được nhắc nhở đến luôn như những thiên tài trong lịch sử hội họa.

Trong phạm vi thi ca, phái Hiện-Thực bắt nguồn ở triều hướng triết học thực nghiệm và khoa học của Auguste Comte. Người Thơ trong phái Hiện-Thực mô tả những hình ảnh thực tại đôi khi đến sống sượng mà ở phái Tượng-Trung đã tránh không tả đến. E. Zola, một nhà văn trong phái Hiện-Thực đã nói : « Chấp nhận và tả đúng cái gì đã có ». Mạnh hơn nữa G. Flaubert xác nhận quan niệm : « văn chương phải theo đường lối của khoa học ». Charles Péguy một nhà thơ Pháp đã cố gắng diễn tả những sự vật đã có, tầm thường

như « bùn, nước... ». Thơ của phái Hiện-Thực thường ít nhạc điệu, ít bóng bẩy hơn phái Tượng-Trung. Trong một bài thơ, những hình ảnh được khâu vá lại để tạo thành một đề tài. Hình ảnh đó có khi không duy nhất về không gian và thời gian.

Giữa Hiện-Thực và Tự-Nhiên không có biên giới rõ rệt. Người Thơ diễn tả tất cả những cái họ thu nhận được ở ngoại cảnh thiên nhiên. Gaëtan Picon cho rằng : « *thiên nhiên chính là cao độ của hiện thực* ». Theo ông, thiên nhiên là động lực của sáng tạo.

Ở Hoa-Kỳ nhà thơ Whitman với thi phẩm *The Leaves of Grass* (Lá Cỏ) được coi như điển hình trong phái Hiện-Thực tâm tình. (4) Ông hết sức say mê thiên nhiên :

« *Tôi đi rong chơi và mời chào tâm hồn tôi*

« *Tôi cái mình và đi rong chơi theo ý thích để ngắm một nhánh cỏ mùa hè* ». (5)

Yêu một nhánh cỏ mùa hè dễ biểu lộ tình cảm tha thiết với thiên nhiên, sự thư thái của tâm hồn, Whitman đã dùng đến những hình ảnh giản dị, tự nhiên, rõ rệt, những sự vật tự nó đứng vững về phương diện diễn tả. Ông muốn chứng minh rằng thi ca đã phát triển, người Thơ không nên tự giam hãm vào những lề luật cũ rích, và khô cứng. Ông đã viết :

(3) *Fifty Great Artists* của Bernard Myers.

(4) *Le Naturalisme* của P. Cognat.

(5) *Anthologie de la Poésie Américaine* của A. Bosquet.

« Hai mươi tám chàng thanh niên
tắm gần bờ sông

« Hai mươi tám chàng thanh niên
đều có tình bằng hữu

« Hai mươi tám năm của cuộc sống
một người đàn bà và tất cả đều
cô độc

« Nàng có một căn nhà đẹp ở phía
bờ sông lên

« Nàng tự dấu mình, đẹp đẽ và ăm
mặc dầu có sau những tay nắm
cửa sồi,

« Trong số thanh niên ai yêu
nàng nhất

« A ! người xấu trai nhất đối với
nàng là đẹp. (6).

Whitman trình bày sự thật của sự vật và tình cảm với những hình ảnh rất thực. Ông nghiêng về một thứ « Hiện-Thực tâm tình và tự nhiên ». Ông muốn trước sức tiến bộ của con người, thi ca sẽ bắt nhịp với bước đi ấy. Ông phá bỏ những gò bó của niêm luật cũ mà xưa kia người Thơ vẫn phải lấy đó làm khuôn vàng thước ngọc để sáng tác. Ông quan niệm rằng kỹ thuật và nội dung phải hoà hợp, cũng như sự diễn tả tình cảm đã tạo nên một thứ niêm luật linh động tùy cảm hứng. Riêng ở Hoa-kỳ mặc dầu gặp phải một số ý kiến đối lập, ông vẫn được coi như một nhà thơ điển hình, nói lên được tiếng nói của tâm hồn con người.

Ở Nga, Alexandre Pouchkine (1799-1837) tác giả thi tập Rouslan và Ludmila đã chủ trương chống lại chủ trương Tượng-Trung. Ông muốn rung cảm để vẽ nên một thực tại rõ

ràng, giản dị, đôi khi sống sượng nữa. Tuy nhiên, ông quan niệm rằng giản dị không phải là nghèo nàn, khô cằn. Giản dị chính là sự rung cảm mãnh liệt, sâu sắc của người Thơ sau khi đã được đãi lọc trong cảm giác và suy tưởng, sẽ xây dựng nên những lời thơ cô đọng, chính xác, và hình dung trung thành được sự vật.

Pouchkine có một quan niệm riêng về thi nhân : (7)

« Anh là vua — sống cô đơn — đi
trên con đường tự do

« Ở đây anh gọi đến trí thông minh
và sự tự do của anh

« Trong khi hoàn mỹ kết quả của
những suy tưởng mà anh triu mến

« Không đời hời sự đánh giá về
hành động cao quý của anh »

Ở Nga, phái Hiện-Thực truyền xuống đến Maïakovsky chịu ảnh hưởng nặng nề của chủ nghĩa Mác-Xít và được mệnh danh là Hiện-Thực Xã-Hội. Hiện-Thực Xã-Hội theo quan niệm Mác-Xít là một phương tiện trong giai cấp đấu tranh, văn nghệ bị hạ giá xuống làm phương tiện cho tuyên truyền. Những nhà văn nghệ của thế giới tự do đã gọi đó là chủ trương Jdanovisme. Theo nhà lý thuyết Cộng-Sản Jdanov thì « văn nghệ đi đến chỗ tuyệt đích là tuyên truyền, tuyên truyền đi đến chỗ tuyệt đích là văn nghệ ». Maïakovsky cho rằng « cách mạng đã khởi đầu bằng thi ca ». Tuy nhiên dù ông có tham gia vào cách mạng vô

(6) Anthologie de la Poésie Américaine
của A. Bosquet.

(7) Maïakovsky của Elsa Triolet.

sản từ năm 15 tuổi (1908) ông vẫn thấy chán chường, đau khổ, hối hận và buồn nản ngay cả đến danh vọng mà cộng sản Nga đã ban cho ông. Maïakovsky tự tử chết ngày 14-4-1930. Trong lý thuyết thi ca, đời với sự «nổi loạn thường trực» như Rimbaud đã nói, ông đã cho đó là một «sự nổi loạn của giai cấp đấu tranh». Nhưng dù sao những lời thơ tuyệt mệnh của ông để lại trước khi từ giã cuộc đời cũng vẫn là tiếng cảnh cáo tất cả những văn nghệ sĩ nào đang hụp lặn trong trường «Hiện-Thực Xã-Hội». Maïakovsky đã viết : (8)

« Tôi từ bỏ cuộc đời
« Không cần phải duyệt lại
những sự đau đớn
những sự khốn khổ

Trong vùng Việt-cộng hiện nay, đường lối của phái Hiện Thực Xã-Hội là một đường lối duy nhất để các văn nghệ sĩ nhắm mắt tuân theo trong việc sáng tác. Tất cả nội dung hay hướng đi đều đã được Đảng định sẵn, mà Tố-Hữu là một tên cai thầu văn nghệ điển hình. Mỗi chiến dịch tuyên truyền hay mỗi đợt đấu tố là một đề tài cho những người gọi là nhà thơ, nhà văn vùng Việt-cộng.

Bởi giả tạo, phi nhân bản và thiếu tự do như vậy nên chúng ta thấy những « giá trị thi ca tiên chiến » của một Xuân-Diệu, một Nguyễn-Bính đã sụp đổ hoàn toàn. Ta hãy xem họ viết :

(8) Maïakovsky của Elsa Triolet.

« Cường hào địa chủ đạt kẻ
« Đấu lý cho chúng gây như một
nghe
« Nhược bằng chúng vẫn mặt lý
« Đấu lực cho mặt gian phi chẳng
lời
« Nhược bằng chúng vẫn ngoa
người
« Đấu pháp cho chúng tiết nời gian
ngoan.

(XUÂN-DIỆU)

Và đây là mấy câu thơ « hiện thực xã hội (kiểu cộng sản) » của Quang-Dũng :

« Than đau năm hồng rực
« Khẩu hiệu trên bàn thờ Tò Quố
« Kháng chiến nhất định thành công
Trường kỳ thắng lợi !
(QUANG DŨNG)

Phái thơ Hiện-Thực không những đã xuất hiện ở Tây-Phương mà cũng đã thấy ở Trung-Hoa từ đầu thế kỷ 20, chịu ảnh hưởng của những trào lưu tư tưởng Tây-Phương.

Trong thời kỳ chủ trương dùng văn học để làm cuộc cách mạng dân quyền, những nhà văn và tư tưởng gia như Lương-Khải-Siêu và Hồ-Thích đã chủ trương dùng đường lối hiện thực và văn bạch-thoại để phá sự gò bó tư tưởng, văn chương sáo ngữ rỗng tuếch cổ điển.

Sở dĩ không đề cập đến những bài thơ hiện thực về đời Đường của Đỗ-Phủ, Đỗ-Thuần, vì dù có tả chân hiện thực đi nữa những bài này vẫn còn theo niêm luật cũ và chỉ có tính

chất mô tả khách quan hơn là có quan niệm chủ động rõ rệt, có phản ứng của thi nhân.

Khoảng đầu thế kỷ 20, thi ca hiện thực Trung-Hoa xuất hiện với tác dụng cách mạng. Bởi vậy chủ trương của các văn nghệ sĩ thuộc phái này là tả đúng những sự trạng xã hội với tư tưởng tranh đấu, dùng văn bạch-thoại là thứ văn thống nhất dễ phổ biến cho sâu rộng trong dân chúng. Chính phong trào « vận động văn học » này đã là một động lực chính đưa đến cuộc cách mạng Tân-Hợi (1911). Hồ-Thích đã dùng tờ Tiểu-Thuyết Nguyệt-Báo để phổ biến lối thơ này. Chúng ta hãy xem một bài thơ thuộc phái Hiện-Thực của Hồ-Thích : (9)

NHÂN LỰC XA PHU

« Xa tử, xa tử » xa lai như phi
Khách khán xa phu, hốt nhiên trung tâm thoan bi

Khách vấn xa phu : « Nhĩ kim niên kỷ tuế, lập xa lập liễu đa thiêu thì. »

Xa phu đáp khách : « Kim niên thập lục tuế, lập quá tam niên lai liễu, nhĩ lão biệt đa nghị »

Khách cáo xa phu : « Nhĩ niên kỷ thái tiểu, ngã bất tọa nhĩ xa. Ngã tọa nhĩ xa, ngã tâm thâm thê. »

Xa phu cáo khách : Ngã bán nhật một sinh ý. « Ngã hựu bàn hựu kỳ »

Nhĩ lão đích hảo tâm trường, bảo bất liễu ngã đích ngã đồ dĩ

9) Lược-khảo thơ Trung-Quốc của Doãn-kế-Thiện.

Ngũ niên kỷ tiêu lập xa, cảnh sát hoàn bất quản, nhĩ lão hựu thị thù

Khách nhân diêm thủ thương xa, thuyết : « lập đáo Nội Vụ bộ tây ! »

HỒ THÍCH

Dịch nghĩa (của Doãn-Kế-Thiện)

NGƯỜI PHU XE

« Xe, xe ! » chiếc xe chạy lại như bay

Khách nhìn phu xe trong lòng bỗng chua xót thay

Khách nhìn phu xe : « Mày năm nay bao nhiêu tuổi ? làm nghề kéo xe đã bao ngày ? »

Phu xe đáp khách : « Tôi nay mười sáu tuổi, ba năm làm xe kéo, ông chờ giờ tôi đây »

Khách bảo phu xe : « Tuổi mày còn nhỏ quá, ta chẳng ngồi xe mày, ta ngồi xe mày lòng ta chua cay »

Phu xe bảo khách : « Tôi nửa ngày không kiếm được, đói rét làm sao đây. »

Tấm lòng ông dù tốt, không no được cái dạ dày lép kẹp này.

Tôi tuổi nhỏ đi kéo xe, cảnh sát mặc kệ, ông hỏi chi thêm rầy »

Người khách gật đầu, lên xe nói : « Kéo đến phía tây Bộ Nội Vụ ngay ».

Với lối thơ không gò bó vì niêm luật, với đường lối hiện thực, Hồ Thích đã khéo tả một cảnh thực của xã hội Trung-Hoa thời bấy giờ : một đứa trẻ 16 tuổi đi kéo xe đã ba năm. Nỗi lòng chua xót của người khách ngồi xe, thực trạng đói rét của xã hội, và sự bất lực của nhà cầm quyền

đương thời đã là những trạng thái tương phản chưa xốt của bài thơ. Ông vừa phơi bày được nỗi lòng mình trước một thực cảnh của xã hội vừa kích thích tâm hồn người đọc.

Hồi đó ngoài Hồ-Thích ra còn một vài nhà thơ thuộc phái Hiện-Thực đã thành công ở Trung-Hoa. Thi sĩ Huyền-Lục được nhắc nhở đến với cách diễn tả tư tưởng tự do rất linh động những ý tưởng tân kỳ trong bài TƯỚNG (Nhớ).

Xét qua sự tiến triển của phái Hiện-Thực, chúng ta nhận thấy đó là một phản ứng đối với phái Lãng-Mạn trong văn học. Chủ trương coi văn nghệ là một thứ xa xỉ của riêng một lớp người với nội dung xa thực tế, đã không hợp với sự tiến triển của con người.

Hơn nữa đường lối triết học của Auguste Comte có ảnh hưởng lớn lao đến phái Hiện-Thực. Auguste Comte coi phương pháp khoa học thực nghiệm như là một phương pháp độc nhất hợp lý và chính đáng để tìm hiểu con người và sự vật. Sự vật được coi là một sự hiển nhiên. Căn bản triết học này sinh ra tinh thần sùng thượng khoa học và hiện thực vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20.

Trong các phạm vi văn học tính thần này đã tạo nên phái Hiện-Thực (tự nhiên) và rõ rệt nhất ở Pháp với văn sĩ E. Zola, G. Flaubert... nó

cũng đánh dấu được thời kỳ con người mới bắt đầu say sưa với sự khám phá và tiến bộ về khoa học.

Riêng ở Trung-Hoa quãng đầu thế kỷ 20 chủ trương của phái Hiện-Thực được nhập cảng vào cùng với tư tưởng triết học Tây-Phương. Nó là một trong những động lực chính của cuộc « vận động văn học » chống lại phái lãng mạn phù phiếm chỉ dành riêng văn nghệ cho một lớp người đặc biệt. Nó nằm trong phạm vi hoạt động của nhóm Lương-Khải-Siêu, Hồ-Thích nhằm việc phổ biến sâu rộng văn học vào mọi tầng lớp dân chúng, tiến tới việc cải tạo xã hội theo đường lối « cách mạng dân quyền ». Bạch-thoại là một phương tiện để phổ biến sâu rộng tư tưởng này.

Ở phía Cộng-sản, phái Hiện-Thực Xã Hội bị lợi dụng trong chủ trương « Jdanovisme », dùng văn nghệ làm phương tiện tuyên truyền cho giai cấp đấu tranh, nó đã biến thành một chủ trương văn học Mác-Xít.

Dù sao, phái Hiện-Thực cũng đánh dấu được một đường lối văn nghệ với những nhà thơ điển hình như Whitman, Péguy và Hồ-Thích. Nó cũng là một nhịp cầu đưa ta đến phái Siêu-Thực, chúng ta sẽ bàn đến trong một kỳ sau.

Phan-lạc-Tuyên



MỘT NỬA VÙNG TRẮNG

« Vùng trắng ai sẽ làm đôi »
Nguyễn-Du

Đêm trắng cho lòng thao thức yêu
Bâng khuâng hồn lạc nẻo Lam-kiều
Trăng xê lá úa, trời u ám
Bóng đỏ hoa gầy, đất tịch liêu
Mây nhánh mai tàn trong mắt ướt
Đôi hừng liễu rủ giữa chân xiêu
Đường mây, gối lạnh, ôi xa cách
Nửa mặt Hằng-nga rồi quạnh hiu.

Thạch-Ẩn

THU VĨNH BIỆT

Có những ngày thu không ánh sáng
Những làn gió vẩn sạm non sông
Chiều nao ngờ ngần mơ Hà-nội
Sớm ấy ôi thôi mộng Hải-phòng
Vàng đá lở làng theo một kiếp
Lửa hương ăn hận lụy đôi lòng
Hôm nay vơ hết sầu thiên hạ
Đim cả vào trong chén rượu trong

Thạch-Ẩn.



Dở dang

Bí vận nên đành dở đoạn thơ
Có đâu dụng ý để ai chờ
Tài hèn luân lạc quen sương gió
Đức mỏng phong trần dạn nắng mưa
Dù biết non sông chung bốn cõi
Vẫn cảm đất nước sẽ đôi bờ
Cùng ai mà cũng vì tri kỷ
Gởi gắm tâm tình nỗi vận thơ.

Trọng-Bình

Nò hện

Nhắc chi tình trước, hện chi sau
Đã sự muôn đời vẫn nợ nhau
Dù gặng dọn đường san lối phẳng
Còn toan gánh cát lấp giong sâu
Thủy chung mình giữ niềm chung thủy
Dâu bợ thấy người chuyện bợ dâu
Nghiep chường mặc dù hòa kiếp sống
Mong ai trọn vẹn mỗi duyên đầu.

Lưu-Lý

con chó hoang

Tôi chẳng biết tên họ tôi là gì, cũng chẳng biết năm nay tôi bao nhiêu tuổi, thân tôi tựa hồ như một hòn đá, bị người ta ném xuống cõi đời, vì thế mà tôi được sống. Tôi chẳng biết ai là cha tôi, ai là mẹ tôi, tôi chỉ là một vật bị bỏ rơi. Tôi có một màu da vàng, tóc đen, mắt đen, mũi tẹt, thân hình bé nhỏ. Tôi cũng là một người như trăm ngàn người khác, nhưng cái số mệnh của tôi thì lại phải sống dưới những lớp người đó.

Mỗi một người đều có một quãng đời thơ ấu của họ, tôi cũng có một quãng đời thơ ấu của tôi, nhưng cái thời thơ ấu của tôi không giống như của mọi người khác. Tôi chẳng biết thế nào là tình yêu thương, điều mà tôi biết rõ rệt hơn hết chỉ là những cái đói khát, rét mướt.

Có một hôm, tôi không nhớ rõ đích xác hôm nào, chỉ biết rằng hôm đó có một ông cụ già, người gầy gầy cao cao, mặt đầy những nếp nhăn đeo, đứng trước mặt tôi, bảo tôi rằng :

— Cái tuổi của mày đáng lẽ phải ra trường mà học, sự học là một

việc cần thiết hơn hết của loài người.

Trong khi nói, dáng điệu của ông cụ rất nghiêm chỉnh, giọng nói rất dịu dàng. Thế là tôi đi, tôi quên cả sự đói khát rét mướt đang đầy vò mình. Tôi tìm khắp các nơi, tôi trông thấy những tòa nhà tráng-lệ, kuy hoàng, tôi lại thấy những căn nhà nhỏ hẹp giản-dị mà người ta bảo đó là những trường học. Tôi cứ ngang nhiên bước vào, vì tôi vẫn nhớ rõ lời ông cụ bảo tôi : « sự học là một việc cần thiết nhất của loài người ».

— Đi ! đây không phải là chỗ để cho mày bước vào !

Vô luận là những tòa nhà to tát đồ sộ, hoặc những căn nhà nhỏ bé chật hẹp, ở ngoài cửa có những bộ mặt nanh ác dữ dội hay những bộ mặt phúc hậu hiền lành, tôi đều được nghe những câu tương tự như thế cả ? Câu nói ấy chẳng khác cái roi da quật mạnh vào thân thể tôi, tôi cảm thấy khắp mình đau đớn như dần. Tôi cúi đầu lùi bước ra, bên trong còn nghe thấy tiếng cười cười nói nói của bọn trẻ con ném theo, những tiếng ấy cứ vang vang bên tai tôi mãi mãi không dứt. Đây

là lần thứ nhất tôi bắt đầu thấy ngỡ vực; không biết tôi có phải là một người trong loài người không?

Sự ngỡ vực của tôi càng ngày càng tăng thêm mãi; tôi không muốn nghĩ tới cái việc ấy nữa, nhưng khổ một nỗi là bèn tại tôi tựa hồ luôn luôn phấp phất có tiếng hỏi: « May có được kẻ là một người không? »

Ở trong một ngôi miếu đã đổ nát, có một pho tượng thần. Thần thì không cái gì là không biết, không cái gì là không giỏi, tôi nghĩ thế. Cái khám thờ thần không có rèm che, nên tượng mạo oai nghiêm của ngài đều lộ ra ngoài tất cả. Tuy những nét sơn son thếp vàng lâu ngày đã dỏm lờ hết cả, và một cánh tay bị gãy rời ra, nhưng rút lại thì bao giờ thần cũng vẫn là thần. Tôi quỳ trước bàn thờ đã bị một ruộng siêu vẹo, lầm nhảm khấn khứa:

— Lạy ngài, xin ngài chỉ bảo cho con biết con có phải là người không?

Thần vẫn nín thinh, vĩnh viễn nín thinh, thậm chí trong giấc ngủ của tôi, ngài cũng không báo mộng cho tôi câu gì cả.

Nhưng rồi, rút cục lại tôi vẫn giải quyết được sự thắc mắc ấy. Tôi tự nghĩ: « Hình dáng mình thế này sao lại gọi là người được, đó chẳng phải chỉ làm ô nhục cho chữ nghĩa của Thần Thánh ư? ». Từ đấy tôi đã biết rõ tôi thực không phải là một con người.

Tôi cho sự sinh hoạt của tôi rất hợp ý, hàng ngày kiếm cơm thừa canh cặn, chẳng khác nào một con chó đi xin xương sụn người ta bỏ thí. Tôi quả không phải là người, tôi chỉ là một con chó.

Tôi lại nghĩ: « nếu đã là loài vật thì chắc hẳn đem bán được ». Tôi liền quyết ý đem mình đi bán. Tôi lấy một cành cây cắm lên lưng làm cái biển quảng cáo. Tôi đi thong thả qua các phố đông đúc, và cả các phố vắng vẻ nữa, tôi bước một cách từ từ, đầu cất cao lên, cố ý đem mình làm một vật triển lãm cho mọi người, mong tìm được một vị chủ nhân. Tôi không cần giá cao, chỉ cần được người ta đem về nuôi, ngày ngày thì cho một ít xương sụn, tôi sẽ đem hết cái bụng trung thành của một con chó để phụng sự người ấy.

Nhưng bắt đầu từ lúc mặt trời mọc cho tới khi mặt trời gác núi, chẳng thấy ai hỏi thăm tôi lấy một câu, đi tới đâu cũng chỉ trông thấy những bộ mặt gian xảo, những miệng cười nanh ác. Thỉnh thoảng chỉ thấy một vài đứa trẻ con chạy lại đùa nghịch cái cành lá làm biển quảng cáo cắm ở trên lưng tôi mà thôi.

Tôi vừa mệt, vừa đói, bất đắc dĩ là phải quay về cái miếu đó. Đi đường tôi nhặt được một mẩu bánh thừa dính đầy cát bụi, nó vừa rắn, lại vừa đen sì, nhưng rồi tôi cũng nuốt trôi được. Tự nhiên tôi lại lấy làm cao hứng, vì cái dạ dày của tôi với cái dạ dày của con chó cũng chẳng khác nhau bao nhiêu.

Trong miếu đồ yên lặng không một tiếng người. Tôi nghĩ: « Đến đem mình ra làm đồ vật để bán đi cũng không xong. Tôi chẳng những không được là một con người, mà cũng không được là một đồ vật hoàn toàn cần thiết cho loài người

nữa». Nghĩ đến đây, tôi bỗng òa lên khóc. Nước mắt của con người cổ nhiên là rất quý, nhưng của một vật không cần thiết cho ai như tôi thì cái giá trị thực không đáng đồng kêm.

Tôi phủ phục trước bàn thờ mà khóc, tôi định sẽ khóc cho thực nhiều, vì tôi hãy còn nhiều nước mắt, mà cũng chỉ còn có nước mắt. Chẳng những tôi chỉ khóc ở trong miếu, tôi còn khóc ở trước cửa những dinh thự to lớn của bọn người giàu có nữa.

Tôi đứng núp vào góc tường trước cửa một tòa nhà nguy nga tráng lệ. Tôi rết, tôi đói, rồi tôi khóc, vì tôi có thể uống nước mắt của tôi, nghe tiếng khóc của tôi, để khỏi phải nghe những tiếng cười khát trong bụng tôi nó réo róc.

Một thanh-niên vận âu phục lịch-sự từ phía trong đi ra, hẳn không thêm đưa mắt nhìn tôi; lại một người đứng tuổi từ phía ngoài đi vào, hẳn cũng chẳng buồn ngó ngang gì tôi tôi cả, biết bao nhiêu người đi qua đi lại, không một ai chú ý tới tôi, hình như họ không trông thấy có tôi đứng ở chỗ ấy.

Sau cùng, một người đàn ông có cái thân hình vạm vỡ to lớn ở trong nhà đi ra, hẳn nhìn ngay thấy tôi, hẳn chạy ngay đến trước mặt tôi chửi luôn: « Bớ! đây không phải là chỗ cho mày khóc! ».

Tiếng hắn vang lên như tiếng sấm, đầu óc tôi như lạng đi, tôi bị đá như một con chó. Tôi chỉ biết khóc, ôm đầu chạy mất, chẳng nói một câu nào, và cũng chẳng có câu nào mà nói.

Về đến miếu, tôi nằm lăn ra, mệt đứt cả hơi, tôi lăn lộn kêu gào như một con chó bị thương. Hai con mắt nghiêm nghị của pho tượng thần nhìn thẳng xuống tôi, như có ý vuốt ve an ủi cái đau đớn trên khắp thân thể tôi.

Nước mắt tôi ráo hoảnh, tôi vùng bỏ dậy, lòng chứa chan căm khích, tôi quỳ trước bàn thờ làm đám khấn:

— Tuy con không phải là loài người, nhưng số mệnh đã bắt buộc phải sống ở cõi đời này thì con cũng đành phải sống. Con sinh ra không có cha mẹ, không có thân thích, tựa như một vật bị bỏ rơi, vậy thì con xin thờ Ngài — một vị Thần chí công vô tư — làm cha con. Con không phải là người, nên ở trên đời này con chẳng được biết ai là người rủ lòng thương tới con cả.

Thần vẫn nín thinh, vĩnh viễn nín thinh. Ngài tuyệt nhiên không tỏ một lời phản đối.

Thế là tôi đã có cha rồi, cha tôi là một ông Thần, một ông Thần chí công vô tư, mà lại cụt mất một cánh tay.



Tuy nhiên, hàng ngày tôi vẫn sống bình thường bằng những mẫu xương thừa thãi của người ta đổ thi. Nhưng chỉ cần đủ lấp kín cái dạ dày trống rỗng là tôi lại quay về tức khắc, vì tôi cũng giống như mọi người khác, tôi cũng có nhà, tôi cũng có một người cha, dù cái nhà ấy chỉ là ngôi miếu đồ, mà cha tôi chỉ là một ông Thần, suốt đời không chịu mở miệng, chẳng an ủi tôi được câu nào. Nhưng trên đời

này, người mà không bao giờ nở
xả bỏ tôi chỉ có một mình ông ấy
thôi. Bởi thế nên dù sao ông vẫn
là một người thân duy nhất của
tôi.

Dù sống trong cái cảnh rét mướt
đói khát, ngày tháng cũng trôi qua
đi rất chóng, tôi cũng mỗi ngày
một khôn lớn dần dần.

Một thứ cảm giác là lạ dần dần
phát-sinh trong khắp cơ thể tôi.
Tôi đã hiểu một cách rõ rệt rằng
tôi không phải là người, và luôn
luôn lấy câu ấy để tự tỉnh thức,
nhưng cái dục vọng của con người
tự nhiên cứ dần dần sinh trưởng ở
trong thân thể tôi.

Tôi ao ước được ăn uống như
người, nhà cửa sang trọng, quần áo
lịch-sự, chăn nệm êm ấm. « Đó là
những cái mà chỉ loài người mới
được quyền mơ tưởng, mà không
phải loài người thì sao lại mơ ước
những cái không thể có được ! »
Nhiều lúc tôi chợt nảy ra cái
tư-tưởng kỳ dị như thế, tôi lại
phải đem câu ấy ra để tự mình
cảnh giác mình.

Nhưng dù nói thế cũng vô ích,
cái dục vọng sinh trưởng trong cơ
thể con người hay cơ thể của con
chó, chúng qui cũng chẳng khác
gì nhau. Tuy biết việc đó là nguy
hiểm, nhưng tự mình cũng chẳng
có phương pháp gì trấn áp đi được.

Chẳng thế mà các thứ hàng hóa
bày trong một cửa hàng nguy nga
trang lệ ở giữa một con đường
đồng đúc sầm uất kia, trước mắt
tôi đã biến thành những vật khêu
gợi quyến rũ, người ta một cách
phổ-thường. Nhưng cái mà khiến

cho tôi động tâm hơn hết là một
cặp đôi... cặp đôi ấy tôi vẫn thấy
thường thường dạo chơi ngoài
đường phố, đó là một cặp đôi
hung hăng như màu trắng hồng,
màu da thịt ánh lên hồng hào ;
nhỏ nhắn biết bao nhiêu, mềm mại
biết bao nhiêu, tròn chĩnh biết
bao nhiêu ! Thực không còn chừa
vào đâu được. Cặp đôi ấy hình
như được đúc bằng một khối ngọc
đỏ, nhưng trên thế-gian này lại
không đâu có thứ ngọc lớn như
vậy. Và lại dù có thứ ngọc lớn
như thế nữa, thì cũng chẳng thể
mềm mại như thế được. Cặp đôi
ấy thời thường vẫn đi trên đường
phố, không, không-phải là nó đi,
phải nói là nó khiến vũ một cách
nhẹ nhàng mới đúng. Chúng nó
thường đứng che khuất con mắt
của tôi, y như hai cái cột tròn và
lớn, có lúc nó ngự trên một chiếc
xe nhà, cái nọ gác lên cái kia, say
sưa nằm dựa trên nệm xe như cố ý
đợi người đến vỗ về vuốt.

Bao nhiêu lần tôi đứng tận đường
xa, dơ thẳng tay ra, tưởng như
muốn chạy đến trước cặp đôi ấy
mà vuốt ve, mà hôn trôn, nhưng
khi nhỡn quang của tôi đã tiến tới
gần cặp đôi ấy thì một ý nghĩ đã
như dũi vào óc tôi : « Cần thận nhé !
Mày đâu có phải là người ! » Thế là
bao nhiêu dũng khí của tôi lại tiêu
tan mất.

Có một hôm, tôi trông thấy một
con chó nhỏ, lông trắng nuốt như
tuyết, nằm ngay bên cạnh cặp đôi
ấy, mặt nó áp vào mặt đôi, vừa nằm
vừa bò lê quanh cặp đôi đó. Tôi
nghĩ bụng : « Thì ra chẳng cứ phải
là người, ngay đến con chó con
cũng có thể thân cận với cặp đôi
ấy được. » Nghĩ thế cái can đảm

của tôi: đột nhiên lại phát hiện, tôi chạy thẳng tới cặp đùi đáng yêu kia, tôi chạy thục nhanh, thỉnh thoảng một bàn tay từ đâu không biết đây mạnh tôi một cái:

-- Đồ mù!

Tôi chỉ nghe thấy một câu ấy tức thì cảm thấy đầu óc rối loạn, hai mắt mờ mờ quang, nằm lăn trên mặt đất.

Tôi lồm cồm bò dậy, xung quanh mình chỉ thấy những tiếng cười kỳ quái như sỏi vào lỗ tai tôi, tôi cup tai chạy mất.

Cái đêm che mắt tôi đã rút xuống, tôi hiểu rồi, tôi đã hoảng-nhiên tỉnh ngộ. Bao nhiêu lâu nay, tôi vẫn tự nhận tôi là một con chó, hoặc cũng là một loại trong loại chó, nhưng bây giờ thì tôi hiểu rồi: tôi thực không xứng đáng cái địa vị một con chó.

Tôi mang một khối tâm sự nặng nề, quay trở lại miếu đồ, ngồi dưới gầm bàn thờ, trầm ngâm nghĩ ngợi. Tôi phảng phất như còn hình dung được cái giáng điện thần cận âu yếm của con chó trắng con vôi cặp đùi ấy như thế nào; tôi lại phảng phất như trông thấy cái bộ điệu ung dung nhàn nhã của nó khi ở cái nhà công quán đồ sộ nguy nga kia ra làm sao, được ăn uống ngon lành, được nằm chần nệm ấm áp, được người ve vuốt nâng niu. Cái lòng ghen ghét hiểm độc như rắn rết lớn vờn trong tâm trí tôi, tôi bỏ trên mặt đất, tôi bỏ bằng cả hai chân hai tay, đầu lắc lư, hai cánh tay xuôi ra, tôi kêu gâu gâu, tôi nghĩ thử xem tôi làm có giống một con chó không nào.

Tiếng kêu gâu gâu của tôi, tôi cảm thấy chẳng khác tiếng chó là

mấy, tôi tưởng lúc này tôi có thể được là một con chó, tôi rất lấy làm đắc ý, khoái hoạt, tôi cứ bỏ luôn luôn không ngừng.

Nhưng rồi rút cục lại, cái thân tôi cứ muốn đứng thẳng dậy, hai tay tôi cũng không bỏ được nữa, sự thất vọng xâm chiếm lấy tôi: «đến con chó mà cũng không có phúc làm nổi nữa». Tôi đau đớn nằm dài xuống đất, khóc lóc một cách tuyệt vọng.

Tôi cố nuốt nước mắt, qui trước thần tiên, khẩn:

— Lạy Ngài, Ngài là cha của con, xin Ngài hóa phép cho con biến thành một con chó, giống như con chó trắng con kia.

Thần vẫn cứ lặng thinh.

Ngày nào tôi cũng tập bò, miệng sữa gấu gấu, nhưng vẫn không có cái phúc phận thành được một con chó.



Tôi có màu da vàng, tóc đen, mắt đen, mũi tẹt, thân hình nhỏ bé.

Nhưng ở trên đời này còn có những người da trắng, tóc vàng mắt xanh mũi cao, thân thể to lớn.

Chúng nó, một đứa, hai đứa, ba đứa vẫn thung dung đi ở giữa phố, nghênh ngang vênh mặt nhìn ngang nhìn dọc bốn phía, nói nói cười cười, hát hồng âm ỹ, hình như trên con đường lớn này chỉ có ba đứa chúng nó, còn mọi người khác đều phải khiếp sợ lánh ra bên cạnh mà đi, hoặc phải tránh cho xa bọn chúng.

Tôi phát kiến ra được một ý mới, thì ra loài người cũng chia ra từng giai cấp một, có những hạng người

mà so với bọn người hàng ngày tôi thường trông thấy còn lớn hơn rất nhiều.

Họ đội mũ trắng, mặc áo màu lam, nẹp trắng, cổ áo mở rộng, để lộ cả lòng lá một dãy trên lớp da thịt, hai người, ba người, rồi bốn người, từ khi « phát minh » ra được cái điều mới mẻ ấy, tôi vẫn thường thường trông thấy bọn người « vĩ đại » ấy đi ở trên đường phố.

Bọn họ hình như lúc nào cũng cười, cũng hát cũng nói, hoặc có lúc cầm cả cái bình rượu đập vào mặt người ta, hoặc có lúc chòng ghẹo đàn bà con gái. Lại một hôm tôi trông thấy họ ngồi ở trên xe kéo, chân gác lên cặp đùi màu trắng hồng yêu dấu của tôi. Họ nói những tiếng gì, tôi không sao nghe h ều.

Người ta cung kính nhường lối cho họ đi, tôi không dám đến gần họ, vì họ to lớn quá.

Tôi chỉ đứng đằng xa mà trông họ, thăm sùng bái họ, chúc phúc cho họ, sự vui mừng làm nó nê cái bụng trống rỗng của tôi. Tôi mừng cho trên cõi đời này lại có được những người to lớn như thế, thậm chí trong lúc ấy tôi quên hẳn hết tất cả những nỗi thống khổ của mình.

Tôi vẫn sùng bái họ, chúc phúc họ, tôi luôn luôn tự răn mình : không được đến gần bọn họ, tránh sức phạm họ, nhưng rồi có một lần tôi đến gần họ.

Hôm ấy, trời vừa sấm sấm tối, vì đói khát và mệt mỏi, tôi không đi được nữa, tôi ngồi dưới một

hức tường bên vệ đường, cái xoa bóp cái chân đầy những máu và bùn. Cái đôi đang cần xé trong ruột tôi, mắt tôi hoa lên, chẳng nghe rõ những tiếng gì ở xung quanh nữa. Cả đến mấy người vĩ đại mà tôi vẫn kính trọng sắp đi đến trước mặt tôi, mà tôi cũng không hay biết gì cả. Kịp đến khi trông thấy muốn đứng lên tránh đi, nhưng chậm quá mất rồi !

Một bàn chân nhọn cứng như sắt đã thốc ngay vào cánh tay trái của tôi, đau như dao tiện, tôi đau quá ngã lăn ra đất.

— Chó !

Rõ ràng tai tôi nghe thấy câu ấy ở miệng một người vĩ đại thốt ra.

Tôi ngồi dậy, xoa nắn vết thương, miệng tôi còn nhắc đi nhắc lại mãi một chữ « chó ». Tôi lại trở về tòa miếu đồ, tôi quên bằng mất vết thương đau đớn, tôi bò dài trên mặt đất, đầu lắc lư, hai cánh tay bò soài ra như người bơi, miệng tôi kêu gâu gâu. Bây giờ thì tôi biết đích xác tôi là một con chó.

Tôi tự lấy làm khoái hoạt, tôi cười, tôi ứa nước mắt ra mà cười, tôi biết rõ rệt rằng tôi chính thực là một con chó. Lòng tôi chứa chan cảm kích, quí trước bàn thờ khấn khứa :

— Thần ôi ! Cha của con ơi ! Con không biết làm thế nào để tỏ lòng biết ơn ngài được ; con đã biết quả thực con là chó rồi, cái người to lớn, cái người trên cả loài người, đã bảo con như thế.

Thần vẫn nín thinh, vĩnh-viễn nín thinh.

Tôi cứ bỏ quènh bỏ quàng dưới đất, kêu gâu gâu luôn miệng, vì tôi là con chó.

Tôi lại thấy cặp đùi màu trắng hồng ấy ở ngoài phố, nó thông thả đi lại phía tôi, giống như hai cái cột tròn trĩnh.

Tôi hồi hộp chờ nó tới gần, lòng hân hoan vui vẻ, vì tôi thực là một con chó.

Tiếng giầy da đã tiến lại gần, tôi vội chạy sộc ngay lại, tôi nằm bò ra, tôi ôm ghì lấy hai cái đùi mà tôi vẫn thèm thuồng khao khát bao nhiêu lâu. Tôi áp mặt vào nó, tôi liếm nó, một mùi hương thơm ngát dị thường xông vào mũi tôi, tôi say sưa mê mẩn, tại tôi chỉ nghe văng vẳng có tiếng người nói, có những vật gì nặng nề đè lên mình tôi, rất nhiều bàn tay lôi kéo tôi, tôi vẫn cố ôm ghì lấy cặp đùi quý hoá nọ, chết cũng không buông.

Mãi tới lúc tri-giác tôi đã hồi

phục lại, tôi thấy tôi nằm ở một chỗ tối om om, không có tiếng người, không khí nặng nề u uất, hơi thở của tôi như bế tắc, chẳng biết đây là đâu, có một điều tôi biết chắc chắn rằng đây không phải là cái cũi chó. Tôi muốn bò trên mặt đất, tôi muốn kêu lên, nhưng khắp mình mẩy tôi đau đớn như dần, lại bị giầy thừng trói thực chặt, cựa mình cũng không được.

Tôi nghĩ thầm : « Vị thần chỉ công vô tư, gẫy một cánh tay ở căn miếu đồ mà tôi nhận làm cha kia, vẫn lạnh lùng ngồi trên khám thờ, đang mong mỗi chờ đợi tôi. Dù sao tôi cũng muốn trở về căn miếu đồ vô luận thân thể tôi đau đớn đến thế nào. Vì bao giờ tôi cũng chỉ là một con chó.

Tôi muốn kêu, tôi muốn cắn, tôi muốn cắn đứt hết những sợ giầy thừng, rồi chạy về tòa miếu đồ của tôi.

Phạm-lệ-Oanh dịch.

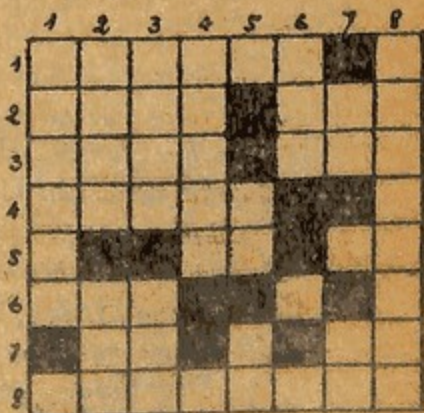
Ô CHỮ

Của A. L. Ngọc-Chất

Ngang dọc như nhau :

- 1) Một con sông lớn nhất ngoài Bắc — 1 chữ.
- 2) Nhiều tiếng động — Trong đầu.
- 3) Tiếng gọi người con gái — Bông.
- 4) Đất không được phẳng — 1 chữ.
- 5) 1 chữ — M-1 nước (viết tắt).
- 6) N — chữ cuối văn — Đê.
- 7) Nơi người ta hay thả cá — Cu — măng câu.
- 8) Một nhà văn Việt-Nam.

(Xem trả lời trang 54).



Thơ của Trúc-Lâm



MỘNG CỔ ĐỒ

Nhân thế kỷ hồi thương vãng sự
Nhị-Hà lưu thủy khắp ca thành.
Vân hoành Tân-lĩnh gia hà tại ?
Lệ tộn la còn mộng bất thành !

Người thế ai buồn chuyện thế trôi
Nhị-Hà sóng vãng khúc vang trời
Núi Tân mây phủ nhà đâu nhỉ ?
Lệ thâm dây khảm mộng chẳng rồi

Thu vẽ lòng khách rạt rào
Vẳng nghe, tiếng cuộc kêu gào đâu đây !
Hồn quê gửi áng mây bay
Quên rằng non nước trời mây chia đường
Chợt nhìn bến Bạch-đăng-Giang
Sông dài nước vẫn đỏ loang máu thù
Lưng trời tiếng gió vi vu
Náo nùng sóng thét trời thu tuôn sầu
Trông vời Hà, Hắt thấy đau
Mịt mù mờ mịt chìm sâu phong trần
Đoạt thương muôn dặm tử phần
Phương trời đắm dưới mây Tân mơ mơ

Bỏ-Đề bến cũ thừa xưa
 Từ lâu bất tiếng ngựa đưa ai về
 Thăng-long đô cũ còn gì
 Phố phường đi lại lại đi những người
 Hồ gươm đầy nước in trời
 Bút gươm kìa có ngậm ngùi tang thương
 Hồ Tây sóng rợn chiều vàng
 Thu không còn vắng hồi chuông ai hoài
 Ngàn xưa vẫn vật lâu đài
 Ngựa xe đã nhộn bụi đời hơi tanh
 Ngó khoai phủ nửa hoang thành
 Hương xưa, hoa cũ tan lành buồn ối
 Nhị-Hà sóng vắng khóc cười
 Nùng-sơn kim cồ mây phôi chiều tà
 Nhà xưa héo cỏ vàng hoa
 Phật-Đài thấp thoáng vào ra bạch-đầu
 Vườn xưa đã hoá nương dâu
 Ầm ầm chợ họp bên lầu rêu phong
 Xa xôi cách mấy muôn trùng
 Bao giờ lại thấy non sông thừa nào ?
 Bây giờ đất thấp trời cao
 Quan san khó vượt chiêm bao chẳng thành !

Trúc-Lâm.

VUI CƯỜI

LÒNG THƯƠNG NGƯỜI

Đến giờ luân lý, ông giáo sư gọi A.

— Trờ A, hôm nay trờ biết trả bài nào không ?

— Dạ bài... bài...

— Bài gì ?

— Dạ bài luân lý.

— Đã biết bữa nay học luân lý thì luân lý, chớ chớ lẽ lại trả bài sử lý. Nhưng tôi muốn hỏi trờ tựa bài luân lý bữa nay mà trờ trả là gì ?

— Dạ bài tựa là....

— Là gì ?

Có bạn ở gần A sợ A bị cấm túc nên nhắc cho tựa bài. A nghe được nên A nói nhanh :

— Dạ thưa « Lòng thương người. »

— Đâu trờ đọc đoạn thơ trong bài đó coi ?

—... Thương người khác thể thương thân.. ở mà... Thấy người họ nạn thì thương.. ở mà...

— Gì nữa, đọc lên một chút chớ ? làm mất cả thời giờ.

— Ở mà... Một thương tóc bỏ đuôi gà

Hai thương ăn nói mặn mà có duyên

Ba thương má lúm đồng tiền...

— Trờ đọc sai rồi, đâu có đoạn thơ đó trong bài.

— Dạ thưa thầy, đó cũng là bài thơ nói về lòng thương người !

— Thôi được, bây giờ trả bài không phải đọc rớt rớt mà không

hiều gì hết. Bài học cần phải hiểu, vậy trờ có hiểu « lòng thương người » là gì không ?

— Dạ « lòng thương người » là lòng mình thương-người ta.

— Nói thì dễ, nhưng có thực hành mới là điều trọng. Vậy chớ trờ có « thương » người ta bao giờ chưa ?

— Dạ... dạ...

— Sao ? cứ nói đi. Nên nói thật là hơn, vì tuần rồi có học bài « không nên nói dối » mà.

— Thưa thầy, con muốn hỏi thầy một việc.

— Có việc gì thắc mắc cứ hỏi miễn là không ngoài đề là được.

— Thưa thầy, mình thương người ta thì người ta có thương mình lại không ?

— Sao lại nói vậy, mình thương người ta thì tức nhiên người ta lại thương mình.

Nhưng trờ chưa trả lời câu hỏi trên.

— Dạ có biết. Dạ không nói dối gì thầy bữa nào đi học con cũng đi ngang nhà cô C, con thấy « cô » con « thương » quá mà không biết « cô » có thương lại không ? Thấy nói vậy chắc « cô » cũng thương lại con lắm...

—... ! ! ?

Cả lớp đều cười xoà làm ông giáo sư gay gắt cũng phải bật cười.

KIM VẠN
(An-Giang)

TIM TRÉ và CUỘC ĐỜI



HÙNG đang ngồi một mình dưới gốc cây ngoài sân, Hùng là một thanh niên 17 tuổi, thân hình cao quá khổ đối với tuổi. Chân tay dài, hai bàn tay to một cách lạ lùng lúc nào cũng du đưa hai bên người khi Hùng đi lại. Tóc bù rối, dày lên một lớp đen sẫm ở sau gáy và thái dương. Đôi mắt to đẹp và hơi man dợ dưới đôi lông mày chồi xê gần như nối với nhau trên sống mũi. Da ngăm ngăm đen, đôi môi hồng, đầy hơi biau biau, ngay khi Hùng ngồi suy nghĩ một mình.

Hùng đề sách lên đùi, đầu gục xuống ngực, ngẫm mấy con kiến chạy lằng quằng quanh xác một con sâu nhỏ trên mặt đất. Chúng thật vui vẻ, bận rộn và Hùng thật lẻ loi cô độc. Ngẫm một lúc, tự nhiên

Hùng dợ chân đi mạnh nghiêng nạt cả một bầy kiến. Chúng vui vẻ quá khiến chàng bức tức ghen tị. Tính Hùng như vậy. Cũng như đối với mấy con chim nhỏ, Hùng rình mãi mới bắt được. Hùng tỉ mỉ đan một cái lồng thật đẹp gài hoa lá chung quanh, nhốt chim vào và ngồi hàng giờ đợi chúng hót. Nhưng chúng không hót vì sợ hãi, lồng xù lên không chịu ăn. Hùng lôi chúng ra đập chết, nhổ lấy lông đẹp nhất kẹp vào một cuốn sổ nhỏ. Đáng kiếp! Hùng yêu chúng nhưng tại chúng cứ cầm như hèn không chịu há mỏ. Lồng chúng để sưu tầm còn ích lợi hơn.

Sáng nay Hùng chợt muốn khóc. Điều đó thường xảy ra không có gì lạ. Hùng gục đầu vào gốc cây thông thẳng vút, vỏ ráp và dề mảy

giọt nước mắt rơi xuống lọt vào mấy khe trũng rồi tan biến. Hùng muốn cây thấm hết những đau buồn của riêng Hùng. Hùng sợ bước trước mặt mọi người, nhất là Ban, anh ruột chàng, một thanh niên 26 tuổi, chưa cưới, lúc nào cũng độc ác, hay chế giễu những đau khổ của người chung quanh. Nhiều khi cãi nhau với Ban, Hùng muốn đánh vào khuôn mặt choắt bằng hai ngón tay chéo, nhả nhổ và xô siên của anh. Tuy vậy chưa lần nào Hùng có hành động bạo tợn đó. Ghét và khinh Ban, nhưng Hùng rất sợ Ban. Ban biết quá rõ những tính xấu, nhược điểm và những ham muốn chưa được thỏa mãn của Hùng.

Không ai yêu Hùng và chú ý đến Hùng. Trong một gia đình đầy những người, Hùng có một cuộc sống riêng rẽ. Ba chàng không màng, không cau mặt; ngay khi Hùng hát lại nhai một bài hát hàng mấy chục lượt ở phòng bên cạnh, ông vẫn ngồi bên cửa sổ nhìn xuống một thung lũng trông đầy chè. Ông chịu đựng những sự ồn ào vô lối hay những hành động kỳ lạ của Hùng cực kỳ rộng lượng. Ông là một học giả tầm tiếng đã lăn lộn nhiều trên trường đời và luôn luôn sống xa gia đình. Ông rất thông hiểu tâm lý con người, nhưng Hùng đối với ông chỉ là một nhân vật hay hay, sống cạnh ông, thỉnh thoảng xin tiền ông đột ngột không nêu lý do và ông cho ngay không ngần ngại. Ông để mặc Hùng nhón lên tự nhiên như một cái cây. Nhiều khi ông quên bẵng mất Hùng.

Ngồi đây, Hùng chỉ hơi quay đầu lại là trông thấy ngay ba Hùng, ngồi

lặng lẽ xem mấy cuốn sách ngoại quốc đầy cộm cạnh cửa sổ, thỉnh thoảng hút thuốc lờ lờ khói mờ mịt. Hùng chỉ yêu ông khi ông thối sáo. Hai tay ông run run trịnh trọng nâng sáo và thổi thật hay. Mắt ông nhắm lại và mấy sợi râu trắng rung nhẹ. Ông chắc buồn lắm nên tiếng sáo mới thê thảm như vậy. Hùng cảm thấy ông gần Hùng hơn vì hai người cùng buồn. Vào những lúc khác, ông lại xa Hùng bằng vạn dặm. Ông uống nước trà, xem sách, hút thuốc, bí mật khó hiểu như một đạo sĩ. Ông thỉnh thoảng cũng sai chàng mua một gói thuốc, mấy cái bánh ngọt. Có lần Hùng cầm tiền đi biệt luôn đến chiều mới về, ông cũng không hỏi tới hoặc mắng mỏ. Ông quên là đã đưa tiền cho Hùng thì đúng hơn. Hùng mong được ông mắng hay đánh Hùng một cái tát. Hùng sẽ có thể khóc và xui lỗi ông giống như bao cha con trên đời này. Buồn thay điều đó không bao giờ xảy ra.

Cách đây mấy hôm, một người lạ mặt đưa đến tận tay ba Hùng một lá thư phong bì viền đen. Xem xong, ba Hùng lặng người và ông khóc. Hùng trông thấy rõ ràng hai giọt nước mắt chảy ra từ đôi mắt trũng sâu của ông. Ban bảo Hùng: « Ông ỷ khóc một người tình cũ mới chết », nhưng Hùng không tin. Chắc ông khóc một người bạn thân. Hùng ghen với người chết. Được ba Hùng khóc chắc người đó phải khác thường và hơn người. Hùng lặng vắng quanh ông xem chàng có giúp hay an ủi được ông chút nào không. Hùng muốn gọi ông « Ba! Ba! Buồn gì vậy? Có con đây! con còn nhỏ nhưng con biết ba buồn. Con muốn chia xẻ ».

Chiều xuống dần. Ba Hùng vẫn ngồi yên chỗ, lá thư để trước mặt. Hùng nghe thấy ông thở dài mấy lần. Chàng đi qua lại trước cửa phòng ông nhiều lượt. Ông chỉ gọi một tiếng, bảo chàng làm gì chàng cũng sẵn lòng vâng theo không ngần ngại. Thấy phòng hơi tối, Hùng rón rén bước vào bật đèn. Ánh sáng vừa loé lên, ba Hùng quay mặt lại, mắt trùng lêu, rầu rưng rưng và tay đập xuống chiếu. Chưa bao giờ Hùng bắt gặp ông giận dữ một cách bộc lộ đến thế. Ông quát :

— Tắt đèn đi ! Tắt đèn ngay !...

Chàng vội tắt đèn và lùi ngay ra ngoài sân. Trống ngực chàng đập rộn rập. Hùng không có cả đến quyền săn sóc và bày tỏ tình yêu với ba Hùng. Ba Hùng thật bất công. Hùng là con trai ông, ông phải chú ý đến Hùng chứ. Hùng còn thua cả một người đã chết rồi. Mà khi giận dữ, ông hình như không nhận ra Hùng là con ông. Hùng chỉ là một người quá rối sự đau khổ của ông, nghĩa là bất cứ ai, không phải là người máu mủ với ông.

Một lát sau, khi đang đứng tựa cửa ngoài và ngắm cây thông in một vệt thẫm màu trên nền trời, Hùng nghe thấy ba Hùng thối sáo. Lần đầu tiên chàng hiểu thế nào là nỗi buồn thê thảm của con người. Tưởng tượng ra khuôn mặt ba chàng hốc hác và những ngón tay run run trên thân sáo. Hùng rưng rưng muốn khóc. Chàng không còn ghen tị với người chết đã gây ra nỗi buồn của ba Hùng. Hùng chỉ cảm thấy bị bỏ rơi. Dĩ

vãng của ba Hùng đầy những tình tiết uẩn khúc mà chàng không hề biết tới, những nỗi buồn khổ của ông ; tất cả những cái đó và cả con người sâu sắc, bí mật của ông đã đặt ông trên một bậc cao ngất. Chàng không có quyền trách ông không làm tròn bổn phận một người cha và không yêu chàng. Chàng chỉ có quyền chiêm ngưỡng ông như bức tượng một danh nhân xa vời, ngoài tầm với của một đứa trẻ ít tuổi và tầm thường như Hùng.

Trong gia đình ba Hùng là người độc nhất chàng kính trọng. Những người khác : Hùng thương hại mẹ chàng, Chi (chị gái đứng thứ ba), và Thịnh (người anh thứ nhì). Chàng kính trọng đồng thời sợ hãi Ban, người anh cả. Nhiều khi suy nghĩ Hùng thấy gia đình chàng thật kỳ lạ khác thường. Dù cố gắng, Hùng không thể tìm thấy một đặc tính gì của một gia đình có thể làm chàng tự hào (trừ ba Hùng).

Hùng có hai gối lên kẹp lấy hai bên thái dương. Chàng muốn giống một con rùa, khi có biến thật ngay cô vào trong mai vững chắc, khinh thường tất cả mọi biến chuyển bên ngoài. Như vậy chắc Hùng rất sượng sùng vì có thể lạnh lùng và thần nhiên không ai động chạm đến chàng. Chàng không cần phải yêu ai và cũng không ghét ai, dù người đó kinh tởm nhất, bản tiện nhất.

Tiếng mẹ Hùng gọi the the từ trong nhà vọng đến tai Hùng :

— Hùng ! Thằng Hùng đâu rồi !... Đứa nào đi tìm nó ngay cho mẹ...

Hùng không động cựa. Hùng biết cũng không ai hơi đầu vàng lời mẹ Hùng, tìm gọi Hùng. Người nào vẫn việc đó. Chẳng không ư giọng nói của bà một chút nào. Khi bà gọi hay nói chuyện với con cái, cũng không khác gì khi bà sai bảo người nhà, vẫn giọng nói sai khiến, kéo dài. Từ bé đến nay chưa bao giờ Hùng được hưởng những câu nói êm dịu và âu yếm. Chẳng khó lòng tưởng tượng ra được cảnh mẹ chàng cúi xuống mặt chàng, cúi tới khi chàng sắp thiếp ngủ, bàn tay mềm và ấm khẽ vuốt tóc chàng và hỏi: « Con ngủ đi ! Muốn uống nước không mẹ rót cho ». Đó là những cảnh thân tiên chỉ có tả trong tiên thuyết.

Mẹ Hùng, một người đàn bà khô gầy, không có ngực, hàm răng không đều, miệng luôn luôn nhai trầu và đôi môi mỏng dính, lúc nào cũng nói chuyện buồn bán, tiền nong, giá cả hàng họ. Tâm tính bà cũng khô khan như những con số đầy đặc trong cuốn sổ chi thu của bà. Bà chỉ có một mục đích trên đời: buôn bán kiếm tiền, và một ham mê: săn sóc và phục tòng chồng.

Hùng nhớ chưa bao giờ mẹ chàng bế chàng lên lòng. Thực ra bà không bế một ai. Đã có vú em, vú già. Hùng thiếu thốn sự tiếp xúc với một thân hình ấm, toàn những đường cong, đôi môi mềm và làn da thơm mịn của một người đàn bà áp trên má và ngay cả những giọt nước mắt giận dữ khi chàng làm điều xấu. Chẳng nhiều khi mơ tưởng chàng không phải là con bà. Mẹ thật của chàng có thể là một người đàn bà đẹp, thanh tú mà bà chàng đã yêu khi ông còn trẻ.

Mẹ Hùng lại gọi :

— Hùng ! Cái thằng ấy trốn biệt đâu rồi.

Chỉ đang ngồi thái rau ở bếp quay lưng về phía Hùng đáp, không ngừng đầu lên :

— Nó đi chơi từ sáng rồi mẹ à ?

Hùng không buồn mỉm cười và cũng không lên tiếng. Chàng nghĩ đến Chi và mẹ chàng. Tại sao Chi xấu thế. Dĩ nhiên đó không phải là lỗi của Chi. Có một điều Hùng băn khoăn mãi là tuy thừa biết sở dĩ Chi chưa có ai hỏi, hay ít bạn trai là vì nàng xấu, nhưng sao mẹ chàng vẫn luôn luôn khoe những đức tính của con gái với tất cả mọi người trước mặt Chi. Bà săn sóc đến Chi nhiều nhất trong gia đình. Đi đâu bà cũng dắt Chi theo và lúc nào cũng nói như rót vào tai Chi những lời giả dối « Con còn xinh hơn con Lan nhà bà Đực nhiều. Sao nó đen thế. Mẹ vừa mua mấy hàng áo mới về, con đi may ngay đi. Mai đến chơi nhà bà Cung thế nào cũng gặp anh Bảo, anh ấy hỏi mãi đến con... v... v... » Chi không ngu đến nỗi tin hết những gì bà nói. Nàng tự biết mình xấu. Bà không ngần ngại chỉ trích một cách sống sượng, khi Chi theo lời mẹ trang điểm phấn son hàng giờ: « Người ta đẹp mới phấn son cho đẹp thêm. Mất thì ti hí, người thì gầy toàn xương xẩu... » cho đến khi Chi khóc, Bà mới chịu buông thả. Những lúc đó, có mặt Hùng, Hùng nửa muốn hét lên « im đi ! » và tát vào mặt Bà, nửa lại muốn Bà tiếp tục những lời độc ác hơn nữa để bắt buộc mẹ chàng phải đối diện với sự thật phũ phàng. Hùng sợ những lời an ủi, khuyến khích Chi của bà

như một cực hình. Tuy nhiên, trừ Ban, Thịnh, Hùng và cả đến những người bạn gái của Chi, không ai nỡ dấn động hay ám chỉ đến bề ngoài xấu xí của Chi, nên Chi vẫn gắng gượng soa phần trang điểm, dự bất cứ đám cưới hay tiệc trà nào.

Hùng thương hai chị, nhưng chàng không có cảm tình với Chi chút nào. Chi quá ích kỷ và hà tiện một cách lạ lùng. Nàng không bao giờ sẵn sóc các anh em trai. Những tình cảm trong tâm hồn nàng cũng khô cạn như nét mặt và giáng đi cũng ngắc của nàng. Thiếu óc tưởng tượng, sự đau khổ của nàng không làm ai rung động — một sự đau khổ xám đen, vô duyên và thiếu thông minh y như cuộc sống của nàng.



Thịnh, tay cầm một cuốn sách học, lưng không không nói không nhìn Hùng:

— Me gọi mày !

Hùng không động cựa, giáng mặt không thay đổi. Thịnh tiếp:

— Mày phải dọn ngay cái nhà «tăm tăm» của mày cho sạch sẽ. Sắp có người đến ở.

«Nhà tăm tăm» là một phòng nhỏ ở giữa nhà ngang. Hùng chiếm cứ làm nơi làm việc, mơ mộng, nuôi chim và chứa sách vở. Hùng lừng khờ không buồn sống:

— Không dọn !

— Mày không chịu theo anh Ban và tao đến «nơi đó» mà mày lại định ở chung phòng với «cô thư ký» của ba à ?

Hùng ngó ngoáy mấy ngón chân, mặt hơi đỏ lên có vẻ giận dữ. Biết Hùng bắt đầu chú ý đến câu chuyện, Thịnh tiếp:

— Ba nhờ một người bạn tìm hộ một người thư ký để đánh máy mấy bộ bản thảo. Ông giới thiệu ngay cô Liên con gái một ông bạn mà ba cũng có quen biết. Cô Liên có lẽ đến nhà này vào ngày mai. Anh Ban bảo nếu cô ấy có bộ ngực và cái eo gây cảm, chắc phải xảy ra nhiều chuyện.

Hùng cảm thấy khó chịu mỗi khi Thịnh bắt chước lối ăn nói đùa giỡn của Ban. Bắt chước người khác để che dấu sự rút rứt của mình thật đáng xấu hổ.

Thịnh gắng thêm:

— Tối nay mày đi với chúng tao nhé ?

Hùng sảng giọng:

— Không ! Tại sao anh phải lôi tôi đi theo. Anh sợ à ?

Một ánh do dự thoáng hiện trong đôi mắt sâu lấp lánh sau kính cận thị của Thịnh. Thịnh vội chống chế:

— Không phải thế ! Tao tưởng mày muốn biết...

Thịnh vội quay người và rời xa chỗ Hùng ngồi, giáng hơi vội vã. Hùng nhìn theo anh. Thật tội nghiệp cho Thịnh. Tại sao không dám thú thật là mình sợ. Tuy vậy Hùng biết chắc tối nay thế nào Thịnh cũng theo anh Ban đến «nơi đó» và đến khuya trở về, mặt tím lại, mắt bối rối như một con vật sắp rơi vào bẫy và khổ sở nghe những lời châm biếm của Ban. Vì

cũng như mấy lần trước. Thịnh chỉ dám đi theo mà không có can đảm làm gì hết.

Hùng cầm bút nắn nót viết trên một mảnh bìa cứng «không bao giờ giống anh...», thay cho tên anh Thịnh, Hùng đánh một cái dấu hiệu riêng chàng đặt ra và không ai có thể hiểu hay đoán được ý nghĩa. Trong căn phòng «tâm tâm» này của Hùng, tường dán đầy những mảnh giấy to nhỏ, màu sắc khác nhau, trên viết toàn những câu khó hiểu chẳng khác thần chú. Hùng có lần chích máu ở ngón tay vẽ những hình thù kỳ lạ lên giấy. Hình như đó là một cách để ghi khắc, đánh dấu một ý chí của Hùng. Chàng không chắc theo được tất cả những điều chàng vạch ra, nhưng cần gì, Hùng chỉ có cách độc nhất đó để biết được chàng hèn nhát và thay đổi nhiều đến bực nào. Thịnh thoáng ngồi ngẫm nghĩ Hùng đâm sợ chính cả những sự biến chuyển quá nhanh của chàng. Điều này hôm nay đối với Hùng là phải, vài ngày sau trở nên ngờ ngẫm một cách lạ.

Dù sao, vào giây phút này, Hùng quyết định không bao giờ giống anh Thịnh.

Thịnh đi bao giờ đâu cũng cúi gằm xuống đất. Thịnh sợ nhìn thẳng vào một người nào, ngẫm lâu một vật gì. Tay chân Thịnh không bao giờ để yên được, luôn luôn làm những cử chỉ nóng nảy, đưa lên sửa cúc áo, vuốt tóc, cho vào túi, rút ra, đá một hòn sỏi. Thịnh sợ tiếp xúc với người lạ, những trận cãi nhau, sợ các thiếu nữ quá đẹp, sợ nhìn mặt mình trong gương, sợ cả đến bóng của chính chàng. Rất nhiều ham muốn

nhưng không khi nào dám làm một việc gì đến cùng, suốt đời bỏ dở, để sau hối hận đau khổ.

Hùng lấy một chiếc đinh đóng tấm bảng lên tường, đoạn ngồi phịch xuống ghế, cầm ti lên mặt bàn hai tay ôm lấy đầu như một con khỉ có những cánh tay ngồng ngoẻo. Ngày mai căn phòng này sẽ đổi chủ. Tim chàng thất lại. Chàng tức giận và oán ghét tất cả mọi người. Tại sao người khác lại đang tâm đây Hùng rái khỏi thế giới riêng biệt mà chàng đã tạo ra mất bao công phu. Khi một người lạ mặt mở cửa dòm ngó vào phòng chàng, Hùng xấu hổ và nổi nóng như bị bắt gặp đang tắm gội. Không ai có quyền đụng chạm đến da thịt và những phần thân kín trên thân thể chàng. Đúng vậy, những vết khắc chàng chọt trên mặt bàn này là những đường gân, máu của Hùng. Bầu không khí nồng những mùi lông chim và quần áo bẩn là hơi thở của chàng. Chiếc cửa sổ kia lúc có bóng mây bay qua, lúc ẩn hiện, hình thể tròn trặn của trăng là một khoảng trời riêng của Hùng.

Hùng gục đầu xuống và để mặc những rung động rộn rập lời cuốn tâm hồn cùng những tư tưởng của chàng. Chàng tha thiết mong ngày mai không bao giờ tới.

Hai tháng sau cũng trong căn phòng cũ của Hùng, bây giờ đã là phòng riêng của Liên.

— Em ngồi chơi chờ chị một chút! Chị đang đọc dở thư anh Tâm.

Hùng ngồi xuống chiếc ghế mây thấp, ngã người ra phía sau gối đầu lên hai cánh tay vòng sau gáy.

Chàng nhìn đôi môi cong và đều đặn của Liên mấp máy. Liên có thói quen khi xem thư, đọc thầm tay không thành tiếng hẳn, một thói quen trẻ con và hơi ngộ nghĩnh.

Càng ngắm Liên, Hùng càng ghen tức với người vắng mặt: Tâm. Chàng lục lọi tìm tòi trong đôi mắt to và ngấn, những nét thay đổi trên khuôn mặt tròn trĩnh của Liên hình như cổ tìm hiểu cho bằng được sự giằng buộc giữa Liên và người yêu. Hùng hơi đỏ mặt. Chàng vừa hình dung ra Liên run rẩy trong hai cánh tay Tâm, ngực dựa vào thân hình Tâm, môi hé mở và áp vào nốt ruồi ở phía dưới cổ Tâm một chút. Tuy chưa gặp Tâm nhưng nhờ Liên kể lại, Hùng biết rõ từng đặc điểm tính tình và cả đến những dấu hiệu thân mật về thể chất của Tâm. Chàng biết Tâm có một dáng đi lừ lừ, hai bàn tay ngón thật dài và thuôn, Tâm hay cười nửa miệng và khinh khỉnh một cách rất khó chịu đối với những người mới quen. Nhưng cũng theo lời Liên, đối với Liên, thỉnh thoảng chỉ khi nào hai người ngồi riêng với nhau, Tâm mới nhìn Liên bằng một cặp mắt dịu dàng lạ thường, khiến Liên xấu hổ vì cảm thấy sung sướng quá đáng. Hùng cũng biết Tâm có rất nhiều bạn gái đẹp gặp mấy lần Liên. Tâm ăn rất nhanh, thích mặc những hàng sơ mi mềm và bơi rất giỏi.

Nói tóm lại càng biết rõ về Tâm, Hùng càng tò mò muốn biết hơn nữa như khi người ta tìm hiểu mọi tru và nhược điểm của một người tình địch.

Hùng với tay cầm chiếc ảnh Tâm lồng khung để trên bàn. Chàng ngắm

bức ảnh đó không biết lần này là thứ bao nhiêu (rất nhiều lần khi Liên vắng mặt). Liên ngừng đầu lên nhìn Hùng mỉm cười rồi lại cúi xuống đọc tiếp là thư. Hùng xa xăm mặt. Chàng không chịu nổi nụ cười của Liên. Tại sao nàng lại tưởng nhầm Hùng cảm tình với Tâm và khâm phục Tâm như nàng.

Hùng ngắm bàn tay Tâm trong ảnh. Bàn tay chắc đã nhiều lần lướt trên da thịt và vuốt ve đôi vai tròn và trắng mịn của Liên.

Hùng vùng đứng dậy, đặt ảnh trên bàn và lảng lảng ra khỏi phòng Liên, hai bàn tay nắm chặt đu đưa bên sườn như hai con chim đẩy dùa trong lưới.

Liên ngừng đầu lên gọi :

— Hùng ! Đi đâu vậy ?... Hùng có chuyện định nói với chị cơ mà...

Nhưng Hùng vẫn lảng lảng rảo bước ra phía vườn, hai tay thọc mạnh vào túi quần, đầu rụt lại. Liên nhìn theo phân vân. Hùng có những hành động đột ngột chẳng khác gì Sơn em trai nàng hồi còn sống. Liên cũng không chắc là nàng hiểu rõ em nàng hơn Hùng, nhưng dù sao nàng biết chắc Sơn yêu nàng, còn Hùng? Thỉnh thoảng nàng phảng phất cảm thấy tâm hồn người con trai mới nhón này có một vài đặc điểm làm nàng sợ hãi. Có lúc hình như Hùng ghét nàng và không thể ngồi bên nàng thêm một phút hay nghe nàng nói thêm một câu, có lúc lại quẩn quít nàng một cách quá đáng.

Những ngày mới đến ở gia đình này, trong số các con ông Quân, Hùng là người độc nhất nàng ưa.

Nàng còn nhớ rõ buồn một giáng điệu buồn cười là lạ và thật dễ thương của Hùng, lần đầu tiên hai người gặp nhau. Hùng mặc một chiếc quần ka-ki cũ, trên ống quần lèm nhèm mấy giòng chữ ngông ngoẻo. Chân đi một đôi dép da hình như do chính Hùng làm lấy. Thấy nàng xách chiếc va-li có vẻ khó nhọc treo lên mấy bậc gạch dẫn lên nhà, Hùng rút hai tay trong túi ra tiến về phía nàng, nhưng bắt gặp cặp mắt chế riêu của Bà đứng trong cửa sổ nhìn ra, Hùng lưỡng lự một giây rồi mới cả quyết dang lấy va-li ở tay Liên, miệng nói ồm ồm:

— Đê tôi xách cho !...

Hùng quăng chiếc va-li của nàng xuống đất, khi hai người đã vào phòng khách; Liên mỉm cười nói nhẹ nhàng « cảm ơn ». Hùng cau mặt chẳng nói chẳng rằng chỉ « hừ ! » một tiếng bực tức.

Sau khi đã gặp ông bà Quân và nói chuyện một lúc, chính Hùng

lại là người đưa nàng xuống cầu phòng nàng sẽ ở. Hùng mở toang các cửa đoạn nói giọng như thách thức nàng: « Phòng này trước đây là phòng tôi ». Nhưng khi thấy nàng không lộ vẻ kinh tởm hay phê bình gì mà lại tò mò ngắm mấy mảnh bìa viết những chữ kỳ lạ còn sót lại trên tường chưa kịp bóc đi hết, Hùng vừa ngượng vừa khổ sở, chân tay bứt rứt như người đứng đống vào giữa bãi kiến lửa. Sợ Hùng ngượng quá, nàng khen bằng quốc ngữ: « Chữ ai viết mà đẹp thế này ? » Hùng ra khỏi phòng cũng vội vã như sáng hôm nay.

Liên cúi xuống đọc tiếp thư Tâm và tự nhủ « Anh Tâm gặp Hùng chắc hai người sẽ hợp với nhau lắm ». Liên đoán chỉ một lúc nữa hay đến trưa là cùng, Hùng sẽ lại lừng khừng vào phòng này, ngồi phịch xuống ghế và nói chuyện như không có chuyện gì xảy ra. Hùng thật dễ thương !

(Còn nữa)

Duy-Lam.

— Nếu bạn muốn tránh không nhìn một thằng điên thì bạn hãy đập vỡ cái gương của bạn đi.

Rabelais.

CÁO LỖI ĐỘC GIẢ

Vì thời gian quá gấp rút và máy của nhà in Nam-Hà mắc sửa, chúng tôi phải đem bìa Tân-Phong số 5 đi in tại một nơi khác nên không được như ý. Tân-Phong thành thực mong các bạn đọc thứ lỗi.

Tân-Phong.

tiếng
việt
miền
nam



Ôi! tiếng Việt miền Nam
Nghe sao mà âu-yếm!
Giọng ngân dài lưu-luyến
Cho lòng ta thương vưng...
Ôi! thương ai em thương thiết là
thương!

Em, cô gái Đồng-Nai lòng cởi mở.
Từ quen em nắng vàng thêm rực rỡ
Dừa thêm xanh và vú sữa thêm ngon,
Lời em thơm như măng-cụt no tròn,
Giọng em ngọt như xoài vừa chín tới,
Những chữ S ngân dài như gió thổi,
Chữ C, G nghe đọc lỗi mà yêu.
Giọng TR trong trẻo đúng bao nhiêu,
Và « anh » nữa. Ôi, tiếng « anh » nũng-
nịu :

« Mong ăn mãi! Nhớ ăn hoài! Ăn có
hiều?... »

Em thương ăn quá sá là thương!
Lời em ngon như có mật có đường,
Ta sung sướng gần em nghe giọng nói,
— « Hãy nói nữa! Nói nhiều đi, em
hồi!

Qua không còn hiểu ý, chỉ cần nghe
Giọng nói du-dương, âu-yếm, đê-mã
Như nhạc sóng của Đồng-Nai, sóng
Cửu! »

Nhưng em bỗng ngừng im... Rồi nũng-
nịu :

« Nói đi ăn nghe giọng Bắc em
thương! »

Cầm tay em, say ngấm cội môi hương,
Lòng tràn ngập niềm mến thương đậm
thắm :

Ôi, Nam Bắc dù xa nhau vạn dặm
Vẫn cùng chung tiếng mẹ, vẫn quê cha.
Gặp nhau đây trong ánh nắng chan
hoà,

Hai giọng nói cùng vui ca hợp tấu,
Hai huyết quản vẫn cùng chung dòng
máu,

Hai tâm-hồn hoà hợp cảm thông nhau.
Tiếng Việt miền Nam, giọng nói nhiệm
mầu,

Có phép lạ khiến tình ta lưu-luyến.
Em cô gái Đồng-Nai, ta thương mến!
Muốn gần em, gần mãi, để... nghe em!

(Miền Nam, thu 1959).
Bàng-Bá-Lân.



Bút lý của Quốc-Nghi

thiếu niên hành

Tân phong mỹ tửu đầu thập thiên
Hàm Dương du hiệp đa thiếu niên
Tương phùng ý khí vị quân ồm
Hệ mã cao lâu thủy liễu biên

Vương-Duy

Bài ca Thiếu-niên hành, bản dịch của Trúc-Lâm

Rượu quý Tân-Phong nghìn vạn đấu
Hàm-dương lắm bạn trẻ giao tình
Gặp nhau ý hợp vì nhau uống
Buộc ngựa bên lầu liễu đủ xanh.

Bài ca Thiếu-niên hành, bản dịch của Thạch-Ân

Tân-Phong rượu quý muốn ngàn đấu
Hiệp khách Hàm-dương hợp một nhau
Hợp ý vì ai mong cạn chén
Ngựa dừng xin buộc liễu bên lầu.

Dịch nghĩa :

Đất Tân-phong có rượu ngon mười nghìn đấu
Những kẻ du-hiệp đất Hàm-dương đều còn ít tuổi.
Nay gặp nhau hợp ý xin vì ông uống
Buộc ngựa bên lầu chỗ cành liễu đủ.

Chú-thích :

Tân-phong : đất Tân-phong ở Đồng-Huyền, Thiểm-tây, ở đây có nhiều rượu ngon. Bài Xuân phú của Đưu-Tấn : Nhập Tân-phong như tửu mỹ. (Vào quán Tân-phong có rượu ngon).

Hàm dương : đất Hàm-dương là cổ đô nhà Tần và nhà Hán nay là Huyện Trường-An, tỉnh Thiểm-Tây.

NGUỒN SỐNG.

Một vị « phụ mẫu chi dân » được bổ đi nhậm chức ở một huyện nọ. Sáng hôm sau vừa ra công đường lĩnh đất vào một người nghèo khổ áo quần rách nát xin vào hầu. Quan trông thấy vội vàng đứng dậy vái chào và mời ngồi.

Thầy lại vội vàng nói :

— Ấy, bầm quan, nó chỉ là một tên dân nghèo nhất vùng, xin quan không cần phải giữ lễ đến như thế.

Quan trừng mắt bảo :

— Thầy lại biết gì ! Quan sống nhờ dân đen ; nhất là dân áo rách. Nếu không có bọn họ thì quan lấy đâu ra nhà lầu, xe hơi ; tiền đâu cho quan sung sướng nữ trang cho vợ ăn diện và cờ bạc. Dân đen là nguồn sống, là cơm, là áo của ta. Dân đen nuôi quan cũng như cha mẹ nuôi con vậy. Bởi thế ta phải kính trọng dân đen như con cái kính trọng cha mẹ ; thầy bảo ta không vái chào giữ lễ sao được.

Liêu-Dương

CON TRAI ĐÊ ĐƯỢC.

Mình vừa ngừng đọc quyền vạn vật, lại hỏi chị nó đang may vá :

— Chị hai ơi ! « con trai » có đê được không hở chị ?

— Con trai sao mà đê được.

— Vậy sao ba lại dạy : « nếu có ai hỏi em con gì thì phải nói con của ba » như vậy không phải ba sinh ra sao ?

— Má sinh ra chứ đâu phải ba sinh ra.

— Bỏ con thì con bỏ sinh ra, cạp con thì con cạp sinh ra. Sao con trai không phải con trai sinh ra ?

— Vì con bò có con bò cái, con cạp có con cạp cái nên mới sinh đẻ ra được.

— Vậy « con trai » phải có « con trai cái » chứ.

Trông lúc đó chị hai lo đối đáp, lơ dềnh dề kim đâm vào tay nên nói với vẻ hơi quạo :

— Thôi, nói bá-láp, không lo học đi, ai dạy mày đâu mà mày về nói con trai đê được, mà con trai thì sao lại là « con trai cái » được chứ.

— Dạ, sách dạy.

— Sách dạy nói cái gì ?

— Dạ nói « con trai » sinh đê được.

— Con trai gì chứ ?... hả ?

— Dạ « con trai cái ».

— « Con trai cái » gì ? Ở đâu ? ? ?

— Dạ « con trai » loại con sỏ con ốc ở dưới sông dưới biển sinh đẻ được.

— A... H... H...

Kim-Van
(An-Giang)

Nguyên tác của Alcantara Machado
Bản dịch của Bảo-Sơn

CHUYẾN XE NỒI LOẠN

CHUYẾN xe lửa nhỏ đã
nhập ở Magaori bốn thợ
lầm tại lò sắt sinh rồi chạy
xình xịch về hướng Belem. Trời đã
tối. Người ta chỉ còn ngửi thấy mùi
máu lò lự, mà không trông thấy
những vết máu bám vào quần áo của
đám hành khách, vì không có đèn dóm
gì cả. Thỉnh thoảng người ta lại thấy
những tia lửa ở ống khói tuôn ra.
Các toa xe đều chìm vào bóng tối.

Chiếc xe thực là kỳ quặc. Ở bên
ngoài tối đen như mực, ở bên trong
cũng tối đen như mực. Viên soát vé
đi «bấm» vé. Miệng anh ngâm một
điếu thuốc lá, anh đưa tấm vé lại gần
đầu lửa của diếu thuốc và hít một hơi
cho ánh lửa lóe lên. Anh chỉ trông
thấy lơ mờ, nếu đầu ngày tháng có
về khá nghỉ thì anh nhét tấm vé vào
cái bị của anh. Luôn luôn có người
kêu «O kìa! Đồ trôi dạt thánh vật».

Viên soát vé xin lỗi — hoặc chẳng
xin lỗi gì cả — rồi đi. Các toa xe thì
va vào nhau.

Chuyến xe nhỏ hung hăng chạy
xình xịch về hướng Belem, vì viên
tài xế chưa cơm nước gì cả. Hành

khách người nào không nhân bóng
tối ngủ một giấc thì chuyển chuyển trở
trò, hoa cả chân tay lên, cho đúng
kiểu dân Brazil (Nam Mỹ). Hoặc
họ hát, hoặc họ huýt sáo miệng. Chỉ
có bọn đàn bà là ngồi thu hình vào
một góc để tránh một vài cử chỉ vô
lễ có thể xảy ra.

Đêm hôm chẳng có trăng sao,
chẳng có gì cả. Thỉnh thoảng ánh
sáng một que diêm soi vào mặt một
vài người, rồi lại tắt ngóm. Chẳng
ai lấy thế làm lạ. Ngày nào cũng đêm
như thế. Bốn lò sắt sinh đã quen đi
rồi. Chuyến xe Magaori này, chắc là
chuyến xe hàng.

Một hôm tình cờ trên hàng ghế
áp chót về bên tay mặt toa xe thứ
nhì có một người mù đeo cặp kính
màu xanh. Một người mù ở Bahia,
trên bờ sông Verde de Baixo. Chẳng
là một «cây sáo» nhà nghề vừa đi
hòa nhạc ở Braganca về. Chẳng ghé
xuống Magaori, rồi về Belem. Mặt
anh chàng tóc đỏ dẫn lối cho chàng
nếu không ngáp luôn miệng thì lui nhỏ
nước miếng.

Chàng mù có vẻ vui sướng. Chàng

huých khuỷu tay vậ anh tóc đỏ và khai mào nói chuyện. Câu truyện rõng tuếch, vì chàng có thấy gì đâu. Rồi chàng huýt sáo miệng. Chàng thổi một bản valse (một trong những bản điệu lên cao, cao mãi rồi lại xuống thấp thật nhanh) rồi một bản polka, một đoạn bản Trovatore. Rồi chàng im bất một lúc.

Bỗng chàng chợt có một ý nghĩ. Chàng hỏi thằng bé tóc đỏ: « Báo có nói gì về chuyện kể vì Tổng-thống không? »

Thằng bé đáp:

— Cháu không biết, tối như bưng.

— Tối như bưng?

— Vâng.

Chàng không nói gì và cố về suy nghĩ. Rõ ràng là chàng không hiểu gì cả. Chàng hỏi:

— Thế không có đèn à?

Thằng bé vừa ngáp vừa đáp:

— Không ạ.

Rồi nó nhỏ đánh toẹt một cái.

Chàng lại nghĩ ngợi một lát, rồi lại hỏi:

— Xe tối như bưng à?

— Dạ vâng.

Chàng hơi có vẻ tức, lấy gậy đập xuống sàn xe. Rồi chàng la lên:

— Thực không thể nhìn được.

Công ty hỏa xa coi mình còn ra gì nữa. Để mình ngồi tối như bưng thế này là nghĩa lý gì? Không có ánh sáng ai mà sống nổi. Phải có ánh

sáng chứ. Ánh sáng là của Trời cho! Ánh sáng! Ánh sáng đâu! Đèn đâu!

Xe vẫn tối om, không sáng.

Chàng lại kêu nữa: « Đèn đâu! Đèn đâu! » Vẫn tối đen như mực.

Chàng hét lên như điên cuồng.

Trong đêm tối, có tiếng hỏi: « Cái gì thế? »

Chàng lại la: « Không có đèn! »

Nhiều tiếng đáp: « Phải rồi! Có đèn đâu! »

Phải biết rằng lúc bấy giờ không có đèn là một cái nhục. Người đâu có phải là thú vật. Sống trong đêm tối là phi nhò lên sự tiến bộ của nhân loại, và lại bòn phận của mọi người là phải chống lại lối trục lợi dân chúng. Tiền đèn đã tính cả ở trong giá vé rồi. Chính phủ không lưu tâm đến điều đó sao? Bác bảo chính phủ không lưu tâm đến, có phải thế không? Ấy thế là bọn dân ngu sắp sửa chứng tỏ họ có quyền bây giờ đây. Cần gì chính phủ. Nếu cần họ chống lại. Dân Bresil là một dân can-dảm lắm mà. Họ chuộng hòa bình lắm, ai muốn làm gì thì làm, nhưng mà đừng có khinh thường họ. Thế nào rồi cũng có ngày họ nổi lên cho mà xem...

Ấy thế là tất cả mọi người đều nhao nhao lên bàn tán. Họ hăm hở nói không ngắt lời.

Một người đề nghị giết anh soát vé, nhưng Giao gạt ngay đi: « Hân cũng nghèo như chúng mình chứ có khác gì đâu ».

Một người đưa ra ý kiến biểu tình ở đường phố Belem có vẻ trông, có diễn thuyết nữa.

— Đốt cả pháo bông nữa chứ ?

— Có chứ, phải đốt chứ.

— Hay quá !

Nhưng Giao lại bảo :

— Làm thế tốn tiền.

— Thế thì làm gì bây giờ ?

Chàng ai biết nên làm gì cả. Nhưng chắc Giao biết. Giao là « xếp » đồ tề lò sát sinh Magaori mà. Chàng rút con dao giắt ở thắt lưng ra rạch cắt những mặt ghế nhồi rơm. Chàng làm rất đúng kiểu nhà nghề. Chàng cắt một đầu ghế, quăng ra ngoài cửa sổ và nói :

— Hai kí « phi-lê » này.

Rồi chàng cắt đầu kia :

— Một ký rươi ngực này.

Thế là tất cả bọn hành khách — toàn là những tay đồ tề phụ bất chước anh « xếp », họ thử sức phô bày cái bản năng giết chóc quen tay của họ ra. Họ quên cả tức giận, lấy thế làm vui. Chỗ nào họ cũng cắt và quăng từng miếng qua cửa. Công việc tựa hồ như có tờ chức sắc từ trước. Lệnh ban ra khắp mọi nơi. Họ nói, họ cười, họ reo hò vui vẻ.

— Anh Di, cạo được mấy con rồi ?

— Di ơ ! Tôi thật được bốn chú rồi,

Khi anh mù biết chuyện đã xảy ra,

anh khoải trí nhầy lên. Anh chàng soát vé thì chạy hết chỗ này ra chỗ kia, muốn khóc thét lên.

— Làm cái gì thế này ? Làm cái gì thế này ? Tại ánh sáng à ?

Anh mù đáp :

— Tại tôi đây !

Giao vừa chạy khắp các toa vừa rờ xem các ghế :

— Đây ở đây còn ba kí sườn đây này.

Anh soát vé trốn về phòng, đóng cửa lại, cầu nguyện. Đã gần tới Belem rồi. Cái ghế nào cũng chỉ còn trơ lại những khung sắt. Hành khách đều đứng kề lại truyện vớ nhau. Anh mù chơi một bản hành khúc tự anh đặt ra, gọi là bản « Quốc dân ơi, đứng lên đi ! » Còn anh chàng tóc đỏ thì lấy báo bọc đầu một con dao đã « hời » được trong lúc lộn xộn.

Xe rúc còi ngừng lại ở ga Belem. Thoáng một cái hành khách đã xuống hết. Anh soát vé xuống sau cùng, mặt tái mét.

Khi tin đồn đi, dân chúng Belem đều xúc động ; các báo in những đầu đề chữ lớn nhất. Một báo đăng tin thế này : « Hành khách nổi loạn trên xe lửa Magaori. Họ ném ghế ra đường » nhưng người ta thu báo về, sợ làm méch lòng dân chúng.

Khi được tin, cảnh binh liền mở cuộc điều tra để tìm thủ phạm. Viên đại diện chính phủ, trước mặt một số đông trạng sư, đại diện báo chí, nhân vật quan trọng và những người tò mò,

đi điếm mặt bọn hành khách, nhưng không được một tia sáng nào cả, trừ mỗi một người khai là có đạo Tin lành và mang theo một cuốn Thánh kinh ở trong bị.

Viên đại diện hỏi:

— Ông có biết nguyên nhân chính của cuộc nổi loạn này không?

Người kia trả lời:

— Nguyên nhân chính của cuộc nổi loạn là tại xe hòa không có đèn.

Viên đại diện nhìn thẳng vào mắt người kia:

— Ai là người khởi xướng?

Tất cả mọi người đều lo lắng chú ý nghe người kia khai:

— Người khởi xướng là một người mù.

Anh ta định lấy Thánh kinh ra để thề nhưng người ta đã lôi ngay anh đi giam vào tù, vì không có ai giống với pháp luật cũ.

NGƯỜI NGOÀI CƯỜI NỤ NGƯỜI TRONG KHÓC THẦM

Một người hỏi thăm một bà:

— Thưa bà, cô em nhà ta ở bên Mỹ có vui không ạ?

Bà này hớn hờ đáp:

— Thưa ông, cháu vui lắm ạ. Cháu nó lấy chồng Mỹ. Khi nó vắng nhà, chồng nó giúp nó trông nom nhà cửa, rửa bát chén, trông nom con cái. Nó sai làm việc gì là làm việc ấy.

— Ô, cô ấy sung sướng quá nhỉ! Thế còn cậu cả nhà ta?

— Ô, cái thằng cả ấy ợ, bà nhắc đến nó rằm gill. Nó lấy con vợ Mỹ, và thưa bà:

Chính nó đã phải rửa bát

Chính nó đã phải lau nhà... bà ơi!

(Theo Tuyên Lữ),

ĐÃ CÓ BẢN

ANH-VIỆT TRÍCH-ĐIỂM

để luyện dịch

Thi bằng T. H. Đ. N. C. và Tú Tài

Của NGUYỄN-ĐÌNH-BẢO

Giá 30 \$ 00

Cũ mới



MỚI và cũ là hai trạng-thái thông thường của mọi sự vật ở đời. Cái gì lúc đầu cũng mới cả. Dần dần có yếu-tố thời-gian vào làm cho nó cũ đi. Có cái cũ mới biết cái mới, cái cũ làm nổi bật cái mới, song thói thường người đời vẫn « có mới nới cũ ».

Đối với những đồ vật « động » như cái máy, cái xe hay là « làm việc » như quần bút, cái kim, ..thì phải kể từ lúc được chế tạo cho đến lúc người ta bắt đầu sử dụng gọi là mới. Với thời gian và tác dụng của công việc, đồ vật sẽ cũ lần vì hao mòn, vì mệt mỏi.

Bởi vậy người ta ai cũng thích mua xe mới, máy mới để dùng. Song không vì vậy mà những xe cũ, máy cũ không có người chiều chuộng. Vẫn có hạng người túi tiền không nói lắm phải đành lòng lấy « cũ người ta là mới mình ! »

Đến những vật « tĩnh » như chiếc lọ sứ, cái bình đồng, thì vẫn có lúc gọi là mới. Song trái hẳn lại thời-gian làm tăng giá-trị của những vật ấy thêm lên. Người ta cố để cho thời gian in sâu dấu vết.

Hồi xưa thầy tôi có cái gạt tàn thuốc bằng đồng, không biết ở xứ nào chế tạo song thấy có bốn chữ nho đóng khung vuông nhỏ nhỏ ở

bên dưới. Những khi dọn đến một chỗ nào mới lạ, nếu người hầu hạ chưa quen ý là thế nào cũng xảy ra vụ là rầy chung quanh cái gạt tàn thuốc ấy. Thầy tôi quên dặn trước nên những người mới đến ở giúp việc thường mang cái gạt tàn thuốc ấy chúi bóng lộn như người ta chúi lư đồng gần ngày Tết. Kể mang chúi lư đồng lập công trạng được khen, có ngờ đâu là vừa mất công lại vừa phải nghe mắng :

— Ai bảo mày đi chúi, của người ta để vậy mới quý chứ. Đỡ vô ý !

Chắc người bị mắng không sao hiểu được cái quan niệm lạ kỳ đó. Nhưng mà rồi số mệnh cái gạt tàn thuốc ấy như đã vạch sẵn. Hễ cứ gần đen đen mốc mốc, nổi chắt « xanh xám » ở các khe cạnh là lại có bàn tay do bộ óc nghịch đời chỉ huy mang nó chúi bóng loáng ! Nghịch đời thật ! bởi vì người đời muốn cho nó cũ. Chỉ quý nó khi cũ mà thôi. Càng cũ càng quý. Thậm chí có kẻ còn « phổng » thời gian, hay là « tranh thủ » thời gian để làm cho một vật chóng cũ nữa. Trường-hợp cái « lon » chẳng hạn không phải là cái lon đựng gạo hay lon sữa bò đâu ! Tôi muốn nói đến những cái « lon » đeo vai của các nhân vật cần dùng đến nó. Có người mang cặp lon « mốc thối

cũ xi», rách tươm tả và không còn một màu sắc gì rõ rệt ngoài cái «màu thời gian» khủng khiếp. Thế mà chủ nhân lại có vẻ tự hào mới lạ chứ! Họ bấu môi trước những cặp lon mới chói lọi. Không bao giờ họ chịu đổi cặp lon mới. Hối ra thì họ bảo là «tập quán cổ truyền cần được tôn-trọng và không cho họ thay đổi». Vì cái «tập quán nhập cảng» ấy nên có kẻ đã phải lấy bùn, lấy đất bôi vào cặp «lon» khi nó còn mới để làm cho nó chóng cũ.

Người có cũ thì muốn làm cho mới, kẻ được mới lại thích làm cho cũ, cái sở thích của người ta thật là phức tạp. Tuy vậy cũng có thể đoán rằng người ta thích mới nhiều hơn và sự làm mới những đồ cũ cần thiết hơn, cho nên các nhà kỹ nghệ gia, bác học chỉ nghĩ cách chế tạo các thứ sơn, các thứ dầu chùi kim khí, véc-ni, mạ kền, xuy bạc, xuy vàng v.v... mà không ai nghĩ đến việc tung ra thị trường các phẩm chất làm cho đồ vật chóng cũ.

Các mỹ viện chỉ bán toàn mỹ phẩm làm cho trẻ nghĩa là làm cho «mới», tất nhiên là cho đẹp, chứ không ai bán loại kem hay phấn để xoa vào cho da nhăn tóc bạc. Các hàng nhà thuốc chỉ bán thuốc trường sinh bất tử, cải lão hoàn đồng hoặc là :

«Già ăn trẻ lại

Gái ăn đất chổng».

chứ không bao giờ có thứ thuốc để làm cho thận suy, tim yếu, người chổng cần cổ.

Người ta cũng như đồ vật, cũng có cũ và mới. Nhưng người ta thuộc về động vật cho nên cũng

như loài vật thể «động» trên kia, chẳng mấy ai thích dùng thứ cũ «Người ta» cần phải mới, phải trẻ, phải hợp thời. Người ta thua chiếc máy vì khi chiếc máy cũ rồi còn có người mua lại sửa đổi, bài trí đôi chút để bán lại cho kẻ khác. Khi «con người» đã cũ và đã bị kẻ đồng loại phế bỏ thì đừng mong kiếm được chỗ dung thân trong lúc chờ đợi ra sắp hàng nằm nơi nghĩa địa. Tội nghiệp cho những «con người», nghĩa tao khàng đã nặng từ già nửa đời ăn ở bên nhau, cơ nghiệp tình thân cũng như vật chất xây đắp đã vững chãi, thế rồi một sớm một chiều phải ân-hận, cuốn gói ra đi, mang theo tất cả các tác phẩm của mình, để nhường chỗ cho một bọn đồng nghiệp mới trẻ và hợp thời. Chẳng cưới nàng lúc còn hàn-vi mới đổ bằng «sơ học yếu lược» và đăng vào chân lính khố. Nàng lúc ấy đẹp chứ :

«Một thương tóc bỏ đuôi gà,

«Hai thương ăn nói mặn mà có duyên

«Ba thương má núm đồng tiền

«Bốn thương răng lóng lộng hột huyền kềm xinh !

Nàng cũng thông thạo «Tam thiên tự», thuộc lòng «Tứ đức tam tông» Song lỗi là tại cái thời đại nó đi nhanh quá ! Một kiếp sống người đời mà phải trải qua bao nhiêu chế độ, bao nhiêu thể hệ bao nhiêu cuộc tang thương biến đổi, chớp nhoáng như cuộc đảo chính Nhật, như tác dụng của bom nguyên tử. Những cuộc cách mệnh đã làm «đảo ngược các giá trị» cũng đã đưa «Toussaint Louverture» lên quyền cao chức trọng. Chẳng thì

cố gắng «vác đèn đỏ» chạy theo thời đại, song nàng thì không tài nào chạy kịp chẳng qua cũng là do cái «quần tích» của đàn bà. «Tam thiên tự» của nàng không ai dùng nữa, thời đại đã thay nó bằng những thứ tiếng ngoại lai mà nàng thường nghe chàng tập nói theo đĩa hát «Assimil trọn bộ». Quan niệm Tứ đức, tam tông cũng đã đổi thay. Hàm răng hột huyền đen lóng đã trở nên «răng đen mã tấu» Mớ tóc «củ tỏi đuôi gà» không còn lý do tồn tại vì đã thay bằng «mớ tóc phi-dê». Sự nhẫn-nại của chàng có hạn. Dù sao chàng cũng cần giao thiệp rộng trong cái địa vị quyền quý cao sang của chàng và cần phải có «cả vợ lẫn chồng» để cùng «tát biển đông cho chóng cạn». Nàng phải bằng lòng nhượng bộ cho chàng kiếm «mọn» để rồi theo luật đào thải tự nhiên của tạo hóa, chàng phải «nhẹ nghĩa tao khang».

Nhưng mà «người ta» đâu có phải là cái máy. Cái máy tuy «động»

nhưng «vô tri». Người ta có tri giác có tình cảm nên biết đau khổ, thụ động hay là biết phản ứng dữ dội. Thế là lịch sử nhân loại lại ghi thêm một vụ «phụ bạc»; một cảnh chùa hay ngôi nhà thờ nào đó có thêm một hồn đạo chân thành, viện dục anh nào đó có thêm năm, ba kẻ nội trú.

Tuy vậy những «động vật» cũng như những vật «động», cả đến những vật «tĩnh» lúc mới tinh nguyên tuy có giá trị hơn nhưng chưa chắc đã quý bằng lúc đã thuần-thục. Cái máy mới cũng phải dè dặt trong thời kỳ đầu gọi là thời «rò-đĩa». Máy còn trục trặc chưa trơn, công suất tối đa chưa khai thác được.

Con ngựa mới đã chắc gì là lợi bằng con ngựa thuần. Đôi giày cũ đi vẫn êm chân hơn đôi giày mới. Người bạn cũ tâm giao đáng tin hơn là bạn qua đường sơ ngộ. Người vợ đã nặng nghĩa tao khang đáng quý mến hơn là vợ nhất thời.

Linh-Vũ.

Ta sợ giống Hy-lạp, ngay cả khi chúng chó quạ lộng

Vergil.

ĐÔNG Y-SĨ CỤ-THẮT

CHỮA CHÂN TAY

Gãy xương bong gân, trật khớp và phong thấp rất thần hiệu cũng các bệnh gân, xương, nhức mỏi đã được tin-nhiệm với đông-bảo Bắc-Việt.

Trước ở Hàng Điều Hà-nội nay đã tiếp khách tại :

287 Gia-Long gần Ngã-Sáu (Saigon)

Chủ-nhật chữa lâm phúc ở Tịnh-Độ Cư-Sĩ 282 Đường Lacaze Cholon từ 10 đến 12 giờ.



nhớ thương

Thơ của Tô - Trần - Nguyễn

Thu về !
Là vàng lác đác
Mưa thu xào xạc
Vườn thu tái lè
Hồn thu lạc lõng bến mê
Biết chẳng hơi gió, vàng nghe chẳng vàng
Lệ thu rơi, mấy giọt đàn
Mây tương tư gió, ngổ ngang gió mây
Bao giờ gió lại gặp mây ?
Mây mây, gió gió, cho khuấy nổi sầu
Gió về đâu
Mây chiều trông ngóng
Nấn phím tơ chùng
Lã chã hạt châu
Mưa rơi, ai ướt mái đầu ?
Mưa bao nhiêu hạt, dạ sầu bấy nhiêu
Nhìn ra phong cảnh cô liêu
Lòng ta nhuộm một ít nhiều nhớ thương.

Chiều thu.
Tô-Trần-Nguyễn

làm cao

Truyện ngắn của Doãn-Dân



MỎI lần đến Dư chơi, bao giờ Dung cũng có cái mặc cảm là mình đã ban cho Dư một ân-huệ. Bởi vậy Dung chỉ đến nhà Dư hoặc đi chơi với chàng khi nào Dư đã mời đến lần thứ hai — có thể là hơn nữa — Đã thế, Dung lại còn hay đến sau giờ hẹn ít lắm là mười lăm phút. Vì Dung thích bắt Dư phải mong mỏi Dung và phải vui-mừng khi thấy Dung đến. Những lúc được trông Dư buồn hoặc vui mà Dung biết là vì Dung, sao mà Dung sung sướng thế! Dung thích nhất là làm cho Dư buồn — buồn thôi, chứ không đau khổ — vì những lúc ấy Dung biết

chắc là Dư yêu nàng lắm. Dung cứ nghĩ: « Nếu không, sao Dư lại buồn? » là Dung cũng đủ sung sướng rồi. Nhưng Dung chỉ sung sướng ngấm-ngấm thôi. Vì Dung không muốn để cho Dư biết « rõ quá » về cảm tình của nàng đối với Dư. Bởi vậy những lúc vui hoặc buồn vì Dư, Dung không bao giờ để lộ ra nét mặt cho Dư biết. Dung cũng chẳng hiểu tại sao mình lại « làm ra » thế (à) Có lẽ vì Dung nghĩ rằng: « Đối với đàn ông thì phải kín đáo và kiêu-kiêu, không có họ coi thường »

Kề ra nhiều khi « bắt tội » Dư nhiều quá, lúc về nhà nghĩ lại, Dung cũng thấy thương Dư và nàng lại

yêu Dư hơn. Những lúc ấy Dung thăm hứa là lần sau sẽ không dối xử với Dư như thế nữa. Nhưng rồi lúc có mặt Dư, chẳng hiểu sao Dung lại vẫn làm Dư buồn như thường. Hôm nào đến Dư chơi mà suốt buổi, Dung không làm được cho Dư buồn lần nào, lúc về nàng cứ có cảm tưởng như « thiếu một cái gì ». Dung nghĩ vợ vẫn thế nào rồi nàng cho là Dư không yêu nàng như trước nữa. Thế là lần sau, Dung lại tìm đủ mọi cách để làm cho Dư buồn bằng được. Dung mới nghe

Dung muốn lúc nào Dư cũng phải quan tâm đến Dung. Bởi vậy, những lúc ngồi bên Dung mà Dư còn để tâm trí quá chú trọng về một việc khác — dù chỉ trong vài phút — là Dung cũng không bằng lòng. Dung cứ có cảm tưởng là Dư đã quên Dung. Những lúc nghĩ thế, Dung ức lên đến tận cổ. Nàng tủi thân muốn khóc cho Dư biết. Nhưng vẫn cố nén lòng mình, tìm cách « phá » ý nghĩ của Dư.

Nhiều lần, Dung biết là Dư đã phải khổ tâm và bức mình vì thái độ « lạnh nhạt » của nàng nhiều lắm. Giá những lúc ấy, Dư cứ tỏ ra cho Dung biết thì có lẽ Dung lại không thương Dư đâu. Nhưng đáng này, Dư vẫn vui vẻ chiều theo ý Dung cơ. Chỉ khi nào khổ tâm lắm Dư mới nhẹ nhàng bảo Dung :

— Em đừng để anh phải buồn về em nhiều quá. Em không biết là anh yêu em lắm sao ?

Mỗi lần nghe Dư nói thế, Dung vừa sung sướng lại vừa hối hận. Nàng yêu và thương Dư nhiều hơn.

Nhưng cũng có lẽ vì muốn được nghe Dư nói câu đó nên Dung lại vẫn « chứng nào, tật ấy ». Dung nghĩ : « Phải để Dư buồn như thế, Dư mới yêu mình tha thiết. »

Và Dung còn hay hờn với Dư cả từ những điều rất nhỏ. Như hôm nọ, ngồi nói chuyện với Dung mà tay Dư thì cứ đánh đàn. Nghe Dung nói, thỉnh thoảng Dư mới gặt đầu một cái, nhiều khi chẳng ăn nhập gì với câu nói của Dung. Có lúc Dư « gặt » sau một câu Dung hỏi. Dung nghĩ gì Dư cũng chỉ « gặt ». Mới đầu Dung còn tức vừa vừa thôi. Nhưng một lát sau, Dung không chịu nổi nữa, nàng tức quá muốn giằng lấy cái đàn ở tay Dư mà đập tan ra. Nhưng rồi không hiểu nghĩ thế nào, Dung lại cố giữ nét mặt bình thản đứng dậy nói :

— Thôi ! Em về đây.

Lúc ấy Dư mới vội bỏ đàn xuống, đứng mau dậy nói như vừa tỉnh cơn mê :

— Dung về à ? Sao tự nhiên em lại đòi về ? Ở lại với anh một lúc nữa đã...

Trông bộ mặt khăn khăn gần như lo lắng của Dư, Dung vừa giận lại vừa thương, nàng cũng muốn ở lại lắm. Nhưng Dung sợ Dư lại có ý nghĩ là nàng phải « làm theo lời » Dư, nên Dung nhất định đòi về :

— Thôi muộn rồi! Anh về em về.

Thế là Dung về thật. Dư ngạc nhiên và lo lắng không hiểu sao tự nhiên Dung lại ra về đột ngột như thế — nhất là Dung ngồi chơi cũng chưa lấy gì làm lâu lắm.

Hôm ấy về nhà, Dung ăn cơm không biết ngon. Cứ nghĩ đến bộ mặt thờ thẩn và những cái « gật đầu » lờ đãng của Dư là Dung lại tức đến uất người lên. Dung thầm nghĩ: nếu lần sau đến chơi mà thấy Dư cầm đàn trên tay, Dung sẽ về ngay, nhất định không ngồi nói chuyện với Dư một phút nào nữa.

Nhưng sáng hôm sau, Dung đã nhận được thư của Dư, lá thư màu xanh trông mát dịu và đẹp như những lời Dư viết. Và Dung lại quên tất cả. Bao nhiêu nỗi giận Dư tiêu tan đi hết. Dung cầm lá thư trong tay mà lòng nao nao sung sướng. Nàng xem đi xem lại đến hàng chục lần.

Vậy mà mấy hôm sau gặp Dư, Dư hỏi, Dung lại giả vờ, làm như không quan tâm gì đến lá thư của Dư cả:

— Thư nào?... À có phải lá thư anh gửi Hà đưa cho em không?

Dung thấy mặt Dư buồn hẳn đi. Chắc là Dư khổ tâm lắm. Lúc ấy lòng Dung có bao nhiêu là sung sướng. Vì Dung nghĩ là mình đã « trả thù » được Dư và đã làm được cho Dư buồn.

Nhưng lần ấy Dung cũng chưa « ức » bằng một hôm Dư và Dung đi xem phim « War anh Peace » ở rạp Đại-Nam. Ai lại ngồi trong rạp, mắt Dư cứ như dán lên màn ảnh. Trông bộ mặt chăm chú đến say mê của Dư, Dung thấy ghen ghen ở cò. Vì Dung có cảm tưởng là lúc ấy Dư đã hoàn toàn quên mất có nàng ngồi cạnh — nhất là trong phim lại có « Audrey Hepburn » đóng, cô đào đẹp nổi tiếng — Từ lúc chiếu phim chính đến lúc ấy, Dư không hề nói với Dung một lời nào mà cũng không quay sang Dung nữa. Có lần Dung giả vờ vô-tình, thích khuấy tay vào lưng Dư mà Dư cũng không biết. Lúc ấy Dung thấy như có một cái gì ăm ức trong lồng ngực, rồi từ từ lan khắp người và cuối cùng thì dồn tất cả lên hai mi mắt Dung. Càng nhìn Dư, Dung càng thấy hai mi mắt mình nặng dần lên và lòng nàng càng bồn chồn ăm ức. Dung chẳng hiểu có phải vì mình « ghen » không — mà ghen với cái gì mới được chứ? — Nhưng đến một lúc Dung không chịu nổi nữa, nàng định tỏ ra cho Dư biết bằng cách đứng dậy ra về, không thêm nói với Dư. Nhưng Dung thấy làm thế vô lý và ngượng quá! Và lại Dung sợ nếu Dư biết là nàng « ghen » vô lý thế, lần sau Dư sẽ làm cao với Dung. Hay ít ra thì Dư cũng biết được tình cảm của nàng đối với Dư thế. Nghĩ vậy nên Dung lại cố nén tức đang bùng lên trong lòng. Nàng khẽ lay lay cánh tay Dư gọi nhỏ.

— Anh...

Dur vẫn không hay biết. Dung phải lay mạnh một lần nữa chàng mới giật mình quay lại:

— Em nói sao?... à... ở Napoléon đang bị thua ở Moscou..

Và Dur lại nhìn vội lên màn ảnh. Dung ức đến phải khóc lên. Nàng thấy tim mình đập mạnh quá! Ngực Dung phập phồng mỗi lúc một mau. Dung cố trấn tĩnh, lấy giọng rất thân nhiên gọi Dur một lần nữa:

— Anh... em bị cảm...

Lúc này Dur mới sững sốt quay lại nhìn Dung hỏi nhỏ:

— Sao? Em bảo sao?... Bị cảm à?...

Lòng Dung bỗng nhẹ hẳn đi. Trông bộ mặt Dur lo lắng, Dung phải cố nhin mới khỏi bật cười.

Dung vẫn thân nhiên:

— Vâng! Em thấy nhức đầu quá!

Dur vội vàng dịu Dung đứng dậy:

— Thế anh đưa em về nhé!

Nghe Dur nói, Dung chỉ yên lặng theo Dur ra ngoài. Nàng vừa thăm buồn cười lại vừa sung sướng. Vì Dur đã « mắc mưu » nàng. Tuy nhiên trông Dur lo lắng quá Dung lại đâm ra hối hận và cảm động.

Lúc ra khỏi rạp, Dur định thuê xe đưa Dung về, Dung lại gạt đi:

— Thôi anh à! Ra ngoài thoáng nên em thấy dễ chịu rồi.

Dur vẫn lo lắng:

— Em thấy đỡ thật chưa? Có lẽ vì trong rạp hôm nay đông quá.

Dung phải nói là Dung « khỏi hẳn rồi » Dur mới không đòi đưa nàng về nữa. Và Dur lại dẫn Dung lên « Thiên Thai » ngồi nghe nhạc.

Bây giờ, mỗi lần nhớ đến hôm ấy, Dung vẫn coi thấy lòng vui vui, nhưng trong niềm vui, nàng thoáng thấy hối hận là mình đã « ác » với Dur quá! Dung cứ nghĩ mãi mà không hiểu tại sao hôm đó mình lại hành động với Dur như thế. « Hay là mình ghen ». Nhưng ghen với ai mà lại ghen vô lý thế? Cuối cùng Dung đành cho là có lẽ nàng « ghen » vì phim hay quá làm Dur quên nàng. Dung thầm mỉm cười tự chế riếu mình trong ý nghĩ ấy. Và Dung hơi ân hận là hôm đó mình đã đòi về đột ngột quá. May mà Dur không biết thâm ý của Dung. Chẳng hiểu sao, Dung chỉ lo Dur biết rõ lòng Dung muốn lúc nào Dur cũng phải thắc mắc và tìm hiểu Dung để mà yêu nàng tha thiết. Có lẽ vì Dung sợ nếu Dur biết là nàng cũng tha thiết yêu Dur, chàng sẽ không chiều chuộng nàng niu nàng như trước nữa. Rồi Dur sẽ được thề « làm cao » với Dung vì vậy, nhiều khi Dur có những điều làm Dung sung sướng và yêu Dur lắm, cũng như nhiều lúc Dur làm nàng buồn đến gần như đau khổ, mà trước mặt Dur, Dung cũng cố nén lòng mình, không để lộ ra cho Dur biết, Dung vẫn giữ bộ mặt thân nhiên nói chuyện với Dur rồi về nhà Dung mới khóc một mình.

Như trưa hôm thứ bảy tuần trước, Dung vừa đi học về thì thằng Hà — em nàng — kéo nàng vào nhà trong, ghé vào tai nàng thì thầm :

— Hồi sáng em trông thấy anh Dư cầm tay cô nào đi ở ngoài phố ấy...

Tim Dung thốt nhói lên. Dung tưởng mình nghe nhầm, vội nắm tay Hà, hỏi mau :

-- Cái gì ? Anh Dư làm sao ?

Nhưng Hà không nói nữa. Nó vội vàng ra, chạy nhanh ra nhà ngoài, lúc ấy, Dung có cảm tưởng như cả bầu trời vừa sụp xuống quanh nàng. Bao nhiêu mạch máu trong người Dung như dồn hết cả lên tim, lên cổ nàng làm nàng nghẹn thở.

Thế là đang trưa nắng chang chang như lửa đốt mà Dung cũng lấy xe đạp vội đến nhà Dư, quên cả ăn cơm.

Đọc đường, đầu óc Dung cứ như rối loạn lên. Dung chắc Dư thấy nàng đến đột ngột thế này, thế nào Dư cũng biết là nàng đến vì chuyện « ấy » Có tật thì hay giật mình mà ! Lòng Dung cứ bồn chồn và nóng ran lên. Dung đạp xe quên cả mệt, quên cả nắng đang đổ xuống đầu. Dung nghĩ : đến gặp Dư, nàng phải làm cho « ra nhẽ » rồi... « hết » thì thôi. Chứ cái nước Dư giả dối với nàng, đã yêu nàng rồi lại còn đi yêu người khác thế này thì Dung không chịu được.

Trong khi gần đến nhà Dư, Dung mới chợt nghĩ ra là : « Nhớ Dư chối thì sao ? Ừ ! nhớ Dư cứ một mực chối phắt đi thì Dung biết nói sao ? Mà cũng có thể Hà tưởng

nhầm lẫn chứ ! » Và Dung lại hối hận là đã không hỏi Hà căn kẽ, chưa chi đã xông sọc vác xe đi. Lúc này Dung mới nhận ra điều vô lý của mình. » Nếu Dư không có gì thật thì từ nay Dư tha hồ mà « lên nước » Nghĩ thế làm Dung lại càng tức thêm với chính nàng. Dung thấy mình nóng nôi và hấp tấp quá ! Và Dung lại chưa muốn làm to chuyện ra vội. Nhất là không muốn để cho Dư biết là nàng « ghen ». Bởi vậy, lúc đến nhà Dư, Dư ngạc nhiên và vui mừng ra đón, tuy lúc ấy Dung giận lắm — Dung nghĩ là Dư đã đóng kịch với nàng — mà Dung cũng không để lộ ra nét mặt cho Dư biết. Khi Dư vội vã hỏi : « Sao em lại đến vào giờ này ? Chắc có điều gì cần đến anh phải không ? » Dung chỉ thản nhiên trả lời : « Không ! Có gì đâu ! Em định đến mượn anh quyển « Sử thế-giới » về xem vì thứ hai em thi Đề-nhi lục cá nguyệt » Dư vội vàng đi lục sách cho Dung. Và Dung thản nhiên ra về như không có chuyện gì xảy ra cả.

Về đến nhà, Dung vào ngay trong buồng, đóng sập cửa lại, nằm úp mặt xuống gối mà khóc nức nở.

Thằng Hà đang chơi đằng sau nhà, nghe tiếng chị khóc, chạy vào đến bên Dung lo lắng hỏi khê :

— Chị sao thế ?... Mẹ mắng à ?

Dung vùng ngồi dậy, nắm chặt lấy hai cánh tay Hà, hỏi nhanh :

— Mày trông có thấy thế nào ?...

— Có nào ?...

Dung gắt :

— Cô nào ! Cái cô đi với anh
Đur hồi sáng...

Lúc này Hà mới thở một hơi dài
nhìn Dung, Hà chưa kịp nói sao thì
Dung đã lại lay mạnh vai Hà giục :

— Kìa ! Sao tao hỏi mày không
nói ?

Hà thấy chị tức, nó muốn nói cho
Dung nghe, nhưng chẳng hiểu nghĩ
thế nào nó lại nảy ra cái ý định trêu
Dung. Hà tỉnh nghịch nhìn chị :

— Nhưng chị phải mắt cho em
cái gì cơ...

Dung điên tiết :

— Mắt gì ? Mắt cái tát !

Hà vùng ra khỏi tay Dung làm
nũng và đe :

— Thế thôi ! Em không nói nữa...

Dung thấy gắt với Hà không xong,
bèn phải nói ngọt :

— Ừ thế Hà cứ nói đi rồi chị
cho cái này...

Mắt Hà sáng lên, tươi ngay nét
mặt nhìn Dung hỏi nhanh :

— Cái gì... Chiều chị cho em đi
« xi-nê » nhé ! Phim « Vườn cây của
quý » hay lắm...

Dung vội ngắt :

— Vâng ! vâng ! Phim gì cũng
được, nhưng phải nói đi đã,

Hà vẫn ngập ngừng :

— Nhưng...

— Còn nhưng gì nữa...

— Nhưng... chị nói thật cơ...

Dung quát lên :

— Vâng ! Ranh con ! Nói đi !

Lúc ấy Hà mới hóm hỉnh nhìn
Dung :

— Em... nói đùa chị đấy.

Dung vẫn chưa hiểu Hà nói gì,
lắc mạnh vai Hà hỏi lại :

— Sao ? Đùa cái gì ?

— Em nói dối là... anh Đur...

Dung chợt hiểu. Lòng nàng như
bùng sáng lên. Dung cốc mạnh lên
đầu Hà một cái :

— Ranh con !

Rồi lòng Dung bỗng nhẹ hẫng đi,
tựa hồ bao nhiêu lo lắng, đau khổ
vừa theo cái « cốc » truyền sang đầu
Hà hết. Dung vui mừng như vừa
qua khỏi một tai nạn. Nàng vừa giận
Hà lại vừa buồn cười và ngượng về
cái tính hay « ghen » của mình. Cũng
may mà Đur chưa biết !

Dung nhìn Hà, nghiêm nghị :

— Từ giờ Hà không được đùa
như thế nữa, nghe không ? Đùa tùy
từng cái thôi.

Hà nhìn Dung, lúc này Hà
mới thấy hơi hối hận và thương chị.
Vì Hà nghĩ là mình đã làm cho chị
phải khóc. Hà hơi cúi đầu xuống :

— Vâng ! Nhưng tại chị chứ.

— Sao lại tại chị ?

— Ban nãy, lúc em nói xong em
đã quay đi em cười rồi. Ai bảo chị
không trông thấy ?...

Đang tức, nghe Hà nói Dung
cũng phải bật cười lên. Nàng lại
phát vào vai Hà :

— Chỉ được cái hay nghịch tính là không ai bằng !

Tuy bị phát, nhưng Hà biết là chị không giận Hà nữa. Nó sung sướng chạy nhanh ra ngoài, gọi con Hôi, thằng Huân, thằng Hoài, khoe ầm lên :

— Ê ! Chúng mày ơi ! chiều nay chị Dung cho tao đi xem « xi-nê ».

Dung ở trong buồng mỉm cười sung sướng, nghĩ thầm : « Thế là lại phải cho cả bốn đứa đi rồi !!! ».



Dung xuống xe, rẽ vào một ngõ nhỏ để đến nhà Dư. Dung chắc là Dư đang mong nàng lắm. Vì hôm nọ Dư hẹn một giờ mà lúc này đã gần hai giờ rồi. Dung vẽ ra trong tâm trí cái hình ảnh Dư đang đứng trên lan can, nhìn xuống, mong đợi nàng. Lòng Dung vui vui, niềm vui lâng lâng dịu dàng. Dung bước đi chậm-chậm để kéo dài thêm thời gian chờ đợi của Dư. Dung tưởng tượng lúc thấy nàng đến, chắc Dư vui mừng và sung sướng lắm. Thế nào Dư cũng trách nhẹ nàng như những lần trước : « Sao em đến muộn thế ? Anh chờ em nóng cả ruột » Dung sẽ mỉm cười, nghiêng nghiêng mái tóc, khe khẽ trả lời : « Em bận ». Chỉ thế thôi cũng đủ làm Dư không trách Dung nữa.

Dung nghiệm ra rằng chưa bao giờ Dư trách nàng đến lần thứ hai, mỗi khi nàng tới chậm. Dư chỉ buồn thôi. Dung lại thích ngắm Dư những lúc ấy. Dung nhớ, cũng có một lần, lâu rồi, Dư viết thư trách Dung. Dung muốn tỏ ra cho Dư biết là mình

« giận » nên suốt một tháng giờ nàng không đến Dư lần nào mà cũng không gửi thư cho Dư. Thực ra thì Dung cũng nhớ Dư lắm, Dung cũng biết là lỗi tại mình và Dung cũng thấy hơi hối hận. Nhưng muốn sao thì sao, chứ phải « làm lành » trước thì... Dung chịu thôi ! Lần sau Dư quen đi, lại cứ đợi Dung phải xin lỗi mới nghe thì... Dung thấy « nó » « làm sao ấy ». Thế mà, quả nhiên, ít lâu sau Dung nhận được thư của Dư bảo nàng đến chơi. Nhưng Dung đợi Dư phải bảo đến lần thứ ba Dung mới đến. Lúc gặp Dư, Dung tưởng Dư giận nàng lắm. Vậy mà Dư cũng không nhắc gì đến chuyện đó nữa. Có lẽ vì Dư sợ Dung lại giận chàng nữa, Dung nghĩ thế.

Rồi từ hôm đó, mãi đến chiều nay Dung mới lại đến Dư.

Dung ngược nhìn lên, nàng hơi ngạc nhiên vì không thấy Dư đứng đợi nàng như mọi khi. Dung tưởng Dư chờ lâu quá nên đã đi chơi trước rồi. Tự nhiên Dung đâm ra tức với Dư. Nàng hồi hộp bước lên cầu thang...

Dung đứng ngoài cửa nhìn vào, thấy Dư đang ngồi ở bàn xem báo, tờ báo che mất cả mặt Dư. Hình như Dư vẫn chưa biết có nàng đến, nên không nhìn lên. Chắc Dư đợi lâu, rồi tưởng Dung không đến hôm nay.

Dung vào hẳn trong nhà, ngồi xuống ghế :

— Anh chưa thay quần áo à ?

Lúc ấy Dư mới ngẩng lên nhìn Dung, thản nhiên :

— À ! Dung đã đến đấy à ?

Rồi Dư lại điềm nhiên cúi xuống xem tiếp.

Dung ngạc nhiên về thái độ ấy của Dư. Đầu óc nàng thoáng tối đi. Dung chưa kịp nghĩ gì hơn thì Dư đã gấp tờ báo lại, nhìn Dung nói, giọng vẫn thản nhiên gần như lạnh nhạt :

— Sao em đến sớm thế ? Anh đã « lẹ » em đâu mà em đã đến !

Dung chợt hiểu. Trong một thoáng hình như có một cái gì ủa nhanh vào lòng Dung rồi tỏa mau ra khắp người làm toàn thân nàng tê tê lạnh. Dung cũng chẳng hiểu lúc ấy mình nghĩ gì. Hình như không nghĩ gì cả. Và cũng hình như có bao nhiêu câu hỏi đang quay chông trong đầu óc Dung.

Dung chưa biết nên đối xử ra sao thì Dư đã đứng dậy, hai tay khoanh trước ngực, nhìn Dung nói như ra lệnh :

— Em có cần nói với anh bất cứ điều gì thì em nói đi. Vì... có lẽ lần này là lần cuối cùng chúng mình gặp nhau...

Dư thấy mặt Dung tái đi, khe khẽ lắc đầu. Thoáng một giây Dư thấy mình tàn nhẫn quá. Chẳng bồng thương Dung. Chưa bao giờ Dư lại thương Dung đến thế. Lòng Dư chợt quặn lên đau xót. Nhưng Dư biết là không thể làm thế nào hơn được. Chẳng dẫu nhìn từ bao nhiêu lâu nay rồi. Tự ái của một người con trai bắt Dư phải nói tiếp :

— ... Anh tiếc rằng tình yêu của anh đối với em không thể đo được

mà cũng không thể dong được để cho em biết nó là bao nhiêu... Em thử nghĩ xem... anh đối với em thế nào chắc em cũng thừa hiểu rồi... anh không muốn kể với em đâu... nhưng... em thử nghĩ xem... từ trước đến nay đã một lần nào em cho anh được sung-sướng về em chưa ? Hay em chỉ làm anh phải nghĩ ngợi, luôn luôn nghĩ ngợi vì em...

Nói đến đây, có lẽ vì cảm động quá, Dư ngừng lại. Nhưng đằng nào chuyện cũng đã xảy ra rồi. Dư cố thu hết nghị lực, nhìn thẳng vào mặt Dung, tiếp :

— ... Nhiều khi anh tự hỏi : « không biết anh đã hiểu em chưa ? » ... anh thấy là quả thật anh chưa hiểu được em, anh chưa hiểu được lòng em đối với anh ra sao... Nếu em không yêu anh... ừ... Nếu em không yêu anh thì... anh có « ép » em đâu... Anh không muốn có một người yêu hay một người vợ lấy anh chỉ vì thương anh... Anh sẽ lấy một người xấu hơn em, nghèo khổ hơn em và học lực kém em, nhưng biết khóc khi buồn, biết cười khi vui... biết thành thực với lòng mình...

Đến đây, chẳng hiểu Dư có nói nữa không nhưng Dung không nghe thấy gì nữa. Mọi vật trước mặt nàng như nhầy lên, quay cuồng hỗn loạn. Dung thờ thẩn từ từ đứng dậy định về, nhưng đầu óc choáng váng quá làm nàng muốn ngã. Dung có ngờ đâu Dư lại nói những lời như thế ! Dung cũng chẳng biết là lúc này mình có ghét Dư không có giận Dư không hay có còn yêu Dư không. Dung hoàn toàn không biết gì cả.

Mỗi lúc đầu óc Dung lại choáng váng thêm lên. Tim nàng như ngừng đập. Trong một thoáng, Dung kịp nghĩ là nếu cứ đứng thế này thì chỉ độ một phút nữa thôi, thế nào mình cũng ngất đi ngay ở đây. Dung nghĩ nhanh đến Dur... lúc ấy Dur sẽ đối với nàng ra sao? ... ừ ... Dur sẽ ra sao?... Dur có khổ tâm không? Dur có thương Dung không?... Chẳng hiểu sao một thoáng rất nhanh, Dung lại mơ hồ nghĩ rằng: giá ngắt được đi trước mặt Dur ngay lúc này thì sung sướng lắm...

Và đầu óc Dung bỗng nặng hân lên mắt nàng hoa di... này ... này ... sắp ngất này ... và thế là Dung ngã xuống sàn gác thật...

..

Khí Dung mở mắt thì thấy mình nằm trên giường trong nhà Dur. Dur ngồi bên cạnh. Dung thoáng thấy vẻ mặt thần thờ lo lắng và đôi mắt long lanh của Dur. Trông mặt Dur lúc ấy, Dung cũng biết là Dur nhìn nàng như thế từ lâu rồi. Dung lại từ từ nhắm mắt lại.

Rồi Dung thấy một bàn tay đặt nhẹ lên trán nàng, rồi từ từ lướt rất êm xuống má. Rồi lại một bàn tay nữa áp vào má bên kia. Không cần mở ra, Dung cũng biết là Dur đang cúi xuống gần nàng lắm. Một cảm giác dịu dịu âm-âm từ đôi má Dung truyền dần xuống khắp da thịt khiến nàng tê-tê sung sướng. Dung thấy rõ những đầu ngón tay Dur khe-khe run run.

Dung nằm ôn lại câu chuyện vừa xảy ra. Nhưng nàng không biết được những lời Dur nói lúc nãy. Dung chỉ nhớ mang máng là Dur đã nói mình tàn nhẫn lắm. Thốt nhiên một cảm giác tê-tái nhói lên ở tận trong tim

Dung, rồi tỏa ra rất nhanh khắp các mạch máu, làm Dung thấy khổ đau đến cùng độ. Dung đâm ra tủi thân và giận Dur quá! Hai mí mắt nàng chớp chớp khe khẽ, rất khẽ. Dung muốn nằm yên như thế xem lòng mình sẽ ra sao. Nhưng hai hàng nước mắt đã ứa ra, từ từ lăn xuống hai bên thái-dương, len vào lòng bàn tay Dur.

Tuy đang khóc, nhưng tâm trí Dung thanh-thoi lắm, nàng biết thế. Dung biết là khóc được thế này, lòng mình sẽ nhẹ đi và êm ả hơn.

Rồi Dung nhớ lại tất cả những điều nàng đối xử với Dur từ trước đến nay. Và lúc này Dung mới chợt nhận ra là mình đã làm cao với Dur và bắt chàng khổ tâm vì mình nhiều quá. Bao nhiêu nỗi giận hờn bỗng tan biến đi hết để nhường cho tình thương yêu tràn nhanh vào lòng Dung.

Dung cố nằm lắng nghe lòng mình và thấy tình yêu Dur mỗi lúc một tăng khiến nàng xao xuyến. Những mạch máu trong người Dung như nở ra và vươn lên. Nước mắt nàng ứa ra mỗi lúc một nhiều theo tình yêu... Dung cũng không hiểu rõ là mình đang sung sướng quá hay đang đau khổ quá...

Rồi bất giác Dung mở choàng mắt ra, bá nhai lấy cổ Dur, nghẹn ngào:

— Anh... anh đừng xa em... nhé!

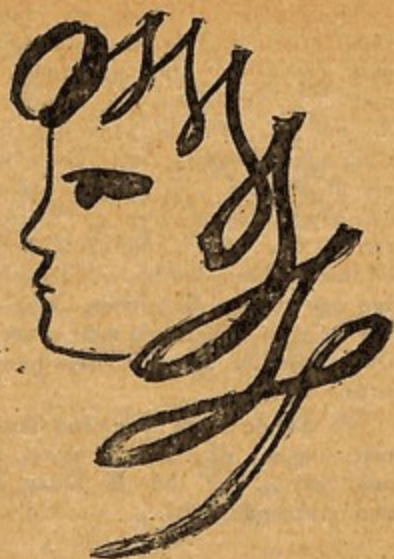
Dur ôm gọn Dung vào vòng tay, nói trong niềm vui sướng tràn đầy:

— Trời ơi... Dung của tôi đã biết khóc rồi...

Một sáng trời không có nắng.

Đoạn-Đan

25-9-59



nói đi em

Nói đi em ! — tim anh đang rạn nứt
Năng vẫn cười lòng cảm lạnh bơ vơ.
Đã bao ngày anh mòn mỏi đợi chờ
Nay gặp lại em thờ-ơ lạnh đạm.
Nói đi em đề anh chìm sâu thăm.
Cho hương đời nở ngát cả đôi lòng.
Đừng để buồn dệt mãi hận chờ mong
Sầu viễn xứ đeo theo mùa nhưng nhớ
Nói đi em ta đâu còn bỏ ngỡ
Như buổi đầu gặp gỡ giữa chiều mưa
Mến yêu nhau biết nói mấy cho vừa.
Sao em vẫn lạnh lùng trong yên lặng ?
Hé miệng đi hỏi người em nhỏ nhắn
Cho hoa cười trắng khỏi khóc canh thâu.
Đề bụi đời khỏi nhuộm xuống mái đầu.
Vào giữa lúc tuổi đôi mươi bừng dậy

Nói đi em hay là em chưa thấy ?
 Kìa trên đồi trắng rụng đợi chờ ta !
 Nói đi em — kẻ ánh nắng nhạt tà
 Anh sẽ hái hoa cài lên khuy áo.
 Nói đi em — rồi đây trời giống báo
 Bên bếp hồng anh sẽ ngâm thơ.
 Thơ yêu em — thơ nhớ, thơ đợi chờ.
 Em mê mẩn gục vai anh thủ thi :
 « — Sung sướng quá ! chồng tôi là thi-sĩ
 Lặng nhìn tôi thêu dệt những vần thơ.
 Ru tôi trong những lúc trăng mờ
 Đề tôi tiễn buồn mơ trên đò vắng ».
 Nói đi em — sao môi em lẳng lặng ?
 Đề hoa hôn không đùa với trăng vàng.
 Sầu ngập thành mây phủ gió thơ than.
 Đàn lỗi nhịp trong nhạc mơ mùa mới.
 Nói đi em — đường đời ta tiễn tới
 Cho ngày mai thu không rụng lá vàng
 Năm tay em anh sẽ xoá ly tan
 Xây Hạnh Phúc theo triều vui Thế Hệ.
 Nói đi em kẻ buồn lòng nhân thế.
 Cạnh cuộc đời anh thấy đặng màu tươi
 Tim anh rung khi thấy môi em cười
 Nói thêm nữa cho Hoa lòng anh nở.

P. Đ. Thăm-Thoàn Kiều

(Trong Thi Phẩm Hoa Lòng sắp xuất bản).

DỊCH :

*Phiêu bạt tàn hồn nghĩ đắng cay
 Lệ rơi bên Việt lúc chia tay
 Sáu nghìn dặm cách tình cô lẻ
 Mười mấy năm dư kiếp dọa đầy
 Quê-ñh khỉ đen trời tựa mực
 Động-đình xuân hết nước liền mây
 Tír nay thương nhớ tìm trong mộng
 Núi Dĩnh Kinh-môn quên khói cây.*

Ở Vĩnh-châu hơn 10 năm lại phải
 dời ra làm Thứ-sử Liễu-châu, đất
 hoang tịch ở biên giới tỉnh Quảng-
 tây. Ở đây nhân việc quan thư

nhân, Liễu mở trường dạy học cho
 khuây khỏa. Khi ở Vĩnh-châu và
 Liễu-châu thấy chỗ nào sơn thủy
 hữu tình thường đến du ngoạn rồi
 làm những bài du-ký. Đời sau tôn
 Liễu là thủy-tổ lối tản-văn du ký.

Năm 47 tuổi mất, đời vua Mục-
 Tôn (821-825), Binh-bộ Thị-lang
 Hàn-Dũ đề văn bia ở mộ.

Tác phẩm còn lưu lại : Văn-tập
 45 quyển. Ngoại-tập 2 quyển, Biệt-
 lục 2 quyển, Chỉ-dị 1 quyển.

Đường Thi Trích Dịch.

— Người bạn thực sự là một linh hồn trong hai thể xác.

Aristotle.

GIỚI THIỆU SÁCH.

— Tân-Phong mới nhận được
 cuốn ANH VIỆT TRÍCH ĐIỂM của
 ông Nguyễn đình Bảo (Việt Anh
 quyền II) để luyện dịch thi bằng
 Trung-Học Đệ Nhất Cấp và Tú Tài
 thích hợp với chương trình mới
 ban hành ngày 12 tháng 8 năm
 1958. Sách in đẹp, tuyên dịch công
 phu, giá bán 30\$ do nhà Dạ Quang
 xuất bản. Tân-Phong trân trọng
 cảm ơn tác giả và ân cần giới
 thiệu với độc giả thân mến.

— Tuổi San Thiếu Nhi Tuổi
 Xanh do một nhóm văn sỹ, nhà
 giáo chủ trương, báo in đẹp, trình
 bày công phu, nhiều tranh ảnh,
 thích hợp và hữu ích cho các trẻ
 em, giá bán 5 đ.

GIẢI Ô CHỮ

(Tiếp theo trang 17)

	1	2	3	4	5	6	7	8
1	H	O	N	G	H	A		N
2	O	N	A	O		N	A	O
3	N	A	N	G		H	O	A
4	G	O	G	H	E			N
5	H			E	M		Q	G
6	A	N	H			Y		D
7		A	O		Q		N	A
8	N	O	A	N	G	D	A	O

A. L. Ngọc-Chất

CÁI LƯỚI

truyện
dài
của
Duy
Lam



(Tiếp theo)

Tôi hôm đó tôi than phiền với vợ tôi. Lần này tôi hoàn toàn thất vọng về Di. Thú thực trong thâm tâm tôi cũng cảm thấy buồn bã, nuôi một đứa con cho đến khi nó khôn lớn dễ rồi nó trả ơn bằng khinh bỉ và oán ghét. Tuy giận và ghét Di, tôi không ngăn nổi một câu hỏi lớn vồn trong trí óc:

«Tôi đã làm gì khiến nó oán tôi đến thế?».

Tôi nói với vợ tôi:

— Nó ngu lắm! Nó hiểu nhầm tôi. Nó tưởng tôi sống chỉ vì đồng tiền. Đâu có phải thế? Nếu tôi muốn gia đình sung túc tức là tôi

nghĩ đến mình, đến chúng nó. Tôi đâu có tiêu một mình và cần sung sướng riêng cho tôi. Nhưng khổ vì đồng tiền đã nhiều, tôi không muốn vợ con tôi nhọc nhãi vì nợ nần nghèo túng.

Vợ tôi chỉ thở dài. Vợ tôi thao thức mãi không ngủ được. Hổ sần giữa tôi và Di khiến vợ tôi lo sợ cho tương lai. Rồi đây giữa Di và tôi chắc còn xảy ra nhiều chuyện nghiêm trọng hơn nữa. Vợ tôi yêu con. Giữa tôi và các con, vợ tôi biết đối xử làm sao cho phải.



Mấy ngày sau hôm Di đưa tiền cho tôi, tình cờ tôi nghe được một

câu chuyện trao đổi giữa hai anh em Di, Tô. Nhờ đó, tôi hiểu thêm được ít nhiều về các con trai tôi.

Trưa hôm đó sau khi ăn cơm tôi nằm ngủ ở giường. Tôi thường ngủ rất say : tuy nhà chật lại nhiều người, nhưng các tiếng động tiếng cười nói cũng không quấy rối tôi lắm. Tôi ngủ được một lúc rồi chợt tỉnh. Tôi chưa ngồi dậy hẳn vì đoán chưa đến giờ đi làm. Tôi nghe tiếng Di và Tô đi dầm nói chuyện ở bên cạnh tôi mấy bước. Tôi không nhìn thấy chúng vì có một chiếc màn che ngăn giường tôi với căn phòng ngoài.

Mới đầu tôi không lưu ý xem chúng nói chuyện gì, nhưng sau nghe thấy nhiều tiếng « ba » tôi mới rõ chúng đang nói đến tôi. Tôi lắng tai nghe. Chắc chúng tưởng tôi ngủ say nên bàn cãi tự do và không giữ gìn.

Tiếng Tô hỏi Di : — Ba còn ngủ đấy chứ ?

Tôi vội nhắm mắt lại vờ ngủ. Chắc Di vạch màn nhìn vào.

Di trả lời :

— Ba ngủ say lắm.

Chúng yên tâm tiếp tục câu chuyện đang bỏ dở.

Tiếng Tô nhẹ nhàng nhưng nghiêm khắc :

— Tại sao hôm đưa tiền cho ba Di có vẻ hân học thế ?

— Em đâu muốn vậy !

— Di không muốn lộ sự hân học đó ra nhưng trông mặt Di ại cũng rõ. Anh chắc ba cũng cảm thấy.

Di không trả lời. Tô tiếp :

— Điều làm anh băn khoăn mãi là Di có cố ý không ?... Anh muốn nói có phải Di cố ý kiếm cho được một số tiền để đưa cho ba. Di muốn tỏ ra khinh ba, khinh quan niệm ba tha thiết đến tiền... Di kè cho anh nghe lại từ đầu xem nào. Tại sao Di lại cư xử với ba như vậy ?

Tiếng Di nói nho nhỏ :

— Từ đầu ! Em biết bắt đầu ở đâu bây giờ ?

— Di cứ nói đi !

Di yên lặng ngẫm nghĩ một chút đoạn bắt đầu, giọng căm quyết.

— Em thấy ba lúc nào cũng nói đến tiền, đến thành công. Từ dạo tản cư về đến giờ, ba không ngớt than phiền kêu ca. Nào nhà mình nghèo. Nào sẽ phải ăn mày. Em không cần nói dài, anh chắc cũng biết rõ như em. Ba mắng ai thì mắng, hành hạ mọi người tha hồ, anh và em bây giờ nhón rồi cũng đủ sức chịu đựng ba. Nhưng ba đừng đụng gì đến mẹ...

Hai anh em cùng yên lặng một phút. Di tiếp :

— Em không ngờ một người cha lại có thể độc tài và thấy vui thú khi áp chế và hành hạ mọi người như ba. Mẹ có tội gì ? Từ khi lấy ba đến giờ mẹ ăn bao nhiêu cơm và tiêu bao nhiêu tiền của ba ? Lúc nào mẹ cũng tươi cười vui vẻ chịu đựng ba. Ba đâu có biết ba làm khổ mẹ đến bậc nào. Mẹ không nói ra, không than thở, nhưng mẹ đau khổ ngấm ngấm. Nghe những

lời riếc móc rút thịt ra được, me muốn khóc lắm. Dạo chúng mình còn bé chẳng nhiều lần me khóc thầm là gì. Ba chỉ biết có ba. Ý kiến của ba là nhất, ai cũng phải theo, cưỡng lại, ba sẽ tìm mọi cách để bắt buộc phải nghe lời ba... Lắm khi em tự hỏi tại sao me lại lấy ba? Ba có đức tính gì đáng đề ý? Hay me lấy ba chỉ vì...

Tô xen vào:

— Di! Di ác quá! Di muốn thêu dệt ra những chuyện không có hay sao?

— Không phải vậy. Em đã có lần hỏi me, me chỉ cười và nói quanh. Em hỏi ngay anh đây này: Sau khi suy xét kỹ lưỡng em không thấy một lý do gì khả dĩ khiến me yêu ba và chọn ba làm chồng. Me hỏi trẻ đẹp thiếu gì người cầu cạnh...

— Thôi! Di đừng nói đến vấn đề đó nữa. Làm sao chúng mình biết được những chuyện thầm kín giữa ba và me.

Di và Tô yên lặng một phút. Tô nằm yên không động cựa. Tô không thể ngờ Di lại nói đến tới khe khắt đến thế.

— Anh không biết chứ dạo me đi buôn em lo lắng ghê gớm. Ngồi ở lớp học mà em cứ nghĩ những chuyện dẫu dẫu. Em chỉ sợ nhờ tàu đồ và me mà làm sao... Mỗi buổi chiều thấy me và anh về yên ổn, em mừng không thể tưởng tượng được. Càng mừng em càng ghét ba. Me ốm, me gãy chân, ba chắc hễ hã lăm, vì ba đã bảo mà me và anh chỉ nhất định tiếp tục buôn bán. Có khi em mong me và

anh chết luôn trong một tai nạn đồ tàu xem ba nghĩ ra sao. Liệu ba có còn sống nổi một mình hay không? ..

Tô nói giọng buồn bã:

— Sao Di hay nghĩ ra nhiều chuyện lời thôi để làm khổ mình làm gì. Di muốn trả thù ba đến nỗi muốn me và anh chết hay sao?

— Em cũng biết nghĩ thế là không phải, nhưng vì anh đã hối nên em cũng không dẫu.

— Em thật kỳ lạ!

Di nhắc đi nhắc lại:

— Trả thù! .. Trả thù... Có lẽ anh nói đúng. Em thù ba. Thuở bé ... anh còn nhớ lúc bé em đau bạo rạn như anh, em hay hồ thẹn như con gái nhưng tại sao ba không để em yên. Ba mang em ra làm trò cười, chế nhạo em, mắng chửi không tiếc lời.

— Bởi vì em khác ba hồi còn nhỏ, nhưng tại sao ba bắt em phải có được óc thực tế sắt đá của ba. Tại sao em phải đụng chạm với những sự bất tiện của đời sống. Ba khổ thuở bé nên khi thấy các con sung sướng hơn về phương diện vật chất, ba không chịu được...

Tô nhận xét:

— Em nói cũng có phần nào đúng. Nhưng cũng không thể trách ba. Nếu lúc bé em cũng khổ như ba.

Di nóng nảy:

— Anh rộng lượng quá! Mình bị khổ sở rồi thì phải cố gắng giúp những người thân yêu khỏi bị khổ như vậy, chứ nếu theo quan niệm

của anh thì cũng tựa tựa như « nếu người khác tát anh một cái thì anh cũng đi tìm cách tát cho người thân của anh một cái ».

Tô yên lặng không cãi em. Đi lại tiếp :

— Nghe ba nói mãi, mắng mãi, em dần dần mất cả tự tin. Em cho rằng có lẽ em là một đứa trẻ bỏ đi và không có một đức tính nào hết. Rất nhiều lần em ngồi khóc thầm một mình. Khóc em cũng không dám cho ai biết, vì nhiều tự ái em sợ ba mà bắt được, em sẽ lại phải nghe những lời chế riễu tàn ác. Em so sánh em với anh và với các đứa trẻ « bình thường » khác. Càng so sánh em càng tủi thân. Em không bao giờ bạo dạn được như anh. Em không thể ưa thích lối sống đầy hoạt động như anh. Óc tưởng tượng của em thêu dệt ra những chuyện không có thực. Em có cảm tưởng em là một đứa trẻ tăng tật hay bệnh não. Chỉ vì ba mà thời thơ ấu của em không êm đềm một chút nào. Nếu không có anh và mẹ, chắc khó mà em còn sống được đến bây giờ.

— Di giàu óc tưởng tượng quá !

— Nếu em giàu óc tưởng tượng thì đó cũng không phải là lỗi tại em. Nghĩ đến dĩ vãng em thấy tức giận và xấu hổ. Em ghét « em thuở nhỏ » vì em cho rằng thời đó với trí suy xét non nớt và một tâm hồn quá mong manh, em chỉ là một nạn nhân của ba. Bây giờ thì khác hẳn. Em biết em sợ phải làm gì ?

Hai anh em Di, Tô yên lặng một lúc khá lâu. Tô tưởng chúng đã nói chuyện xong, nhưng Tô lại lên tiếng, giọng thoảng buồn :

— Anh cũng đồng ý với em là ba không phải là một người cha dễ dãi. Ai cũng biết tình ba độc tài và ích kỷ, nhưng vấn đề không phải ở đó. Làm sao mà thay đổi được ba. Ba thuộc hạng người cứng rắn như một hòn đá. Không vì một lý do gì mà ba thay đổi lối sống. Anh chắc ba sẽ thế mãi suốt đời. Thuở bé Di còn chịu ba ảnh hưởng. Anh cũng bị ba ảnh hưởng chút ít nhưng không nhiều bằng Di. Nhưng bây giờ Di và anh đều lớn cả rồi, đã biết suy nghĩ và đã có một quan niệm riêng biệt về đời sống.

Tô ngừng một chút, chắc để nghĩ ngợi đoạn tiếp :

— Thế thì tại sao chúng ta lại chịu sống dưới ảnh hưởng của ba ? Tại sao lại oán ghét và thù ba ? Tại sao lại tự làm khổ mình và có những tư tưởng bi quan và những ám ảnh đen tối như Di. Trả thù để làm gì ? Phấn đấu ba để làm gì ? Ba nói gì mặc ba. Di có đời sống riêng của Di. Di còn phải lo cho tương lai nữa chứ.

Di ngắt lời :

— Anh nói thì dễ nhưng mấy ai rộng lượng được như anh. Oán ghét ba đã ăn sâu vào tâm hồn em, làm sao mà bỏ đi được ? Lần khi em cảm thấy sợ chính nguồn tình cảm mãnh liệt đó của em. Em không hiểu rồi đây lòng oán ghét ba của em sẽ đưa em đi đến đâu. Nếu em đủ can đảm rời bỏ gia đình, em hy vọng sẽ sống sung sướng hơn. Nhưng em còn non nớt quá và còn mẹ, Lan và anh. Em cần phải mấy năm nữa sống trong gia đình rồi mới tìm được một đường đi rõ rệt.

Giọng Di yếu hẳn xuống :

— Nhưng dầu sao chẳng nữa, dù em đủ điều kiện để ra đời, em sẽ bán khoản suy tính rất nhiều mới dám quyết định rời bỏ gia đình. Em không nỡ để mẹ héo hon và chết lần chết mòn vì sống cạnh ba. Từ dạo anh nhón lên, mẹ cũng còn người an ủi nâng đỡ. Ví dụ anh và em không có một người ở cạnh mẹ em lo rằng mẹ sẽ không thể chịu đựng nổi ba, mẹ lại yếu tim. Em rất lo cho sức khỏe của mẹ.

— Anh cũng nghĩ như vậy ! Mẹ cần phải có chúng ta bên cạnh.

Tự nhiên Tô cười khẽ một tiếng đoạn tiếp :

— Có một điều khiến mỗi khi nghĩ tới anh lại buồn cười. Tại sao gia đình mình lại sống như thế ! Tại sao mọi người trong gia đình hành hạ nhau và làm khổ lẫn nhau chẳng khác gì trong một tấn bi kịch. Tại sao không cùng chịu đựng đau khổ với nụ cười trên môi và coi mọi sự đều không quan trọng. Thiếu gì gia đình nghèo khổ bằng vạn mình. Dễ dãi hơn có thể là chúng ta sẽ lại được hạnh phúc không biết chừng.

— Anh dễ tính quá. Nhưng người ta không phải là gỗ đá. Em không thể sống dưới sự áp bức và độc tài của một người trong mười năm trời để rồi có thể quên ngay những nỗi đau khổ mình đã phải chịu đựng và lại tha thứ cho người đó. Điều đó trên sức em.

— Di đừng hiểu nhầm. Anh nói một đằng nhưng có khi làm một nẻo. Di có dám cả quyết là anh không oán ba một chút nào hay không ? Có chứ ! Nhưng đối với anh ba chỉ là « một người », ba

không phải là tất cả mọi người trên thế giới này. Oán ba không có nghĩa là anh oán ghét bất cứ ai anh gặp.

— Em hiểu anh định nói gì.

Di sửa soạn đi học và câu chuyện giữa hai đứa con trai tôi kết liễu. Tôi nằm nghĩ ngợi miên man, tâm hồn rối loạn một cách kỳ lạ.

Sau hôm tôi nghe được câu chuyện trao đổi giữa hai anh em Tô và Di, tôi thay đổi cách cư xử với mọi người. Tôi thôi không dă động gì đến chuyện nghèo túng và nợ nần của gia đình. Khi ăn cơm, tôi mang những chuyện vui vui ra nói và gọi mọi người bàn đến tương lai. Tôi sẵn sàng đến sức khỏe của vợ tôi, một điều trước kia không bao giờ tôi quan tâm. Tôi khuyên vợ tôi không nên lo nghĩ quá vì các con đã lớn và chỉ trong vài năm nữa, khi chúng đã đi làm rồi, hai vợ chồng tôi có thể nghỉ ngơi và sống thoải mái hơn. Tôi hồi hân đến công việc học hành của Tô và Di, bàn đến chuyện mua sắm áo quần cho Lan một khi làm ăn khá giả.

Lý do khiến tôi thay đổi cách đối xử rất giản dị. Tôi cảm thấy có lẽ tôi đã đi quá giới hạn chịu đựng của vợ con tôi và nếu tôi tiếp tục độc tài và ích kỷ, có thể gia đình tôi sẽ tan vỡ. Nghe các con, vợ tôi có thể quyết định không cùng sống với tôi nữa. Hiện tại tôi cần phải có vợ tôi và các con ở bên cạnh. Tôi nên dịu dàng và thận trọng hơn.

Còn tiếp

Duy Lam

mưa đêm bến sông

Mưa đêm mờ xóm cũ lao
Thuyền tôi biết đậu bến nào đêm nay.



Mắt đỏ thành hé mở
Ánh điện, chân trời nâu
Mây viễn mờ bóng nước
Mì mắt tối pha màu
Mưa nhớ gì vẫn vương
Tôi từ xa đỏ thành
Những con đường mê ngủ
Những nốt đàn dương cầm
Những mối tình độc được
Những cuộc đời nín cầm
Mưa buồn đi lang thang
Chân tôi càng nhỏ bé
Bước tôi sao hững hờ
Ngổ lầy tro xương đá
Bến nước lưng trời vương
Buồn xóm hẹp nhà nhỏ
Buồn mình đôi quê hương
Ánh đèn mờ vàng vọt
Bè bọt băng cô đơn
Bóng tôi cao quá đi
Trời đất nửa hoàng hôn
Tóc mình um rùng rú
Tay mình khô đường mòn
Bước dài hồn thế kỷ
Thửa đất trời hồng hoang

II

Lối hèn xóm ven sông
Mưa bay mờ đêm buồn
Thuyền trên giong lênh đênh
Hội nếp nhà cũ lao
Ơi người buồn hoang đảo
Hồn tôi lạc hướng nào
Mưa đi đâu đêm hoang
Cô lái chèo êm dẽm
Áo đen chìm đêm lạnh
Sầu bến nước mệnh mang
Mưa nhũ thăm cô đơn
Thân mình càng bé nhỏ
Hồn mình sao lạnh lùng
Hội nếp nhà cũ lao
Ơi người buồn hoang đảo
Thuyền tôi lạc bến nào.

Phan-lạc-Tuyên



HÁT TRỐNG QUÂN

của Vũ-Huy-Chấn

(Tiếp theo)

Lúc ấy, mặt trăng đã từ từ hiện rõ trên chân trời, đỏ như máu và lớn bằng chiếc bánh xe. Tuy ánh trăng còn yếu, chưa soi tỏ mặt người, nhưng trên nền trời nước mênh mang, một màu tím nhạt, hình thù hai người đứng bên hồ cũng nổi bật hẳn lên, bóng lơ mờ hắt dài vào phía trong vườn và gập lên gập xuống theo nền đất mấp mô. Người đứng bên tả, ý chừng vừa tắm gội xong, nên tóc còn bỏ xoã để hong cho khô : mái tóc vừa mềm, vừa óng mượt như tơ, và thật là dài chấm gót. Người ấy tuy mặc áo ngắn, kiêu năm thân của đàn ông, nhưng cổ thề chắc chắn là một thiếu nữ cải nam trang, vì muốn cho tóc mau khô, thỉnh thoảng người ấy lại giơ cả hai bàn tay lên, lùa vào trong mái tóc, nâng cao lên từng món một, cho gió thổi vào tận da đầu : những bàn tay mềm mại quá, nhỏ quá và cũng trắng quá, không thể là tay của đàn ông, dù chỉ là của một thư sinh mảnh dẻ... Người đứng bên hữu, đội khăn đều riu, mặc áo chèn ngắn, có

vẽ đàn ông nghĩa là thô hơn người kia một chút, tay trái quàng lên vai người kia, tay phải chống vào cạnh sườn, cũng như chân phải thì đứng thẳng, còn chân trái lại bắt chéo khoeo. Lúc đầu hai người còn đứng ngang hàng, tựa vào vai nhau. Sau có lẽ vì sương thu đã xuống, hơi thu đã bắt đầu thấm lạnh vào người, nên dần dần họ đứng sát hẳn vào nhau : người bỏ xoã tóc nhích dần ra phía trước, nên má người nọ đã đụng vào tai người kia... Họ thì thầm bàn chuyện với nhau, chắc là câu chuyện phải lý thú lắm, nên linh tính của họ mới không cảm thấy có người tiến lại gần... Và thỉnh thoảng họ lại cười lên rúc rích.

Hữu-Chính tuy làm mặt bạo, cổ nín thở bước tới, nhưng tim ông không khỏi đập mạnh và có những ý nghĩ lượn quẩn trong đầu. Phần thì bị ảnh hưởng bởi những chuyện ma hồ trong tập Liêu-Trai mà ông thường đọc những khi nhàn rỗi, phần thì bản chất à con nhà tướng, tính vốn đa nghi, nên trong tư pháp phòng, ông vừa cho

là hồ tiên hiền hiền, lại vừa ngờ là gian tế cái trang, đột nhập quân khu đề đề xét quân tình... Ông do dự mất một phút, rồi sau khi nhận chân hoàn cảnh, ông cho rằng dù là ma quỷ, dù là gian tế, hay dù là gì chẳng nữa, thì ông cũng không thể bỏ qua. Trách nhiệm của ông đối với ba quân, đối với Thượng-Công và đối với chính bản thân và địa vị của ông, không cho phép ông lùi bước. Ông quyết định tiến lên, vừa định tuốt gươm, lên tiếng nạt nộ, bắt hai người phải đứng yên chịu trời, thì người thiếu nữ xoa tóc bỗng cất tiếng se se hát :

Tủi cho mình (thời) kiếp hồng nhan,
Vô duyên (thời) gặp lúc giang sơn (bén) đời rời ỷ ỷ
Hoa trôi (thời) bèo dạt (chứ) tả tơi,
Người phòng khuê (thời) bằng (chứ) ra người (mà) lưu ly ỷ ỷ
Đầu xanh (thời) nào đã (chứ) biết gì,
Đường đời (thời) vạn nẻo (chứ) biết đi (thời) nào... (bén) nẻo nào ỷ ỷ

Tiếng hát rất nhỏ, tường như chỉ vừa đủ cho người bên cạnh nghe rõ, rồi tan loãng vào không gian... Nhưng Hữu-Chính đã tiến đến sau một góc liễn, bên cạnh trà đình, cách chỗ hai người đứng chừng độ ba bước chân, lại nhờ thuận gió, nên ông nghe được hết cả, không sót một câu nào. Giọng hát trong và ấm một cách lạ lùng : lời rõ, mạch liễn, làn trầm mà không tục, bậc không cao mà thanh, âm giai khoáng đạt, nhịp điệu khoan hòa, có

thể nói là nhẹ như gió thoảng. nhân nhả khi xuống hơi huỳnh, nhưng cũng có lúc dồn dập như mưa tuôn, lên hơi Bắc mà không gay gắt...

Điều mà ông Chính lúc này ngạc nhiên nhất, không phải là điều mà ông vừa nhận thấy cả hai người cùng là gái giả trai, chứ không phải một người như ông lầm tưởng lúc đầu, mà là điệu hát... Thật là một điệu hát rất lạ tai. Bình sinh, ông vốn là một bậc phong lưu cốt cách, cầm kỳ thi họa đều am hiểu, mà đến các điệu hát, thì ông lại rất sành, có thể nói là sành như người trong điệu nghệ vậy. Thuở thiếu thời, gặp ngày xuân rồi rã, ông thường cùng một tiểu đồng len lỏi đi thăm tất cả những nơi có đình đám hội hè, trà trộn với những đám trai thanh gái lịch đề đề rồi cũng hát quan họ, cũng hát dò đưa, khi trêu ghẹo, khi tống tình, tùy thời tùy cảnh, ông xướng họa, đối đáp, không chịu thua kém ai một điệu hát nào... Rồi lại từ khi ra làm quan, trong nhà ông không có lúc nào là không có một vài đoàn nữ nhạc, hay một vài ban hát bộ, hát chèo... hay ít ra thì cũng dăm bảy cô đào hát nhà tơ. Ông vẫn thường tự phụ là tất cả các lối hát, từ những lối hát mách què mách xiên, cho đến những điệu hát thanh tao cao nhã, không một lối hát nào là ông không biết... Ấy thế mà đến lối hát này, thì quả thật là ông không hiểu, vì ông chưa từng nghe thấy bao giờ. Ông quên luôn cả chuyện hồ tinh và gian tế, chăm chú nghe người thiếu nữ đội khăn đầu rìu, vừa giơ tay như làm điệu bộ, vừa hăm hờ hát tiếp.

Đừng vội (mà) nôn nao,
 Anh xin cô nàng (thời) đừng vội
 (mà) nôn nao,

Trăm điều (thời) xin hãy cứ... trông
 vào (thời) tay anh ừ ừ

Anh đây (thời) khét tiếng (chôn)
 kính thành,

Vấn hay (thời) võ giỏi (chứ) tài
 danh (mấy) at bi ừ ừ

Xin nàng (thời) bắt tất (phải) hồ
 nghi,

Cứ lấy anh (thời) làm vợ (ắt) việc
 gì (rồi xong) cũng (là phải...)
 ... xong ừ ừ

Câu hát khôi hài của người hát cổ tình nhằm lẫn, dụng ý để cho cô bạn bật cười, mà khuấy bớt nỗi ưu tư, quả nhiên đã công hiệu. Người thiếu nữ xoa tóc đứng phía trước, không nhin được cười, bèn quay lại nguýt dài người bạn gái... Nàng tùm tùm cười, vừa định nói một câu đề chế nhạo bạn, thì chợt trông thấy Hữu-Chính đứng liền ngay phía sau : y quan rực rỡ, tướng mạo oai nghiêm của viên võ tướng làm cho nàng bất thần sợ hãi quá, đến lạng người đi, tay nứu chặt lấy áo bạn. Người thiếu nữ đội khăn đầu rêu, tới lúc ấy, mới cảm thấy có người đứng ở sau lưng, bèn vội vàng quay ngoắt lại, đề rồi lại cũng khiếp đảm đến xúng xở. Thế là cả hai người đều đứng yên lặng như hai pho tượng, cùng một dáng điệu đặc biệt, là người thì quay ra phía trước, mà đầu lại quay về phía sau, bốn con mắt lặc tặc nhìn nhau, lơ lơ, như mắt người ngộ gió...

Hữu-Chính tiến lên một bước nữa,

đứng xúng trước mặt hai nàng, khuỳnh hai tay bên sườn, nhìn chòng chọc vào hai nàng mà hỏi bằng một giọng rất oai nghiêm :

— Các người là con gái nhà ai, ở đâu tới đây, mà giám cải trang lọt vào chốn này, là chốn ba quân đồn trú ?

Thấy Hữu-Chính hỏi thẳng đến việc gái giả trai, hai nàng lại biết là hành tung đã bại lộ, nên lại càng khiếp sợ. Gân xương như mềm nhũn cả ra, chân tay bủn rủn, họ tưởng như không thể nào đứng vững được nữa... Sau chợt nhận thấy Hữu-Chính đứng gần họ quá, nữ tính vùng lén, họ mới cố gắng dúi nhau lùi dần được về phía sau, lùi đến một gốc liễu, đề tựa mình vào đó. Có lẽ chỉ nán lại một phút nữa, thì họ sẽ lẩn quay ra mà ngất xỉu luôn.

Biết rõ cử chỉ và thái độ của hai nàng như thế là thái độ và cử chỉ thông thường của những thiếu nữ nhút nhát, hay bên lên, mỗi khi đứng gần đàn ông, là luống cuống chực chạy, nên Hữu-Chính đứng yên không tiến nữa nhưng chỉ nghiêm giọng và lớn tiếng hơn mà thôi :

— Các người là gian-tặc của ai ? Của Dương-trọng-Tế, hay của quận Thạc, quận Liễu ? muốn sống phải nói cho thật ta sẽ tha cho. Nhược bằng ấp úng hay man khai, ta sẽ hô quân bắt trói dùng cực hình khảo dã, rồi đến lúc phải nói thật thì chớ trách ta là tàn ác... không bào trước, nghe !

Hai nàng từ từ ngược mặt lên nhìn Hữu-Chính, nước mắt dần dụa.

miệng mấp máy, nhưng chỉ nuốt nước bọt liên tiếp, mà không nói được nên lời.

Mặt trăng lúc này đã lên khỏi chân trời tới gần một trượng cao, tròn vành vạnh, và càng lên cao, càng nhỏ lại và càng sáng... Không gian trong vắt, không vẩn một sợi mây. Mặt hồ phẳng lặng, lấp lánh như gương, phản chiếu ánh trăng lên vườn trà, khiến cho hai nàng tuy nép dưới bóng liễu âm u, mà cũng rõ ràng cả dung quang thần thái... Nhất là cả hai nàng lại cùng quay về phương Nam, nghĩa là hướng nửa mặt ra Thủy-Nguyệt-hồ; ánh trăng xuyên qua giàn liễu lơ thơ, đọng lại trên làn da trắng mịn như sữa dứa, và trên mái tóc óng mượt như mây, làm nổi bật những nét nghiêng của hai khuôn mặt trái soan thanh tú: từ nét thẳng của hai vầng trán thông minh, đến đường cong tuyệt mỹ của hai chiếc sống mũi; rồi lại từ những nét lượn mềm mại của hai cặp môi, cho đến những nét thon gọn của hai chiếc cằm... Thật là mỗi người mỗi vẻ, xinh đẹp tuyệt vời.

Hữu-Chính vốn cũng là giống đa tình, trước ba quân thi ông là một viên tướng tài dũng cảm và cương quyết vô cùng, nhưng đứng trước người đẹp, thì nhiều lần ông đã phải tự trách là yếu lòng, là nhu nhược. Cho nên rất cảm động vì hai khuôn mặt đáng yêu và dần dần tái mét, và nhất là vì hai thân hình mảnh mai và run rẩy như liễu rủ trước cuồng phong, lòng ngờ vực tiêu tan, ông cũng băng khuông mắt

đến một phút, rồi mới thông thả và dịu dàng gạn hỏi :

— Các người đừng sợ, ta là Hữu-quân Đô-Đốc Nguyễn-hữu-Chính đây... Ta sẽ tha cho các người và che chở cho các người, nhưng có thể nào phải nói cho thật : các người là con cái nhà ai ? Ở đâu đến đây ? Sao lại cải dạng nam trang ?

Người thiếu nữ bỏ xoa tóc vẫn đứng yên, hai tay nắm chặt lấy nhau, cúi đầu không nói. Người thiếu nữ đội khăn đầu rùa, có vẻ bạo dạn hơn, cố gắng trấn tĩnh tinh thần một lát, rồi mới nhỏ nhẹ trả lời, nhưng động nói vẫn còn run :

— Bầm ông lớn... chúng con... chúng con không dám nói dối... không dám cải dạng nam trang... Bầm... Bầm... chị em chúng con quê ở trấn Kinh-Bắc, xã Phù-Đồng...

— Các người lên kinh thành từ bao giờ và làm gì ? Sao không về quê quán mà lại vào chùa này, là chùa toàn sư nam trụ trì ?

— Bầm ông lớn, chúng con là thế-nữ hầu hạ trong Vương-Phủ... Hôm kinh thành bắt thủ, chúng con không ngờ là Chúa-thượng thua trận, nên cứ nấn ná ở trong phủ, không chịu chạy đi... Đến lúc được lệnh của Chúa-thượng bảo chạy, chúng con mới cùng Vương-Phi theo cửa Tuyên-Vũ chạy ra, men theo hồ Minh-Đường định ra lối cửa ở Yên-Phụ...

— Thế Đoan-Nam Vương-Phi hiện nay ở đâu ?

Hữu-Chính vừa hỏi, vừa lưu ý nhìn kỹ người thiếu nữ xõa tóc, có vẻ nghi nghi cho người ấy là Đoan-Nam Vương-Phi... Người thiếu nữ đội khăn đầu riu biết ý vội nói ngay :

— Bầm ông lớn, hôm ấy, chúng con ra đến hồ Minh-Đường thì lạc nhau vì dân gian chạy đông quá. Toán theo Vương-Phi có mười hai người, còn toán chị em chúng con chỉ có tám người... Trong lúc hốt hoảng, chúng con không biết là Vương-Phi chạy trước hay chạy sau chúng con, nên chị em bảo nhau quay trở lại tìm... Bầm ông lớn, đến lúc tìm không thấy Vương-Phi, quay trở lại thì cửa ô đã bị Nam quân canh giữ. Không ra được, chúng con chạy loanh quanh mãi rồi sau mới liều chạy vào chùa này, may được Sư Cụ thương cho ăn núp sau phượng trưng và cho ăn uống từ bấy đến nay...

— Thế còn Đoan-Nam Vương-Phi ?

— Bầm ông lớn, chúng con từ hôm vào ẩn trong chùa, không giám bước chân ra đến ngoài, nên không được tin tức gì về Vương-Phi... nhưng chắc là Ngài đã ra thoát...

— Bọn các người tám người, đây mới có hai, vậy còn sáu người nữa đâu ?

— Bầm ông lớn, sáu chị kia vừa mới về nhà sáng hôm nay... Nhà các chị ấy ở ngay kinh thành... và gia đình mới hồi cư, được sư cụ cho biết tin, nên vội vàng cho người tới đón.

— Cả sáu gia đình cho người tới đón ?

— Bầm ông lớn, chỉ có người nhà chị Anh-Nhi và người nhà chị Phụng-Nhi thôi ạ... Còn các chị kia chưa có tin tức gia đình, nhưng cũng theo chị Anh và chị Phụng về, đề dò thăm tin tức.

— Sao các người lại bận quần áo dân ông ? Và quần áo này các người lấy ở đâu ?

— Bầm ông lớn, quần áo này là của sư cụ cho chúng con mượn để tạm thay mà tắm giặt... Chúng con vừa giặt xong, quần áo hãy còn khô...

Vừa nói, người thiếu nữ vừa lấy tay chỉ đồng quần áo giặt rồi, nhưng còn để cả trên bờ hồ, dưới lót một chiếc lá sen : xiêm, y, khăn, quần, toàn thị quần áo dân bà... Hữu-Chính lại nhìn kỹ quần áo hai người đang mặc, thì cũng thấy đúng như lời nàng nói, nghĩa là quần áo của giới tu hành, cả đến cái khăn mà nàng quần kiêu đầu riu, cũng là thứ khăn nâu bịt đầu của các nhà sư... Ông cũng tin rằng người thiếu nữ này ý thật, lời ngay. Nhưng còn người thiếu nữ xõa tóc kia, người ấy, thì ông chưa thể tin là người trong hàng thể nữ được, dù là thể nữ của một bậc vương hầu.

Cho tới lúc ấy, nàng thiếu nữ xõa tóc cũng vẫn chưa nói một câu nào. Nàng quay mặt ra phía hồ, hàng mã hơi nhú lại, mắt dăm dăm như chăm chú nhìn ánh vàng lặn dần chạy trên mặt nước, nhưng thật ra, thì nàng chẳng nhìn gì cả... lưng vẫn dựa vào gốc liễu, hai bàn tay vẫn nắm chặt lấy nhau, thỉnh thoảng bàn tay nọ lại vận ngón của bàn tay kia kêu lắc rắc

và ngược lại. Chỉ nhìn qua sắc đẹp của nàng, rồi xét đến thần thái hoảng hốt và dáng điệu kiêu kỳ của nàng, một người tinh ý và đa nghi như Hữu-Chính không thể nào bỏ qua mà không nghi cho được. Ông đã nghi... nhưng không nghi là gian tế hay hồ ly nữa... mà nghi khác, một thứ nghi hay hay...

Cho nên ông lại hỏi :

— Nhà người tên là gì ? quê quán ở đâu ? bao nhiêu tuổi ?

— Bẩm ông lớn, tên con là

Phượng-Nhi, 20 tuổi, quán làng Phù-Đổng, trấn Kinh-Bắc.

— Thế còn nàng kia tên gì ? bao nhiêu tuổi ? quê quán ở đâu ?

— Bẩm chị con tên là Loan-Nhi, cũng 20 tuổi, cùng quê quán với con...

— Ta muốn nàng kia trả lời, chứ không muốn nhà người trả lời hộ... Ta hỏi ai người ấy mới được nói. Nàng kia, trả lời đi...

(Còn tiếp)

Vũ-huy-Chấn.

ĐÍNH CHÍNH

Tân-Phong tập 5 có mấy chỗ sai lầm sau đây, xin độc giả và tác giả thân mến thứ lỗi.

* Trang 18, bài « Mây Sóng Tình Thơ » của thi sĩ Vũ-Hoàng-Chương : Câu : Bĩ quốc thủy tri hữu thử nhân. Xin đọc là : Bĩ quốc hà duyên đắc thử nhân.

* Trang 19, câu : Đâu nữ dành riêng để gã ai ? . Xin đọc là : Đâu nữ dành riêng để gã si ?

* Trang 29 bài Những cảnh trăng qua truyện KIỀU của Thi-sĩ NGUYỄN-DU của TRÚC-LÂM Cột 1 giống 24 :

Bỏ hai chữ « cho Thúc-Sinh »

Văn trang 29 cột 2, giống 30 : Xin đọc là : để gây cái cảnh nguyệt hóa hoa nguyệt nảo nùng.

* Trang 30, từ giống 15 (cột 1) chữa lại là :

...kề cả vầng trăng sáng lơ lửng giữa trời, như vậy ở đời này ta thấy bao nhiêu người vì nóng nổi hay vì sa cơ thất thế, bị lợi dụng làm việc xấu hèn cũng không lấy gì làm lạ.

Cũng trang 30 dưới giống 24 cột 1 thêm câu :

Trăng khêu gợi như câu :

Bóng nga thấp thoáng dưới màn.

(trên câu : hay... Đóa trà mi đã ngậm trăng nửa vành).

* Trang 36, dưới bài « Người Đẹp » ký tên « Linh Bảo » xin đọc là « Liễu Dương »

* Trang 41, bài « Những vì sao lạc », câu : « ...nhà, ông quên được mọi nỗi bực dọc... » đáng lẽ ở cuối cột 2 đã chạy « lạc » sang cuối cột 1.

Tân Phong

Thơ của Cung-Tràm-Tướng



chiều

Chiều vẽ mây nước đầm chiều,
Hoang sơ lá cỏ, tiêu điều quán khổng.
Cành trơ chim núi ngồi trông,
Sương dăng xóm ngủ, mù buống lũng chiều.
Thuyền nằm xuôi bóng xiêu xiêu,
Con sông tới giấc mắc triều lên nhanh.



Hồn tôi cái đĩa thâu thanh,
Tròn nguyên nét nhạc, trung thành ý ca.
Do ré mi fa sol la,
Ngẫm từng âm điệu, nghe ra chiều buồn.

Cung-Tràm-Tướng



sưu tầm

LOÀI CÁ ĂN GÌ?

Cá lớn ăn cá nhỏ, cá nhỏ ăn cá nhỏ hơn, cá nhỏ hơn ăn cá nhỏ hơn nữa và cuối cùng cá nhỏ xụ ăn một loài cây ở dưới nước. Phần nhiều loài cây này nhỏ lắm, mắt của chúng ta không trông thấy được.

Nói vậy bạn có tin không?

ẾCH CÓ TAI KHÔNG?

Ta vẫn hay nói câu «đầu cua tai ếch» vậy ếch có tai không? Có chứ! Ếch cũng phải có tai để nghe. Dưới mắt ếch có một vòng da dày, vòng ấy là tai ếch đấy.

SÉT CÓ ÍCH

Điều này là đề mánh riêng cho các bạn học sinh ban A thôi.

Trong một cơn mưa, khi sét đánh từ trên trời xuống, nó đòi khí ni-trô trong không khí ra thành ni-trát, và ni-trát lại là một món ăn rất tốt cho cây cối. Mưa làm cho ni-trát ngấm xuống đất để giúp một phần nhỏ vào sự nuôi dưỡng cây cối.

Vậy từ bây giờ trở đi, khi bạn thấy sét đánh bạn hãy nhớ rằng sét cũng có ích một phần nào.

TẠI SAO BÓNG CAO SU LẠI NÀY?

Một chất nào đấy có thể này được vì nó có tính chất đàn hồi. Ta bóp nó lại hay kéo nó ra, lúc buông tay nó lại trở về hình dáng cũ. Nếu ta bóp một trái banh cao su, rồi bỏ tay ra, nó lại tròn như thường, điều đó ai cũng biết, nhưng vì vậy mà nó này.

Một trong những chất đàn hồi nhất là thép. Ta có thể kéo dài thép ra hay ép nó lại nhưng lúc buông ra, nó lại trở về hình dáng cũ, dĩ nhiên điều này khó thực hiện, nhưng cũng vì vậy tôi mới mách các bạn. Tính chất đàn hồi của thép cao nên người ta mới dùng thép vào việc làm cầu.

Một quả bóng bằng thép này cao hơn một quả bóng cao su.

AI PHÁT MINH RA DẤU S?

Hầu như người Tây-Ban-Nhã có một đồng tiền gọi là đồng «tám». Con «8» là đề tượng trưng cho mấy cây cột của thần Hercules chống giữ Địa-Trung-Hải, về phía nam Tây-Ban-Nhã.



Những vì sao lạc

Truyện dài của NHẬT-TIẾN

(tiếp theo Chương V)

SÁNG hôm sau có người đến báo tin rằng cha tôi chết. Ông ấy đã uống thuốc ngủ tự tử vào hồi sáu giờ chiều hôm trước. Tôi đứng lặng người ở cửa sổ. Tôi nghĩ lại cử chỉ của ông ngày hôm qua, những giọt nước mắt long lanh trên gò má, những đường gân nổi rõ ràng trên trán. Túi áo của tôi bây giờ còn xấp giáp bạc mà ông cho tôi lúc ở cầu thang. Tôi xòe hai bàn tay ra mở nhìn trũng trũng vào đấy. Những ngón tay này hôm qua còn được nắm vào làn da nóng và sần sùi của ông. Nếu tôi biết sớm được rằng đây là lần cuối cùng tôi còn được gặp ông thì tôi sẽ nắm chặt hơn, không rời ra, không bao giờ

rời ra cả, để thấy rằng tôi còn ông, tôi còn có một người thân độc nhất nghĩ đến tôi ở trên đời này. Bây giờ thì ông chết rồi. Ông bỏ tôi đi không một lời nói, không một nụ cười, không một giọt nước mắt, tôi cũng chẳng được nhìn ông lúc ông nhắm mắt. Thật là vô lý, thật là kinh hoàng thật là ác mộng, tôi cứ áp má mình vào kính cửa mà khóc một mình như thế. Nước mắt của tôi chảy xuống vòng vào trên mặt kính. Hôm qua, ngoài kính cửa ấy tôi còn nhìn thấy hình dáng nhỏ bé của ông lăm lăm đi vào lòng phố. Ngay chỗ này đây, hôm qua tôi còn trông thấy chiếc áo vét-tông màu xanh, chiếc quần màu xám đi qua những cái xe

nhỏ xú. Thế mà bây giờ trong cuộc đời chỉ còn lại có một mình tôi. Không bao giờ tôi còn được trông thấy bóng dáng lầm lũi của ông ngồi cô đơn bên chai rượu, ngọn đèn không chiếu hình ông lên tường vôi nữa, căn gác nhỏ không có bóng ông ra vào, ông đã đi tìm thú vui một mình. Ông bỏ lại tôi và em Mão bơ vơ ở lại trong thiếu thốn, nhọc nhằn. Bất giác tôi khóc òa lên to hơn trước. Tôi trông thấy bộ mặt nhàn nhúm của tôi méo mó ở trong kính cửa. Ngày xưa tôi khóc mẹ tôi ở bên lề đường có những cây gạo đang nở hoa đỏ, có nắng thu úa ở trên những ngọn cỏ xanh, tôi không thay đau đớn, xúc động nhiều như lần này. Bởi vì bây giờ tôi đã biết khổ, biết buồn, biết suy nghĩ và nhất là tôi được chứng kiến quang đời tôi tám mấy năm về sau này của tôi.

Người tôi như mê đi. Tôi đi xuống cầu thang gác. Tôi đứng một mình ở trên sàn đá hoa trắng. Tôi muốn nhớ lại hình dáng của ông hôm qua ở đây. Ông trao cho tôi cái cặp. Miệng ông cười nhưng mắt ông khóc. Bây giờ thì tôi biết được ý nghĩ trong đầu ông lúc ấy. Ông tiễn con trai ông một lần cuối. Ông nhìn theo cho đến khi nó khuất sau dãy cầu thang. Lần lúc ấy ông cũng đau khổ như tôi bây giờ. Hình ảnh cuối cùng của tôi trong óc ông là hình ảnh một chàng bé gầy yếu, xanh xao, mặt mày cằn cộc, áo quần bẩn thỉu, xộc xệch. Ông để tôi lại trong cuộc đời không một niềm hy vọng, không một chỗ nương thân, chắc hẳn lòng dạ ông

đau xót hơn hết thầy bao giờ. Nhưng bây giờ thì ông sướng hơn tôi. Tâm trí ông không còn bận bịu về những việc nào lòng ở trên đời, mắt ông không phải nhìn vào những nỗi khổ, ông đi về một thế giới khác, có hoa thơm, có cỏ lạ, có chim hát, có mẹ tôi tươi sáng chờ đón ông với những niềm vui ngày xưa. Ở đây chỉ còn lại một mình tôi, một mình tôi chịu cho ông mọi nỗi nhọc nhằn. Nghĩ như thế, tôi lại khóc. Tôi đi ra cửa mà không biết có ai ở trong nhà. Hình như bà Thuận-Ký đang ngồi bàn tán với ông ta ở sập. Tôi không chào ai. Tôi đi chậm chậm ở trên những viên gạch kẻ ô vuông trong hè phố. Tôi muốn đi mãi để được nghĩ đến ngày xưa. Căn phòng thấp đèn xanh có gió rì rào đập ngoài kính cửa, có tiếng u già rửa bát lịch cách ở vườn sau. Cha tôi làm việc ở trong ấy, mẹ tôi bế tôi trên giường có nệm trắng, giấc ngủ của tôi lặng lẽ đi về với những hình ảnh kỳ lạ, thần tiên. Không bao giờ trong óc tôi phai mờ được khung cảnh tươi sáng nhất của đời tôi như vậy cả. Tôi không muốn nghĩ đến hiện tại. Tôi ghê sợ những điều mà cuộc đời đã dành cho tôi. Tôi ước mong đó chỉ là một cơn ác mộng.

Tôi về đến nhà thì cửa hàng đã đóng kín. Có tiếng dì Tư khóc thầm thút ở trên gác. Tôi tin là dì ấy khóc thành thật, mặc dầu tôi không quên những buổi tối trong giường dì, có em Mão nằm ôm chân phở Đổng ngủ mê man. Trong cái tang đau đớn này, dì mất chồng cũng khổ lắm như tôi mất cha. Tôi thấy thương dì hơn là giận. Cuộc đời dì cũng chỉ tầm thường như những ước vọng của

đi. Sống trong gia đình tôi, dĩ phải chịu nhiều điều xót xa hơn là được sung sướng. Ý nghĩ ấy khiến tôi thấy gần dĩ hơn, và đây cũng là lần đầu tiên tôi nghĩ đến dĩ mà không hẳn học.

Nhưng kẻ đáng thương nhất phải là em Mão. Mão đang uống nước ở phía bàn. Quần nó gần cũn cũn có giải buộc vòng ra sau cõ trông thật đáng thương. Ở người nó, cái gì cũng nhỏ xíu cả. Từ bàn chân, bàn tay cho đến linh hồn của nó. Mão chưa đủ sức hiểu sự đau đớn của đứa con mất cha, mặc dầu nó không được lớn lên trong tình thương yêu toàn vẹn. Tôi ôm lấy Mão trong vòng tay rồi khóc ở trên mái tóc mềm mại của nó. Chúng tôi thực sự là hai đứa mồ côi. Nếu cha tôi được nhìn thấy anh em tôi ôm nhau lúc này thì ngày hôm qua ông chẳng thể đủ can đảm mà uống những viên thuốc ngủ để trốn tránh cuộc đời. Ý nghĩ ấy làm tôi khóc to hơn. Em Mão bây giờ cũng khóc.

Tuy tôi mới đi vắng hai hôm mà căn gác trông như lạnh lẽo hẳn. Tiếng khóc của dĩ Tư nức nở trên mặt gối. Dĩ ấy xé những chiếc áo sơ-mi của ba tôi rồi vút xuống chân giường. Hai đôi giày tây của ông vẫn gác ở trong một góc. Tôi nghĩ rằng không còn bao giờ bàn chân gầy guộc của ông đi vào những đôi giày ấy nữa. Tôi bế Mão lại gần tủ, với xuống cho nó con búp-bê mà mẹ nó gác ở trên nóc. Mão ôm búp-bê vào lòng và nín khóc. Con búp-bê gọi cho tôi hình ảnh buổi chiều mùa thu tôi đi với ông trên hè phố. Hôm ấy ông mua cho tôi những thếp giấy trắng, một hộp

thuốc màu và một đôi giày tây mới. Bây giờ thì chẳng còn bao giờ tôi được sống những phút vui sướng ấy nữa.

Ở nhà một lát, tôi đi xe điện xuống nhà thương Cống Vọng. Người ta để ba tôi ở dưới nhà xác. Tôi đi vào căn buồng tối mờ mờ có mùi từ khí lạnh lẽo. Ở trong ấy có những cái bàn dài bằng đá. Từng xác chết nằm đắp chân trắng, mặt phủ giấy bản, bên ngoài úp bằng những cái lồng bàn xanh viền sơn đỏ. Ba tôi nằm ở trên đó. Da mặt ông tái ngắt, hai lần môi mím chặt và tím bầm như quả bồ quân. Mắt ông nhắm nghiền như khi ông ngủ. Mình ông còn mặc chiếc áo vét tông xanh, hai bàn tay gầy guộc, sạm đen đặt ngay ngắn ở trên ngực. Tôi run run nắm lấy hai bàn tay ông. Một cảm giác lạnh lẽo truyền sang người tôi. Thật là mau chóng quá. Hôm qua tôi cũng nắm tay ông như thế này, thấy ấm áp và săn sùi. Miệng ông còn cười, mắt ông còn khóc. Bây giờ ông đã ở đây, trong nhà xác lạnh lẽo không nói được, không nhìn được, không khóc được. Giấc ngủ của ông là giấc ngủ vĩnh-viễn, chẳng bao giờ ông trở dậy để ngồi uống rượu bên cửa sổ, để đọc báo trên ghế xích đu, và để nom thấy tôi đứng ở đây, đang vì ông mà khóc. Phải chi đây là căn buồng chật hẹp có tiếng muỗi vo ve trong âm thấp, có tiếng bật bông thình thịch ở những căn gác xếp bên cạnh vắng sang, vào những buổi sáng có tiếng hàng quà rao lạnh lạnh vọng qua cửa sổ, thì tôi đã được lay ông dậy, đem lại cho ông cái ống nhổ

bằng đồng, và tìm cho ông đôi dép cỏi để ở dưới chân giường. Công việc thường lệ ấy từ nay tôi không được làm nữa. Vì ông đã bỏ chúng tôi để vào năm đây, linh-hồn ông yên ổn sau những năm tháng âm thầm, đơn độc trong cuộc sống đầy rẫy xót xa và nước mắt.

Tôi gục đầu vào ngực áo của ông mà khóc. Hai bàn tay tôi bấu lấy cái eo thề cứng lạnh của ông. Tôi nghĩ thấy mùi tử khí xen lẫn với mùi thuốc lá quen thuộc. Như thế chắc chắn là ông đã chết. Ông đã vĩnh viễn không còn biết tới tôi, không còn phải lo cho cuộc đời tôi, đời của anh em chúng tôi. Ông sẽ đi vào một thế giới khác, ở đây có mẹ tôi mặc áo nhung đỏ, đeo kiềng vàng, mắt bà long lanh như những vì sao sáng chờ đón ông với đầy đủ niềm vui. Còn tôi, từ nay cô độc trong cuộc sống, sẽ không còn ai săn sóc tôi khi đau ốm, an ủi tôi khi thất vọng ở cuộc đời. Tôi khóc cả hai người ở trong cái ý nghĩ hãi-hùng ấy.

Trong những ngày làm ma, cửa hiệu Đại-Mỹ coi như là đóng cửa hẳn. Bác Phó Đồng chỉ có mặt vào lúc đưa ba tôi xuống phần mộ ở dưới nghĩa trang. Mọi việc đều do Vũ lo soạn cùng với tôi. Tôi chọn cho ông một cái quan tài trắng, đầy và chắc. Tôi nghĩ đến chiếc áo quan đóng vội vàng của mẹ tôi ngày xưa. Tôi cầu xin cho linh hồn hai người gặp nhau ở dưới ấy.

Nhà tôi tuy xa sát, nhưng tôi cũng thuê được một xe hai ngựa, đến buổi chiều mưa, anh em tôi

lặng lẽ theo xe tang đi ra ngoài thành phố. Tiếng kèn nào nuốt ai oán thối lên ở trong gió ngoài cánh đồng nghe như xé ruột. Những lời kẻ lẽ của dì Tư nghe còn buồn hơn. Đám tang ít người và rời rạc. Chỉ có một vài người bạn thân lác đác đi sau vết xe chậm chậm. Mưa rả rích đọng long lanh những hạt nước ở trên những cái riềm vải đen viền trắng. Vó ngựa lộc cộc nện ở trên con đường đá sỏi. Tôi nhìn ra cánh đồng trắng xóa bụi mưa. Chưa bao giờ tôi thấy trời buồn như thế. Không gian tầm hơi lạnh lạnh, một niềm xót xa, cô đơn xâm chiếm trọn vẹn linh hồn tôi. Tôi nghĩ đến tương lai, không có cha, không có mẹ, không có nguồn lợi tức để sinh sống trong ngày mai. Hình ảnh em Mão bé nhỏ vô tội, hình ảnh dì Tư goá bụa trong tuổi trẻ, và một mình tôi yếu ớt, trong cuộc sống quay cuồng, hỗn loạn. Tất cả gieo vào lòng tôi những ý nghĩ đen tối, đầy lo âu. Tôi nghĩ đến Vũ và lòng chân thành của hắn. Tự nhiên tôi thấy cần Vũ hơn bao giờ. Bây giờ Vũ là người độc nhất có thể gây cho tôi niềm vui và an ủi. Tôi nhìn mái tóc của hắn phơ phất trong bụi mưa. Mặt Vũ dăm chiêu, râu rầu. Bao giờ Vũ cũng có vẻ mặt như thế mỗi khi hắn suy nghĩ một mình.

Chúng tôi đi vào con đường giải nhạ, hai bên có những ngôi mộ quét vôi trắng. Có những thoi vàng giấy kẹp chặt nằm rơi rải rác ở hai bên lề lối đi. Tiếng kèn réo rất hơn xoáy vào không gian yên tĩnh của nghĩa địa xa thành phố. Tôi nghĩ đến nền đất

lạnh và nổi cô đơn của cha tôi ở chốn này. Từ nay ông sẽ làm bạn mãi mãi với hoa cỏ mọc hoang vu, với những mộ chí quết với trắng lạnh lùng. Buổi chiều có gió thổi ở đồng về trong tiếng thông reo. Những ngày mưa rào rích nước đọng long lanh trên những vòm lá tiêu điều. Chỗ ở của ông bây giờ là đây, trong đồng vắng, trong quan tài, dưới nền đất đỏ. Bất giác tôi òa lên khóc. Di Tư cũng khóc to hơn vì người ta đang ròng chiếc áo quan hạ huyệt. Sợi dây thừng chuyền động rắc rắc ở trên cây đòn gỗ. Tiếng kèn nức nở thêm ở trong tiếng khóc. Tôi không dám nhìn về phía ấy. Vũ dúi tôi lại ngồi xuống một mô gạch. Vũ an ủi tôi qua những tiếng ngấp ngừng. Nhưng tôi không nghe thấy gì cả. Bên tai tôi chỉ có tiếng cuốc, thường và tiếng đất rơi thình thịch xuống ván gỗ che lấp dần chiếc áo quan màu trắng có cha tôi ở trong đó, mình mặc áo vét tông xanh, hai mắt nhắm nghiền, cặp môi mím chặt tím bầm bầm. Tôi gọi ba tôi trong mơ hồ như muốn níu ông lại, muốn cầu xin ông đừng bỏ tôi, hãy thương lấy tôi, lấy em Mão, chúng tôi cần ông như những con chim non cần tổ ấm.

Lúc cơn mưa bắt đầu ngớt thì công việc đắp phần mộ xong hoàn toàn. Mấy vòng hoa héo úa đặt trên nền đất đỏ. Bát cơm trắng đơn cao có quả trứng luộc đặt ngay ngắn ở giữa. Hương tỏa khói màu xanh bay tản mạn trong bầu không khí lạnh và ẩm. Trên con đường nhựa láng ướt, chiếc xe song mã chậm chậm đi về. Móng ngựa uể oải gõ lên mặt đường. Không gian rộn lên vì những tiếng kèn, tiếng khóc từ xa, bây giờ trở nên lặng lẽ. Tôi và Vũ đứng ở cạnh

thêm cô nhìn đoàn người trở về. Di Tư bồng em Mão trên tay. Sự cô đơn của một người đàn bà góa và đứa con thơ gây cho tôi nỗi xúc động. Tôi không thể ghét di mà còn tràn ngập lòng thương. Tôi tin rằng nếu linh hồn ba tôi còn lần quất ở đây, chắc ông cũng có cùng một ý nghĩ như tôi.

Em Mão hai tay ôm lấy cổ mẹ. Đầu nó đội mũn sô trắng. Nó quay mặt về phía tôi. Hai con mắt to và đen nhìn tôi cho đến khi khuất hẳn. Quanh tôi bây giờ chỉ còn có Vũ. Vũ ngồi trầm ngâm bên đồng lửa nhỏ. Tay Vũ cời những thoi vàng giấy cho cháy hết. Gió buổi chiều thổi tung những tàn thân màu đen bay là là trên nệm cỏ. Ánh lửa dưới tay Vũ sáng lên rồi lại dần. Lúc Vũ ngừng lên, tôi thấy mắt Vũ đỏ hoe. Từ ngày quen nhau, đây là lần đầu tiên tôi thấy Vũ khóc. Tôi cảm động, rưng rưng nhìn về phía Vũ. Chúng tôi không nói nhưng trong lòng cùng tràn ngập tình yêu thương. Tôi thấy từ nay mình không thể xa Vũ. Trong cuộc đời, tôi chỉ còn Vũ là người duy nhất gây cho tôi niềm tin và nghĩa sống. Điều ấy làm lòng tôi bớt trống trải và cô đơn. Tôi nắm chặt tay Vũ, đứng dậy.

Hai đứa chúng tôi trở về trong bóng hoàng hôn. Con đường đá nhỏ rải rác vài cánh hoa úa nát. Nghĩ đến sự trở trời của ba tôi từ nay ở chốn này, tôi ngẹn ngào gọi ông ở trong ý nghĩ.

Ngoài xa, sương xuống ở khắp cánh đồng...

(Còn tiếp)

NHẬT-TIẾN.

BÀI THƠ KHÔNG KẾT THÚC:-

yêu, khô

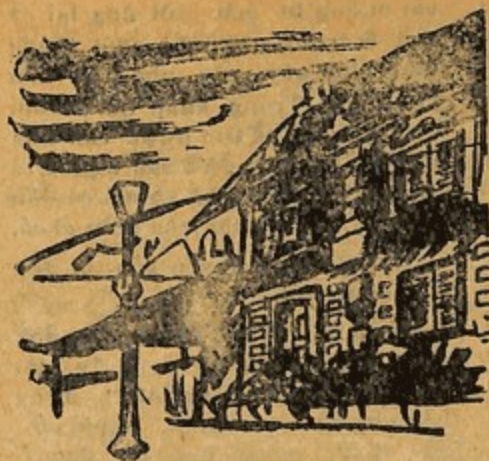


— Thơ của H. Tú-Huyền

Xa xăm
Mây tím
Loang trời lạnh
Gió cũ
Xa về
Gió tịch liêu.

Một lần đau khô một lần yêu
Gió rít cung đàn ướt tiếng tiêu
Mắt nàng tím loang xa trời quạnh
Tay khảy dây lòng tiếng nhạc yêu. .

H. Tú-Huyền



căn nhà bí mật

Nguyên tác của E. B. Lytton
Bản dịch của Tô-Hoàng

(tiếp theo)

Tôi lật tấm hình lên thấy đằng sau có trạm một ngôi sao năm cánh; giữa ngôi sao là một cây thang, bậc thứ ba của cây thang là hàng số 1765. Xem xét kỹ hơn chút nữa, tôi khám phá ra cái lò so. Tôi bấm cái lò so thì lưng tấm hình bật lên, bên trong có khắc chữ: « Tặng Mai — Hãy trung thành với nhau lúc sống cũng như lúc chết ». Xin phép các bạn cho tôi dấu tên người ký, nhưng tên đó không phải xa lạ đối với tôi. Thủa nhỏ, tôi vẫn thường nghe các cụ già nói đến tên thầy lang băm nổi tiếng đó. Người này đã làm Luân-Đôn sôi nổi một năm trời và sau phải trốn ra ngoại-quốc vì ông ta đã giết hai mạng — nhân tình và kẻ thù của ông ta — ngay trong

nhà. Tôi không nói gì về điểm này với ông Thành và ngần ngại trả lại ông tấm hình.

Ngân kéo thứ nhứt trong tủ sắt chúng tôi mở rất dễ dàng nhưng ngân thứ nhì thì thực là khó khăn. Ngân kéo không khoá mà chúng tôi phải dùng đục để phá. Trong ngân kéo, chúng tôi thấy một bộ máy rất kỳ lạ hãy còn tốt. Trên cuốn sách mỏng — nơi là tập nhật ký thì đúng hơn — là một đĩa bằng pha-lê; trong lòng đĩa có một thứ đĩa bàn nổi trên chất nước trong suốt. Kim đĩa bàn xoay động lệ làng. Đĩa bàn này không có bốn hướng như những cái khác mà lại có bảy đầu kỳ lạ không khác đầu chỉ các hành tinh của các nhà thiên văn mấy. Từ ngân kéo xông lên một mùi kỳ lạ không mạnh lắm mà

cũng không khó chịu. Ngăn kéo lót một thứ gỗ, về sau chúng tôi mới biết là gỗ cây hạt dẻ. Không biết mùi đó là mùi gì, nhưng nó làm tỉnh thần chúng tôi rồi loạn. Cả hai người thợ ở trong phòng cũng thấy cảm giác sợ hãi chạy từ đầu ngón chân tới chân tóc.

Tôi nóng lòng xem cuốn nhật ký nên nhấc cái đĩa ra, cây kim địa bàn quay tít nhanh vô cùng. Tôi cảm thấy một luồng điện chạy khắp người làm tôi đánh rơi cái đĩa xuống sàn, chất lỏng trong đĩa bắn tung toé, cái đĩa vỡ tan và cái địa bàn lăn ra tận cuối phòng. Đứng lúc đó, bốn bức tường rung chuyển như thể có một người khổng lồ lắc căn phòng.

Hai người thợ sợ quá nhảy lên thang định chạy, nhưng rồi không thấy có gì xảy ra nữa, họ lại quay xuống.

Tôi mở cuốn nhật ký bọc trong lần da đồ có kẹp bạc, bên trong chỉ thấy mỗi mảnh da mềm. Trên miếng da có in hình một ngôi sao năm cánh, trong ngôi sao là hàng chữ La-tinh cổ của các thầy tu, tôi xin dịch sát nghĩa như thế này: «Trên tất cả những vật mà nó có thể chạm tới ở bên trong những bức tường này — những vật có tri giác hay vô tri giác, sống hay chết — chiếc kim cử động như thế nào thì ý lực của ta cũng sẽ hoạt động như vậy! Cái nhà sẽ gồm ghiếc và kẻ nào ở trong nhà sẽ bất an».

Chúng tôi chỉ tìm được có bấy nhiêu vật. Ông Thành đốt cuốn nhật ký ghi lời nguyện. Sau đó, ông cho sau phẳng căn phòng có

cái buồng bí mật. Rồi ông lại cạy gan ở trong căn nhà một tháng trời; lúc này, căn nhà trở nên yên tĩnh. Trong khắp Luân-Đôn, không ai có thể tìm được căn nhà nào tốt hơn nữa. Về sau người ta lại cho thuê căn nhà và người đến ở cũng không phân nàn điều gì cả.

Nhưng câu chuyện của tôi đến đây chưa hết.

Mấy hôm sau khi ông Thành dọn đến ở căn nhà bí mật ấy, tôi lại thăm ông. Chúng tôi ra đứng bên cửa sổ nói chuyện. Ngoài cửa nhà có một cái xe chở đồ đạc ở nhà cũ đến. Tôi nhấn mạnh vào thuyết của tôi rằng những hiện tượng kỳ quái đã xảy ra trong nhà này là phát xuất từ ở tri óc của một người mà ra, tôi nói:

— Chúng ta đã khám phá ra cái bùa, hay nói cho đúng hơn, lời nguyện, là nhờ luận thuyết của tôi.

Ông Thành trả lời:

— Dù là thói miên hay sức mạnh nào tương tự đi nữa, nhưng liệu những hiện tượng kỳ quái có thể hoạt động và phát sinh ra khi người có pháp thuật vắng mặt không và nó vẫn còn ảnh hưởng khi người đó chết rồi không? Và liệu bùa ếm có còn ảnh hưởng khi căn phòng đã bị xây kín lại hơn bảy chục năm nay và người có pháp thuật có lẽ đã chết lâu lắm rồi không?

Tôi định trả lời nhưng chỉ nói được hai chữ: « Ông Thành... » rồi nắm chặt lấy cánh tay ông ta và chỉ xuống dưới đường.

Một người đàn ông ăn mặc lịch sự từ bên kia đường bước sang và đến hỏi chuyện người phụ

khuan đồ đặc. Ông đứng quay mặt về phía cửa sổ. Đứng là bộ mặt trong tấm hình nhỏ chúng tôi đã tìm thấy, bộ mặt trong một tấm hình vẽ cách đây ba thế kỷ.

Ông Thành kêu lên :

— Trời ơi ! Tân-Phủ đây mà. Tôi gặp hân trong triều của Tiểu Vương Abdul từ khi tôi còn trẻ mà sao trông hân vẫn không già đi chút nào cả.

Chúng tôi chạy vội xuống dưới nhà. Tôi ra tới ngoài phố trước, nhưng người ấy đã đi mất rồi. Tôi thoáng thấy ông đi chưa xa nên chạy theo.

Tôi định nói vài lời nhưng khi nhìn hân vào mặt ông ta thì tôi cảm thấy tôi không nói được nữa. Cặp mắt — cặp mắt rắn — nhìn tôi làm tôi như mê đi. Người đàn ông đó trông rất đáng hoàng, có một vẻ kiêu hãnh đúng mức và rất kẻ cả có thể làm cho bất cứ ai cũng phải ngẩn ngại trước khi dám hỗn láo với ông ta. Còn tôi thì tôi nói gì đây ? Tôi hỏi ông ta cái gì bây giờ ? Tôi xấu hổ vì bị khích động nên đi chậm lại vài bước, nhưng vẫn theo sau ông ta và không biết mình phải làm gì nữa.

Lúc đó, người đàn ông giế ở đầu phố. Một cái xe ngựa kiểu giản dị và người hầu mặc quần áo kiểu cổ sang trọng đứng mở cửa đợi sẵn. Ông ta bước lên xe đi thẳng.

Tôi quay lại thấy ông Thành vẫn ở ngoài cửa đang hỏi người phu xem ông khách nói gì.

Người phu nói :

— Ông ấy chỉ hỏi nhà này của ai thôi.

Chiều hôm đó, tôi cũng một người bạn đến Hội-Quán Thế-Giới chơi. Hội-Quán này là một nơi tụ họp của người thuộc đủ các quốc tịch, có đủ các quan niệm, ở đủ mọi tầng lớp. Kể thì đến đề uống cà-phê, kể thì đến hút si-gà. Ở đây, chắc chắn ai cũng gặp được những người tinh tinh dễ chịu, những người đáng chú ý.

Tôi vào phòng chưa được hai phút bỗng tôi thấy một người quen tôi — ông Giao — đang nói chuyện với người ấy — người thực của bức chân dung.

Lúc đó ông không đội mũ nên trông lại càng giống bức chân dung một cách lạ lùng. Tôi chỉ nhận xét được khi ông đang nói chuyện, về mặt bết trang nghiêm. Ông cười, nhưng cái cười ấy lạnh lẽ và lạnh lùng. Đáng người đáng hoàng của ông trông lại càng đáng ngạc nhiên hơn — về người lịch thiệp của ông hoàng miền Á-Đông, tự nhiên cao quý, không thể chê trách được mà cũng không thể khuất phục được.

Một lát sau, ông Giao ra chỗ khác, con người lạ lùng cầm một tờ báo khoa học lên chăm chú đọc.

Tôi kéo ông Giao ra một chỗ hỏi :

— Người kia là ai và làm nghề gì thế anh ?

— Ông kia à, một người đáng chú ý lắm. Theo ý tôi, ông ấy là một bác học giỏi nhất về Á-Đông. Năm ngoài tôi gặp ông ấy ở Petra bên Á-Rập. Chúng tôi làm quen với nhau. Có một lần ông ấy và

tôi phải chống chọi với một bọn ăn trộm và nhờ sự gan dạ của ông ấy mà chúng tôi thoát chết đấy. Về sau, ông ấy mời tôi đến ở nhà một ngày. Nhà ông ở Damascus (thủ đô xứ Syrie) giữa một vườn hồng tuyệt đẹp. Ông ở đây mấy năm, lối sống hoàn toàn Á-Đông. Ông là một nhà thơ miên đại tài, già rồi nhưng giàu vô kể. Chính mắt tôi đã thấy ông ấy dùng thuật thôi miên sai khiến được cả những bất động vật. Nếu anh lấy một tờ giấy vót ra góc phòng đằng kia, ông ấy sẽ gọi nó chạy đến tận chân, tờ giấy rung lên bần bật trên sàn nhà cho đến khi tuân theo ý ông. Tôi lấy danh dự mà nói đấy. Tôi đã thấy ông ấy điều khiển cả thời tiết hay lấy cái ống thủy tinh, cái đĩa làm tan một đám mây. Thế nhưng ông ấy không thích nói những chuyện này với mọi người lạ đâu. Ông ấy xuất ngoại lâu lắm rồi và mới về đây đây. Đề tôi giới thiệu anh nhé.

— Vậy thì hay lắm. Ông ta là người Anh à? Tên là gì?

— Tên là Bằng.

— Ông ấy sinh năm nào, gia đình ra sao?

— Ô! tôi làm sao mà biết được. Mà cần gì biết điều đó. Dân mới nổi, nghèo giàu, giàu nứt đổ vách.

Giao kéo tôi tiến về phía người lạ mặt và giới thiệu. Ông Bằng không có những cử chỉ của nhà du lịch. Khách du lịch thường nói

hiều, khao khát, nóng nảy. Còn ông Bằng thì điềm đạm, giọng nói nhẹ nhàng, cử chỉ rất kiểu cách — cử chỉ của thời xưa. Tôi nhận thấy thứ tiếng Anh của ông Bằng không hẳn đúng như tiếng Anh ngày nay của chúng tôi, giọng nói của ông hơi có vẻ ngoại quốc. Nhưng ông Bằng bảo tôi rằng đã từ lâu ông không dùng tiếng mẹ đẻ.

Chúng tôi nói chuyện về sự thay đổi của Luân-đôn từ khi ông ra ngoại quốc cho đến bây giờ. Tôi nói đến đây thì ông Giao xen vào và xoay câu chuyện một cách tai hại. Ông Giao nói về văn chương, xã-hội, chính trị, những vĩ nhân đã rút lui khỏi sân khấu khoảng hai chục năm qua và những vĩ nhân sắp lên đài ra mắt.

Ông Bằng tỏ ra chẳng ưa thích gì những chuyện đó. Ông chưa hề đọc tới các nhà văn hiện đại và hình như không hiểu gì về các chính khách mới cả. Có một lần, — chỉ một lần thôi — ông ta cười khi ông Giao hỏi ông có định tham gia Quốc-Hội không. Tiếng cười chưa chát, thâm độc, mỉa mai. Mấy phút sau, ông Giao ra nói chuyện với mấy người quen vừa mới tới.

Lúc đó tôi mới lặng lẽ bảo ông Bằng :

— Thưa ông, tôi mới được coi một tấm ảnh của ông trong căn nhà trước kia ông ở. Sáng hôm nay ông có đi qua căn nhà đó.

(Còn nữa).

Tô-Hoàng.

gửi độc giả xa gần

trước vui thích sau ích lợi

Các bạn Thủy-Linh (Quảng-Ngãi),
Trần-thiên-Lý (Huế), Chung Thụy
(Chợ - Lớn), Kim-Tuấn (Pleiku),
Trần-Như-Trạch (Huế), Mặc-Duy
(Hội-An), Trần-dinh-Khánh (Saigon),
Nguyễn-hữu-Toàn (Hội-An), Nguyễn-
văn-Lộc (Saigon), Tổ-Tám (Nha-
Trang), Phương-Nguyễn (Huế).

Đã nhận đủ, trân trọng cảm ơn,
Xin các bạn xem thể lệ gửi bài và
đăng bài cũng trong mục này ở tập
4 và 5. Mong các bạn tiếp tục gửi
bài khác. Tân Phong luôn luôn
hoan nghênh bài của bất cứ bạn
nào và không bao giờ bỏ qua
những bài hay.

— Bạn Ngô-như-Hoa (P. Rí). — Tân
Phong hoan nghênh bất kỳ loại văn
nào: truyện ngắn, truyện dài, tùy
bút, khảo luận thi kệ, hoạ ... Mong
bạn cứ gửi về.

— Bạn Phan-thị-Mộng Hoà
(Huế). — Truyện ngắn khá, tuy
nhiên chưa đủ điều kiện đăng được,
Mong bạn gửi cho truyện khác, cả
thơ nữa.

— Ông Vũ-Doãn-Cơ: đã nhận
được thư và tem của ông. Xin cảm
ơn.

— Bạn Thiên Nhiên (Kiến Hoà)
Bài L.T. sẽ đăng nhưng đề nghị đổi
« L.T. » bằng một tựa khác tùy bạn
chọn hoặc viết thư cho chúng tôi
biết ý kiến.

— Bạn A. L. Ngọc Chắt (Đà Lạt):
Rất hoan nghênh và chờ bạn tiếp
tục gửi thêm ô chữ.

— Ông Đặng ngọc Tốt (Bình Định):
Cảm ơn ông, sẽ gửi báo tới ông.
Xin ông gửi bưu phiếu về.



BÀI CỦA ĐỘC-GIẢ XA GẦN

Tân-Phong đã nhận được những
tác phẩm sau đây của các bạn xa
gần gửi về theo thường lệ đã chuyển
sang bạn đọc, nếu quá 8 tuần các bạn
không thấy đăng hoặc không có thư
riêng gửi các bạn thì xin coi như
bài không đăng.

Tân-Phong đã nhận được các tác
phẩm sau đây:

Tim một vùng trăng (T.V.) — Thơ
Lạnh (H.T.L.) — Trò tên gì, Săn
sừng và chuồng bị (L.H.L.) — Hoài
Anh (T.H.Q.), Vườn mộng (V.H.),
Sửa nhà (V.H. và L.H.), yên lặng
(T.H.) — Gợi gió (H.H.T.) — Chiều
Thu (andré) — Tuổi Niệm, Thu
buồn (H.N.H.) — Bài thơ, Thu, Lạc
Đề, Bình Hoa, Mộng Đời, Thi Nhân,
Rời đây (T.D.T.) — Lại Huế, Em Đi,
Tự Nhiên (C.K.) — Những Bước Đi
(H.S.) — Đám Say, Có Độc (T.Q.A.)
— Bồn Phận (T.T.N.) — Lòng Trai
Đất Mẹ, Phận làm trai (Đ.N.) — Hoài
Mong (Y.S.) — Đêm Buồn, Thu
Mộng, Thao Thức (H.P.T.) Tỉnh

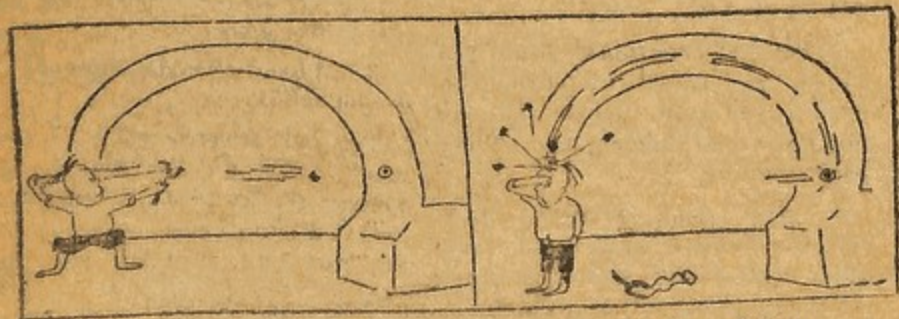
Nàng Đóm (T.N.K.) Tiễn Thu (T.N.R.) gặp nhau, Thương về Hà Nội Thu về trên bến đò ngang, Thu trong lòng tôi (H.H.) — Tơ Loạn (M.) — Chúng mình, Ngày cuối (P.H.D.) Nàng thơ, Tình Sầu (N.B.) Chiều lẳng, Kiếp đọa sinh, Thương dân Châm, Uất, Yêu anh, Ti tách lá vàng rơi, Dội, Sao anh biết, Tình cô gái đỏ, Hân duyên, Ta đi tìm, Đây thời gian, Lối xưa, Lời cô phụ. Cảnh sương trắng, Giận nhau, Vọng chiều Đông. Chưa (M.T.) — Nếu ngày mai tôi chết, Ngày mai ai nhớ tôi (T.V.) Cô đơn, Cho nhau (K.T.)

— Tiếng Sóng (T.V.D.) — Đầu lối về mùa thu (H.M.T.) Bạn (Q.N.B.) — Thỏ thẻ, Điền cuồng, Đường khuya, Cô đơn (P.P.) Thần chết đã giải quyết điều bí mật (B.L.) Phôi phai, Chim Múa (H.Q.) — Mưa (?) — Nhật hôn thư chị (T.L.) — Áo Ước, Chờ đợi (K.M.K.) Thơ Yêu, Quạnh hiu (T.L.) Về (Đ.N.C.)

CHÚ Ý: — Xin các bạn đề rõ qui danh và địa chỉ dưới thư từ và tác phẩm gửi về toà soạn. Cảm ơn.

Tân Phong.

tranh không lời



của Ngọc-Dũng.

Thơ từ bài vớ vẩn gửi:

Ông Trương-cam-Vĩnh

Giải phẩm Tân-Phong

217, Lê-văn-Duyệt nổi dãi (Ngã tư Bảy Hiền)

